



ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ  
CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

# Cao Đài Giáo Lý

XUÂN MẬU TUẤT 2018  
142



NHÀ XUẤT BẢN  
TÔN GIÁO

# CAO ĐÀI GIÁO LÝ

“Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý không phải là một chi phái, cũng không phải của một cá nhân nào, hay một đoàn thể nào, mà phải là của toàn Đạo, một nhịp cầu nối liền tình huynh đệ, một điện đài thâu và phát những động năng thúc đẩy cho sự thống nhất giáo lý, tức là tinh thần vậy; để các con sẽ gặp nhau, quy nguyên ở vị trí duy nhất, tri và hành theo chánh pháp của Đại Đạo.”

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế  
kim viết Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương,  
Thiên Lý Đàn, 14-01 Ất Tỵ, 15-02-1965.



Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

# CAO ĐÀI GIÁO LÝ

Xuân Mậu Tuất 2018 – 142

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo  
171B Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh,  
Quận 1, TP. HCM

Nhà xuất bản Tôn Giáo – 2018



CAO ĐÀI GIÁO LÝ XUÂN MẬU TUẤT 2018 -142

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

Chú thích:

Ảnh bìa 4: Sinh hoạt Tất Niên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý

Nhà xuất bản Tôn Giáo

53 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

(04) 37 822 845 – fax: (04) 37 822 841

nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc – Tổng biên tập: Nguyễn Công Oánh

Biên tập: Lê Hồng Sơn

Trình bày & kỹ thuật: Bộ phận dàn trang

Sửa bản in: Diệu Nguyên

Đơn vị liên kết

Ông Đoàn Thiên Tâm

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

171B Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. HCM

Số lượng in: 1.000 bản, khổ 145 x 205 mm, tại xí nghiệp in Fahasa. 774  
Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, Tp. HCM. (08) 38 153 971  
– Fax: (08) 38 153 297. Số đăng ký xuất bản: 15-2018/CXBIPH/11-02/  
TG. Mã ISBN: 978-604-61-4515-8. Quyết định xuất bản số 22/QĐ-  
NXBTG, ngày 22/01/2018. In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2018.

# CAO ĐÀI GIÁO LÝ

Xuân Mậu Tuất 2018 – 142

Bài vở thư từ xin gửi về  
Giáo sĩ Huệ Ý, Đoàn Thiện Tâm  
171B Cống Quỳnh  
phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp.HCM  
0937 65 94 51  
caodai2026@gmail.com

Ngân phiếu, tài chánh chung sức thực hiện  
xin gửi về  
Ông Đoàn Thiện Tâm  
Số tài khoản 0601 0892 2845  
Ngân hàng Sacombank, chi nhánh Sài Gòn  
phòng giao dịch Cống Quỳnh

Sách ấn tống  
Không bán



# mục lục

- 10 Suy ngẫm: Đổi mới rồi mới có Xuân  
*Cao Đài Giáo Lý*
- 13 Trích lục Thánh Giáo:  
Hãy giữ cái bất dịch mà ứng với biến dịch  
để hoàn thành sứ mạng  
*Đức Diêu Trì Kim Mẫu*
- 17 Trích lục Thánh Giáo:  
Muốn thưởng Xuân phải biết ý Xuân  
*Đức Đông Phương Lão Tổ*

- 21 Trang Thánh giáo song ngữ:  
Holy teachings of Three Achievements  
*Ban Dịch thuật VHV*
- 33 Giải pháp cứu độ thời đại  
*Thiện Chí*
- 38 Vun tưới cội xuân tâm  
*Diệu Nguyên*
- 52 Nhân – Trí – Dũng  
*Hồng Phúc*
- 73 Đức thịnh thời hưng  
*Diệu Nguyên*
- 89 Đức Bác Nhã Thiền Sư  
Tam Tông Pháp Chủ Nguyên Quân Bồ Tát  
Cuộc đời và đạo nghiệp – Bài học cho hậu sinh  
*Đại Mạng*
- 98 Nguyên Xuân  
*Xuân Mai*
- 104 Lịch sử các bản in Thánh Ngôn Hiệp Tuyển  
*Đạt Tường*
- 115 Tìm hiểu ý nghĩa bài Thánh thi của  
Đức Ngọc Lịch Nguyệt  
*Bửu Long*
- 118 Tìm hiểu hai câu thơ xưa  
trong lời dạy của Đức Mẹ năm Kỷ Dậu  
*Trần Nam Hiên*
- 120 Đạo đời tương đắc  
*Đạt Thật*

- 131 Con đường Tiến Đức Tu Nghiệp  
theo 9 quả Kinh Dịch và Thánh giáo Cao Đài  
*Lý Khiêm*
- 150 Đức Mẹ Maria với tín đồ Công Giáo  
*Thiện Chí*
- 156 Tướng tự tâm sanh  
*Xuân Mai*
- 170 Những mẩu chuyện từ cơ bút (tiếp theo kỳ trước)  
*Đạt Tường sưu tầm*
- 173 Học Điều thứ Nhất của Tứ Đại Điều Quy  
*Huyền Thị Hồng Cúc*
- 180 Tứ Đại Điều Quy: Món báu của người tu  
*Kim Sơn*
- 187 Thượng Đế có tạo ra điều ác không?  
Câu trả lời ai cũng biết nhưng lại không thừa nhận  
*Thiện Chí sưu tầm*
- 191 Viết ngắn 17  
*Bửu Long*
- 195 Đọc báo:  
Vùng đất 900 năm không có ai mắc ung thư  
*V.T. sưu tầm*
- 201 Vọng cổ: Chân hạnh phúc  
*Đạt Thật*  
Gia chánh:
- 205 Cơm hạt sen tay cầm  
*Hồng Tuyết*
- 206 Nấm đậu xào xúc bánh đa  
*Hồng Tuyết*

208 Theo dòng Đạo sự

*Thanh Hiến*

214 Truyện tranh:

Ngài Ngô Văn Chiêu: Môn đệ đầu tiên của Cao Đài (kỳ 9)

*Lời: Bửu Long*

*Vẽ: Cọ Trắng*



SUY NGÃM

# Đổi mới rồi mới có Xuân

Cao Đài Giáo Lý

Cuối Thu, sắp vào Đông, nhìn đám lá nâu phủ đầy dưới gốc cây trơ cành, những tưởng cây sẽ không còn sự sống. Nhưng kinh nghiệm trải qua bốn mùa cho ta niềm hy vọng cây sẽ hồi sinh. Nhưng sao phải tàn đi rồi sống lại?

Phải chăng đó là quy luật? Trước hết, nguyên nhân lá rụng hẳn nhiên vì thiếu nhựa sống, nhựa đã co rút lại, co lại nhưng không tiêu mất. Gốc cây vẫn lưu giữ nó để bảo tồn sinh lực và chịu đựng qua mùa giá rét.

Bao nhiêu năng lượng cây đã phát tiết cùng cực suốt mùa hạ, lá xanh lớp lớp phủ mát khu vườn, ngàn hoa khoe sắc đưa hương, tất cả phục vụ cho thiên nhiên, thiên nhiên phục vụ cho sự sống muôn loài.

Thiên nhiên là ai, là gì? Làm sao thiên nhiên vẫn hiện hữu, hiện sinh không chỉ trong một mùa, một năm, một thiên niên kỷ...? – Vì thiên nhiên tồn tại theo chu kỳ, những chu kỳ kế tiếp nhau không ngừng. Thật kỳ diệu! Ngày rồi đêm, đêm rồi ngày; Xuân, Hạ, Thu, Đông... năm tháng điều hòa... Đành rằng khoa học thiên văn đã giải thích bằng mối tương quan giữa trái đất và mặt trời. Lại hỏi

cái gì xếp đặt tương quan ấy để nó được duy trì vô hạn? Hơn nữa, xem xét mỗi vật thể từ nhỏ nhất, đến lớn nhất, khoa học đã khám phá mỗi mỗi đều tồn tại nhờ những chu kỳ bất biến. Tìm nguyên nhân, người xưa gọi là “Đạo”, thời nay gọi là “quy luật”.

Quy luật thì không thay đổi, Đạo là tự nhiên. Cái cây rụng lá cuối Thu kia là hiện tượng tự nhiên, tự nhiên để tồn tại. Con người đang sống, từ sinh ra đến trưởng thành cũng là tự nhiên. Nhưng con người là sinh vật thượng đẳng, tự chủ và làm chủ địa cầu. Con người không thụ động như các sinh vật khác. Con người có ý thức chủ động tiến hóa; nhưng chủ động như thế nào? Con người có áp dụng được quy luật “Xuân sinh- Hạ trưởng- Thu thu- Đông tàng” của cây kia, của chu kỳ một năm để tồn tại và phát triển chăng? Câu trả lời là được, nhưng cái “được” ấy không dễ dàng, vì con người không đứng yên một chỗ như cây, con người có nhiều mối quan hệ xã hội, hiện tại, quá khứ lẫn tương lai. Con người có thể xác, tinh thần và cả tâm linh. Con người không thể chỉ sống bằng bản năng.

Con người đã biết vũ trụ vạn vật tồn tại bằng quy luật tự nhiên và theo những chu kỳ, nhưng có thể chưa hiểu hết ý nghĩa sâu rộng của các chu kỳ qua từng giai đoạn diễn tiến, từng thời điểm của nó để ứng biến sao cho hợp với “quy luật” hầu thù thắng trong cuộc sống, gọi là “hợp đạo”. Thế nên các nhà hiền triết bảo phải “học đạo” để biết “đạo lý”.

Đạo lý sẽ giải thích hiện tượng lá rụng mùa Thu, giá lạnh mùa Đông. Đạo lý chỉ ra cái gì tự nhiên hay phản tự nhiên. Con người biết đạo lý, thực hành đạo lý mới đem lại an lạc cho xã hội, ngược lại là tương tàn, đạu khổ.

Thời đại ngày nay, văn minh vật chất đem lại đời sống tiến



bộ vật chất đến độ phản lại tự nhiên nên môi trường bị hủy diệt nhiều nơi, chiến tranh khùng bố tràn lan không ngăn chặn nổi. Có phải cụ Nguyễn Công Trứ đã thấy trước thảm trạng nên có thơ rằng:

“Kiếp sau xin chớ làm người,  
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo!”  
Vâng! Hãy reo lên cho con người thức tỉnh.

Mùa Thu, mùa Đông là những giai đoạn thâm liễm, tàng ẩn năng lượng để mùa Xuân khởi đầu một chu kỳ mới. Sự đổi mới sẽ quét sạch đám lá héo xào, sẽ xua tan màn sương lạnh những đêm đông. Mỗi lần xuân về là mỗi lần tích lũy thêm sức sống của thiên nhiên, mỗi lần chắt lọc thêm tinh hoa của nhân loại đó là văn hóa, khoa học, đạo đức, là những giá trị tâm linh siêu việt.

Thế nên, thiên nhiên đổi mới không ngừng mới có Xuân, con người phải không ngừng đổi mới để hiện tại có hạnh phúc, và tương lai là con đường tiến hóa hoàn hảo.



## TRÍCH LỤC THÁNH GIÁO

# Hãy giữ cái bất dịch mà ứng với biến dịch để hoàn thành sứ mạng

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 01-01 Giáp Tý (02-02-1984).

THI

AN lạc nơi lòng ấy thương xuân,

HÒA cùng xuân đạo cảnh thanh tân,

THÁNH ân sẵn có trong trần thế,

NƯƠNG chút Thiên ân rạng điểm thần.

Tệ Nương chào chư Thiên ân, chư hiền hữu nam nữ. Tệ Nương đến trước báo tin Đức Từ Mẫu sẽ đến ban ơn đầu niên trình mới cho chư Thiên ân và chư hiền hữu. Vậy hãy tiếp Đức Vân Hương Thánh Mẫu đến. Tệ Nương xin nhường bút. Lui.

TIẾP ĐIỂN

THI

VÂN vũ kiến thiên lạc cảnh xuân,

HƯƠNG bình phong thủy hảo canh tân,

THÁNH ân quảng bố Thiên ân tải,

MẪU đạo thừa trung bảo pháp thân.

Bản Tỷ chào chư Thiên ân, mừng các em. Trước khi Đức Từ

Mẫu giáng lâm, Bản Tử cũng được phép đem tin mừng cho các em trong đầu xuân của niên trình mới.

Một là kết quả của sự tu chứng trên đường trường Đại thừa Thiên đạo.

Hai là công phu công quả công trình khả dĩ của người chí thành tâm đạo, ngoài sự tự tu tự chứng cho bản thân, còn được hưởng hồng ân đại xá Kỳ Ba cho những linh hồn phụ mẫu quá cố đã có tu hành còn kém, sẽ nhờ sự tu chứng của các con mà được thăng vào cõi thanh cao và được hưởng phẩm vị tùy công hạnh ít nhiều, do đó mà tu luyện thêm để tiến lên cõi siêu nhiên bất diệt được mau hơn.

Bản Tử phân sơ lược để chư Thiên ân và các em lưu ý, sẽ có dịp các em thưởng thức tường tận hơn.

Đức Từ Mẫu vừa đến. Vậy chư Thiên ân cùng các em thành tâm nghinh tiếp. Bản Tử xin xuất ngoại tiếp nghinh Thánh Giá. Lui.

## TIẾP ĐIỂN

### THI

Thềm xuân rực rỡ cánh hoa mai,  
Giá hạc thừa lương<sup>1</sup> đến cõi này,  
Thăm viếng con hiền câu đạo lý,  
Dặn dò trẻ thảo bước trần ai.  
Giữ lòng thanh tịnh giữa phong vũ<sup>2</sup>,  
Dọn đất bở đề sạch góc gai.<sup>3</sup>

---

1. Giá hạc: Cõi hạc. Thừa lương: Hóng mát.

2. Phong vũ: Gió mưa. Những gian lao, thử thách trong trường đời.

3. Đất bở đề: Mảnh tâm của người tu. Góc gai: Những chướng ngại nội tâm của người tu.

Dầu một dầu ba thi ráng đố,  
Tin xuân chờ đợi trước Diêu Đài.

DIÊU TRÌ KIM MẪU. Mẹ mừng các con nam nữ. Miễn lễ, các con đồng an tọa nghe Mẹ dạy.

Này các con! Trung thu Quý Hợi Mẹ không đến với các con bằng lời, nhưng Mẹ và chư Phật Tiên vẫn đến với các con trong Hội Yến Bàn Đào các con đã hiến dâng thành kính. Giờ này, Mẹ đến với các con để các con an tâm mà tu tiến.

Kìa con! Tuồng thiên diễn<sup>4</sup> của ngoại vật lắm lúc làm cho các con phải dao động, ưu tư, nên con thường được dạy cần công phu giữ tâm thanh tịnh để nhận thấy cuộc diễn biến đều có sự thanh lọc để bảo tồn hay hủy diệt. Thiên cơ là như thế đấy con.

Thánh ý đã ban cho con từ lâu trong mười mấy năm qua, đủ cả tu nội tâm và bình ngoại cảnh. Các con do đó<sup>5</sup> mà tu mà hành. Lễ tất yếu hành công tu chứng của các con là phản tỉnh nội cầu, khắc phục cho đến khi nào con thấy được thuần chơn vô ngã thì kết quả sẽ đến với các con.

Con ôi! Có nóng bức của mùa hè mới thấy thu sang mát mẻ, có giá buốt của đông thiên mới thấy tiết xuân ấm áp. Luật của cõi nhị nguyên là như vậy mới tạo hóa vô cùng, thì hai chữ vô cùng là bất dịch. Các con hãy giữ cái bất dịch mà ứng với biến dịch để hoàn thành sứ mạng nghe các con.

Hôm nay, Mẹ dạy bao nhiêu lời để các con tu học, hành đạo trong niên trình mới và các con sẽ được dạy thêm.

Mẹ đã ban ơn vào các quả tử. Mừng Ba, giờ Dậu, các con hãy

---

4. Thiên diễn: Những diễn biến, thay đổi tự nhiên trong vũ trụ.

5. Do đó: Noi theo đó.

đến để chia nhau, từ Thường Vụ đến các cấp chức vụ nhân viên đồng thọ hưởng. Trong đó trách nhiệm nào được thần lực của ân điển hộ trì, các con hãy lưu ý trên đường hành đạo.

Mẹ cũng dặn thêm, những điều gì Thánh giáo nhắc nhở, dạy dỗ nhiều lần, các con hãy thận trọng quan tâm. Đừng xem thường không tìm hiểu mà bị lâm vấp, lạc sai nghe các con.

(...)

Này các con!

Các con vui để Mẹ mừng,

Vui cùng sứ mạng Thiên ân pháp quyền.

Xuân tâm, xuân đạo, đức Nguyên,

Lòng con gắn bó công viên quả thành.

Ân lành Mẹ bố đê thanh,

Các con trọn hưởng trong lành tu công.

Mẹ cũng ban ơn cho các con Tu sĩ, Giáo sĩ được thọ hưởng hồng ân của Mẹ mà tiến bước trên đường hành đạo.

Mẹ ban ơn lành cho tất cả các con. Các con sẽ được chư Phật Tiên dạy dỗ nhiều trong niên trình mới này để các con sớm hoàn thành sứ mạng. Các con hãy dũng mãnh mà nhận lấy trách nhiệm. Mẹ hồi cung. Lui.



TRÍCH LỤC THÁNH GIÁO

# Muốn thưởng Xuân phải biết Ý Xuân

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-01 Quý Hợi (13-02-1983)

KIM QUANG ĐỒNG TỬ. Chào chư Thiên ân liệt vị. Tiểu Thánh vâng lệnh báo tin có Đức Lão Tổ giáng lâm. Chư liệt vị nghiêm đàn thủ lễ tiếp nghinh. Tiểu Thánh xin xuất ngoại ứng hầu. Lui.

TIẾP ĐIỂN

THI

ĐÔNG mẫn Xuân sang ấy lễ thường,

PHƯƠNG châm giải thoát dụng thần phương,<sup>1</sup>

LÃO lai thiếu tráng đều công lệ,<sup>2</sup>

TỔ đức gầy nên đạo vĩnh trường.<sup>3</sup>

Chào chư hiền đệ hiền muội.

Bần Đạo đến trần gian với chư hiền đệ muội trong tiết Mạnh Xuân để cùng hưởng một ý Xuân phát sanh trong cơ tái tạo. Vây miễn lễ, chư hiền đồng an tọa.

---

1. Thần phương: Phương thuốc thần diệu.

2. Lão lai thiếu tráng đều công lệ: Người già hay thanh thiếu niên cũng đều có một điểm chung.

3. Tổ đức gầy nên Đạo vĩnh trường: Đạo đức giúp cho con người được vĩnh cửu trường tồn.

Chu kỳ ngắn ngủi trong một năm, nhưng đối với thế nhân là niềm hy vọng, kể cả chur hiền đệ muội. Hy vọng canh tân sức sống sáng tạo và vươn lên.

Thật vậy, Xuân là trạm dừng chân của bao khách lữ hành từ chốn khởi nguyên đang trở bước trên đường Đại Đạo.

Sứ mạng cao cả đã được đặt định cho loài thượng đẳng chúng sinh ở cõi này là sứ mạng vi nhân, được thay Trời mà quản cai muôn vật trong luật tắc hóa sinh sinh hóa, và có đủ quyền năng tự giải thoát để tiến hóa.

Quyền năng ấy, con người phải biết thật dụng từ căn nguyên bốn giác của chính mình, vận hành được bộ máy tạo hóa của chính mình, thì dầu ở trong luật tắc sanh hóa mà không bị hóa sanh.

Đã biết rằng Xuân là ấm áp, đẹp đẽ, hy vọng canh tân, nhưng nếu chỉ có Xuân thì Xuân cũng không thấy quý. Sở dĩ thấy quý vì có Hạ, có Thu, có Đông. Vì Hạ là diệu năng của Xuân. Xuân sanh, thì Hạ trưởng. Thu là tiềm lực của Xuân. Có sanh có trưởng phải có thâm kết. Đông là đức tiềm phục của Xuân để tiếp tục phát sanh.

Như vậy, có mùa nào là không có Xuân. Xuân là đức nguyên, là gốc. Gốc hấp thụ nhựa sống của Đất Trời mà bủa sung cành lá để kết quả đơm hoa, cũng như không có con người nào mà không có Thượng Đế tính.

Thế thì người giác ngộ, bậc Thiên ân hướng đạo đang trở bước trên đường Đại Đạo, muốn thưởng Xuân, phải biết ý Xuân.

Xuân là Đạo, là tâm. Xuân cũng là luật tắc vận hành từ chỗ xuất sanh đến khi phản bốn.

Chư hiền đệ muội ngày nay được hưởng thời đại ân xá và đang trở bước Đại Thừa thực hành Thiên Đạo, dầu ở cấp nào, cũng phải tự mình khắc kỷ, tu công, nghiêm minh giới luật.

Trễ một giờ là mất một năm tiến hóa. Nếu làm một nhơn sanh nơi cõi thế mà không tiến hóa được thì thật uổng phí một kiếp nhơn sanh.

Đạo không có chi ràng buộc. Nếu còn ràng buộc là sống chưa đúng Đạo.

Đạo là tự do tự tại. Muốn được tự do tự tại, người Thiên ân sứ mạng phải biết tự hoàn thiện, tự giác ngộ trước mọi hoàn cảnh biến thiên của thế sự, của nhân tâm, khắc kỷ tu công để răn dè những ngõ rẽ bên đường Đại Đạo khi vọng niệm còn sanh.

Bần Đạo nói để chư hiền đệ muội biết mà tu hành, mà hưởng một mùa Xuân đầy ý nghĩa.

Nhìn sự đánh mất của chư đệ muội từ giờ từ phút, Bần Đạo thêm lo lắng ưu tư.

THI

Nguyên nhân sứ mạng hỡi ai ơi!  
Phải giữ nguyên Xuân của đất trời,  
Biết sống Đạo hòa cùng nhân thế,  
Gót Đại Thừa trỗi khắp nơi nơi.

■

Nơi người đều có điểm linh quang,  
Cũng một tình chung Đấng Ngọc Hoàng,  
Tất cả quay về tâm chí thiện,  
Thế gian sẽ biến cảnh thiên đàng.

■

Thiên đàng biết nẻo khá lần lên,  
Sứ mạng Thiên ân một chí bền,  
Xuân đạo, Xuân tâm, Xuân vĩnh cửu,  
Đối thù vượt khỏi mới làm nên.



Năm Quý Hợi sẽ qua, và bắt đầu năm Giáp Tý, cuộc diện sẽ tốt đẹp hơn. Chư hiền đệ muội sẽ được thực hiện Thiên ân sứ mạng trong chu kỳ mới. Kết quả này muốn có được thì phải có sự tiếp nối tiến hóa. Hiện tại các cấp chức vụ trong Cơ Quan chưa đủ để thực hiện trách nhiệm của Cơ Quan trước thể sự nhân tâm. Cho nên, mỗi vị từ hàng chức vụ đến nhân viên, nhứt là các trò Giáo Sĩ, Tu Sĩ phải giữ lòng thanh tịnh quán xét từng việc một. Có thanh tịnh mới biết được căn bã ở dòng Đạo đang luân lưu trong cơ thể và biết được mục đích cao cả vị nhân sinh. Có quán xét mới vượt qua được trở ngại khó khăn, kiên nhẫn trì thủ và hy sinh có ý nghĩa.

THI

Thiên đàng, địa ngục có đâu xa,  
Chỉ tại lòng mình, một sát na,  
Chuyên nhứt sẽ làm nên mọi việc,  
Là Xuân tạo được thể nhân hòa.

Hôm nay, Bần Đạo ban ân điển vào bầu bạch thủy trên Thiên bàn, chư đệ muội dùng cho mát mẻ thân tâm, phát trí huệ tu hành công quả công phu để tạo một công trình trên đường sứ mạng. (...)

Bần Đạo cũng khuyên chư hiền đệ hiền muội ghi nhớ lời dạy hôm nay để hoàn thiện. Mỗi người nếu biết tự hoàn thiện thì xã hội Thánh đức sẽ đến với chư đệ muội, với dân tộc này và nhân loại. (...)

Đến đây, Bần Đạo tạm dừng bút, chúc chư hiền đệ muội hưởng được tâm Xuân bất tận.

Ghi nhớ lời dạy của Bần Đạo hôm nay. Bần Đạo già từ lui điển. Thăng.

# TRANG THÁNH GIÁO SONG NGŨ

Ban Dịch thuật VHV



## Holy teachings of Three Achievements

Thiên Lý Đàn

Tuất thời, 20-10 Kỷ Dậu (29-11-1969)

**ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỞNG  
QUẢN.** Bần Đạo mừng chư  
hiền đệ hiền muội trung  
đàn.

(...)

**ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỞNG  
QUẢN.** I welcome you all to  
this session, younger brothers  
and sisters!

(...)

Chư hiền đệ muội đừng làm tướng tu hành lập công bồi đức sẽ được đấng Tiên đấng Phật. Cũng có thể như vậy. Trong tam thiên đại thiên thế giới, thất thập nhị địa, từ cõi này sang đến cõi kia, đọa đọa, siêu siêu, kể sao cho xiết. Cũng đại thánh, cũng chơn tiên, nhưng đến cõi Đại La Thiên chưa từng có ai đắc quả. Người muốn khỏi đọa lạc trở lại trần mê phải tu luyện, phải trở về linh giác bốn nguyên hưởng cảnh thanh thoát an nhàn, không vướng bận mấy may trần cấu. Công đầy quả đủ mà không tu luyện cũng sẽ thành, nhưng thành trong phẩm vị của cấp bậc đó để tội hưởng, đến lúc nào đó rồi phải tu luyện trở lại nữa.

Younger brothers and sisters! Do not think that you will become Buddhas and Immortals after having established your merit and cultivated your virtue. It may be so. In the Three Thousand world and seventy-two earths, from this world to another, so innumerable are sinkings and sinkings, transcendings and transcendings. No Saints, no Immortals have ever attained enlightenment, once having come to the Vast Heaven Net. The one who do not want to be sunk into the world of illusions must mend one's way and practice meditation, return to the Divine Spirit of the origin to enjoy peace and disengage the last of earthly bonds. Deeds of merit achievement without the practice of meditation leads to success, but only to the position of the rank to enjoy oneself thoroughly until the

Thế nên cứu phẩm tam thừa để làm nấc thang cho người tu nhìn vào đó mà tiến bước.

Nơi đây, Bản Đạo rõ biết chư hiền đệ hiền muội mỗi người có một ấn chứng riêng biệt khác nhau. Đó không phải là do pháp, mà đó là do ý. Như vậy, nếu muốn các pháp được sáng chói, trước hết phải cẩn tâm. Tâm không thì pháp sanh, tâm động thì pháp điên đảo. Chỉ bao nhiêu đó là bí quyết của người tu luyện để lên các bậc đạo quả.

Chư hiền đệ hiền muội nên nhớ rằng:

time one must self-improve and practice the Dao again.

Therefore, the nine grades of Deities, Saints and Immortals and the Three Vehicles for reaching Nirvana serve as a guide for religious practitioners to move forward.

I do know clearly that you each, present here, have one's own evidence of achievements different from each other. That is not because of the dharma (the technique of meditation), but because of one's thought. Therefore, for the Dharma to be bright, first of all, the conscience must be kept serene and calm. No-mind state brings forth the dharma, the mind in turmoil upsets the Dharma. This is only secret for religious practitioners to attain the ranks of the enlightenment.

Younger brothers and sisters! You should remember:

Hành pháp tuy rất dễ,  
Công phu có khó chi,  
Chỉ tại tâm không định,  
Chánh pháp khó duy trì.  
Đừng tưởng ba năm đủ,  
Trăm tuổi cũng chưa gì.  
Muốn thành công đắc quả,  
Một niệm chớ sai di.  
Giác ngộ tam canh đủ,  
Mê muội bá niên kỳ,  
Khuyên ai đừng vọng  
tưởng,  
Đắc pháp tâm bất ly.

Although it is very easy to  
practice the dharma,  
Meditation is not so  
difficult,  
Just because the mind is  
not composed,  
The true dharma can not  
be preserved.  
Do not think that three  
years is enough,  
A hundred years mean  
nothing,  
Willing to attain  
enlightenment,  
Not even a wrong thought  
ever crosses the mind.  
If illuminated, overnight is  
sufficient,  
Blinded by passion, a  
hundred years is still hopeless,  
Do not indulge in illusory  
hope,  
Enlightenment is attained  
in the quietude of no-mind state

**ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỞNG  
QUẢN.** Chư hiền đệ hiền muội!  
Sự giác ngộ tìm Đạo tu học đó

**ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỞNG  
QUẢN.** Younger brothers and  
sisters! As being enlightened,

là khó rồi, việc nuôi dưỡng tâm Đạo đi đến nơi đến chốn lại càng khó hơn. Sự khó ấy có ba phương diện chánh: một là do duyên nghiệp cá nhân của mỗi người, hai là do hoàn cảnh, ngoại cảnh chi phối, ba là chí đồng mãnh ắt sẽ vượt qua tất cả.

Nếu tòa lâu đài ấy xây cất trên một nền tảng không vững chắc ắt phải chình nghiêng, rạn nứt, hoặc sụp đổ. Nền tảng ấy là chi hỡi chư đệ muội?

Đó là công quả và công trình, còn ngôi nhà ấy là công phu. Vì thế mà các Đấng Thiêng Liêng khuyên, nhắc nhở mỗi hành giả trên đường tu học phải chú ý lo làm song song ba lãnh vực đó để nhẹ bớt khảo đảo do nội cảnh, ngoại tâm dấy lên.

it is difficult to look for the Dao to learn and practice, harder still to nurture the spiritual nature thoroughly and successfully. This difficulty has three main aspects: first, the karmic causes due to the karma of each individual; second, the influence of the circumstances and surroundings; third, with indomitable determination, everything can be overcome.

If the castle is built on an unsecured foundation, it will certainly tilt, crack or crumble. All younger brothers and sisters, what is this foundation?

That foundation is deeds of merit and self-discipline achievement, and that house is meditation achievement. That is the reason why heavenly Powers advise and remind practitioners of the Dao, in the course of the learning and practicing, that it is “a must”

to set one's mind on achieving those three fields in order to alleviate trials caused by arising internal situation and surroundings.

Vĩnh Nguyên Tự

Ngọ thời, 03-01 Giáp Dần (25-01-1974)

**QUAN ÂM BỒ TÁT.** Đã từng có những vị tu hành an ổn nhờ tiền căn dày công đức. Tuy nhiên, cũng có lắm người lặn độn lao đao hoặc nửa chừng đổ vỡ hoặc điên loạn, bởi vì thiếu công quả, công trình cho móng nền vững chắc. Vì đó mà công phu xây tòa lâu đài bị chinh nghiêngng hoặc sụp đổ.

Chư hiền sĩ, hiền muội!  
Xuyên qua mấy lời Bần Đạo vừa phân, chư hiền ý thức được rằng chữ Tam công trong Đại Đạo là có lý. Thế nên Chí

**GUANYIN BODHISATTVA**

There have been safe practitioners of the Dao owing to great virtues of earlier roots. However, many have been experiencing heavy trials or failed half way, or become insane because of lack of deeds of merit, self-discipline achievement to lay deep and solid foundation. That is the reason why meditation achievement builds a castle that tilts or collapses.

All scholars! Younger brothers and sisters! Through what I have just explained, you all are conscious that the Three Achievements in the

Tôn Thượng Phụ và chư Phật, chư Tiên hằng dạy khuyên chư hiền sĩ, hiền muội lập cho mình một chương trình hành đạo gồm đủ Tam công. Đó là: công quả, công trình và công phu thiền định.

Tuy nói rằng ba giai đoạn, chớ thật ra có thể song hành cùng một lúc tùy khả năng hoàn cảnh duyên nghiệp và căn trí của mỗi người. Đừng quan trọng hóa mỗi vấn đề trọng đại rồi làm không được.

Bần Đạo nêu một vài tỷ dụ trong Tam công đó, như công quả: đừng nghĩ rằng phải cần có tiền ngàn bạc muôn đem ra bố thí hoặc xây thất cất chùa, lên cốt Phật hoặc in kinh mới gọi đó là công quả. Khi thấy một thể nhân bị cảm gió nhức

Great Way have valid grounds. For that reason, Father- The Almighty, Buddhas, Immortals have ever instructed you all to set up a program of your own to practice the Dao including Tam công fully (The Three Achievements). They are: Deeds of merit, Self discipline and Meditation achievement.

Although there are three stages, truly, they can be performed at the same time depending on the ability, circumstances of karmic causes and mental predisposition of each individual. Do not attach great importance to each issue and they cannot be achieved.

Concerning deeds of merit achievement: do not think that you must have money in great abundance to donate the charity or build holy houses and pagodas, erect Buddha statue, or print holy scriptures. Take trouble to



đầu, chịu khó nhín ra mười phút cạo gió bóp gừng, không gọi là công quả sao? Thấy kẻ bất hạnh đói rách khổ đau, bỏ ra một viên thuốc, một chiếc áo thừa, hoặc miếng bánh mì nguội dư, không thể gọi là công quả sao? v.v. Tùy khả năng sở hữu tới đâu làm tới đó, nhưng phải làm với tất cả tấm lòng vị tha, bác ái, không gọi công, không gọi danh.

Còn về công trình, đó là đào luyện, trui rèn ý chí phàm tánh bản năng sinh tồn. Đừng nói rằng mình ít oi về đạo học giáo lý, làm sao đi thuyết minh truyền giáo, giảng dạy đó đây cho đời hướng thiện. Vậy chớ một cử chỉ nhỏ như tha thứ lỗi người, dẫn cơn nóng giận để cảm hóa lòng người, không gọi là công trình được sao?

spend ten minutes looking after a person who has caught a cold or is having a headache. That is a deed of merit, isn't it? It is a deed of merit when giving a pill, a spare shirt, or a left over piece of bread to an unfortunate who is hungry, in rags and suffering, isn't it?... Just do it according to your means provided that is must be done altruistically and philanthropically from the bottom of your heart without calling it a merit, a distinction.

So far as self-discipline is concerned, that is to train and forge human will-power, the basic instinct for preservation. Do not say that you know little about the Dao and religious teachings to preach, spread religion, and lecture here and there to guide people to have inclination for good. Well then, a simple act of forgiveness for mistakes of others, a suppression of anger

Gần đến giờ cúng thời hoặc ngày đi chùa thất, nghiệp trần dấy lên nêu đủ lý sự, nào mắc việc này bận việc kia, tại bần thần, uế oải, hãy cố gắng cương quyết diệt những tư tưởng chủ bại đó, dứt khoát làm liền ý định rồi sẽ được việc ngay. Đó không gọi là công trình được sao?

Ngày chay lạt nghe hơi tàu hủ, mì căn kho, xào phát ón, nhưng lòng đang thất thêu cuộn cào sanh ra thèm bậy, dẫn lòng không được rồi đi ăn lén thử cơm [mặn], quyết tưởng rằng sẽ có người bắt gặp, ít nữa hai bên vai giác hoặc trên đầu mình cũng có

to convert people's heart can be called self-discipline achievement, can't it?

When comes the time for worshipping session, or the day to go to pagoda, to holy house, wordly karma arises, and all legitimate reasons are referred to such as busy doing this, doing that, feeling indolent and weary, do makes a fierce determination to overpower that thought of accepting defeat once and for all and carry out immediately your intention, success comes instantly. It can be called self-discipline achievement, can't it?

On a vegetarian day, the smell of tofu, wheat gluten cooked in brime, stirred fry makes you sick while having an insatiable appetite for fish and meat. Being unable to overcome such a desire and on the verge of giving up and eating secretly, so think with

chư Thiên dòm ngó, rồi không dám làm. Lúc đó trong trạng thái tâm hồn ắt có sự giằng co mãnh liệt, nhưng giữ được lập trường chạch lạt không sa ngã, đó là thắng được nội tâm xúi quẩy. Như vậy không thể gọi là công trình được sao?

Còn về công phu, đừng nghĩ rằng phải chờ đến bực thiên phong chức sắc có nhà tịnh đủ tiện nghi hoặc chờ Thiên Liêng điểm danh cho nhập khóa. Vậy chớ Phật xưa ngồi nơi gốc cây, tắm thân trời trời, địa vị bần dân, vẫn giữ được công phu thiền định, còn chư hiền phải làm sao?

resolution that someone will catch you on the spot and at least it weighs on your shoulders, or over your head Heavenly Powers are watching, then you dare not do the wrong. In this state of the mind, there is certainly a fierce struggle, but being able to keep the vegetarian standpoint without succumbing to temptation, means that the inducement of the inherent tendency is defeated. It can be called self-discipline achievement, can't it?

As far as meditation is concerned, do not wait until becoming a divine appointed dignitary having a comfortable meditation house or until being summoned for a meditation session by Heavenly Power. But then, in ancient times, Buddha, in status of the lower class, could still sit alone under a tree, immersed

Một hiền muội mắt hơi làn, xỏ kim không kiếng, nhắm vào một chỗ để luồn sợi chỉ cho qua, có khi mất cả mười phút. Trong mười phút đó chắc chắn rằng tâm thanh tịnh, không tưởng việc nào khác hơn là luồn sợi chỉ qua kim. Như vậy không gọi là công phu được sao? Nhưng đó là thiền định vô ý thức. Thay vì chăm chú vào mối chỉ lỗ kim, hãy chăm chú vào ngọn nhang, ánh đèn Thái cực, hoặc nhìn chăm chú vào Thiên nhãn, đừng tưởng việc chi khác hơn, đó cũng là khởi đầu cho động tác công phu thiền định rồi vậy.

Bần Đạo muốn tóm lược làm thế nào để giữ vững tinh thần vào việc đạo. Chư hiền

in the state of abstraction and what about you all?

A younger sister has weak sight, threads a needle without glasses, aims at one point to pass the thread through, it sometimes takes her ten minutes. During that ten minutes, her mind is certainly calm, not thinking about anything else except putting the thread through the eye of the needle. It can be called meditation, can't it? However, it is an unconscious state of contemplation. Instead of looking intensely at the end of the thread at the eye of the needle, fix your eyes upon the burning top of an incense stick, the light of the Thai Cuc lamp (TaiChi lamp) or the Divine Eye. That is the beginning of Meditation practice.

I want to summarize it in the way for you to keep your spirit on religious matters.

đói biết kiếm thức ăn, khát biết kiếm thức uống, mệt mỏi biết tìm chỗ ngủ ngơi, nực hằm biết tìm ra hơi gió, thử biết tìm không khí trong lành. Tất cả đó là nguồn sống của xác thân. Tại sao không tìm nguồn sống của linh hồn hầu cung phụng nhu cầu cho nó.

Chư hiền thử tưởng tượng trong thời chiến, nghe có việc đạo, lúc vui thì sẵn sàng chấp nhận làm theo, lúc buồn hoặc lười biếng thì nêu lý do tại vầy tại nọ. Thử lúc đang nói tại bị đó, bất thần có một trái đạn pháo kích nổ bên hè, vội vàng chui liền ẩn nấp; nếu cần, có thể ôm gói đi cả năm bảy chục dặm đường chứ không còn nói tại nọ tại kia ở yên một chỗ. Cười! Cười!

You know to look for food when you are hungry, to drink when thirsty, and to find a place to rest when weary, a windy spot when feeling hot and pure air to breathe. Those are the well-springs of life of your body. Why not find out the source of life of your soul to provide its needs.

Try to imagine that you are in wartime. When there is a religious matter, you are ready to agree to do it if you are happy. If you are sad or lazy, you bring up one reason or another. Supposing a shell suddenly explodes in the courtyard while you are going into the whys and wherefores, you hurriedly creep into a shelter; if needed, you may immediately take a bag and walk even fifty or seventy miles away without saying because of this, because of that and stay put at a place. Smiling! Smiling!

# giải pháp CỨU ĐỘ THỜI ĐẠI

Thiện Chí

Đứng trước diễn tiến sâng sảy ráo riết của Hạ nguơn theo dây chuyền nhân quả rất khốc liệt, nhân loại đang trong tình trạng kinh hãi, hoang mang; các chính phủ, các đoàn thể, tổ chức, giáo hội toàn cầu đều khẩn thiết tìm kiếm những giải pháp thỏa hiệp, dàn xếp khủng hoảng, chấm dứt chiến tranh. Nhưng hầu như đều chưa tìm ra lối thoát. Vậy, từ ý thức hệ Cao Đài, có thể nêu lên những giải pháp nào cho công cuộc cứu độ thời kỳ này?

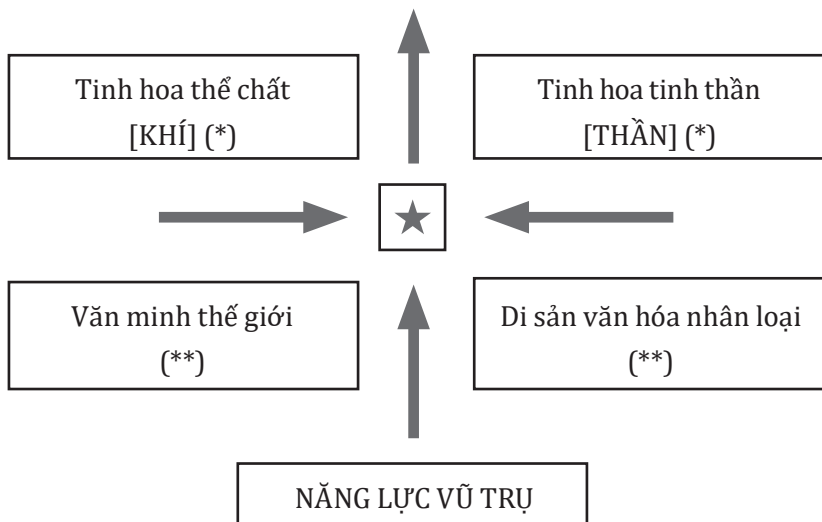
Giải pháp tiên quyết là giải pháp con người, vì chính con người có đầy đủ phẩm chất về thể xác lẫn tinh thần hiển lộ hoặc tiềm tàng có thể phát huy để trở thành con người hoàn thiện và tiến hóa. Hơn nữa, con người có thể đạt một quyền năng siêu việt trong mối tương quan với xã hội và vũ trụ.

Sứ mạng cứu độ phải vận dụng được tối đa đặc ân Thiên nhân hiệp nhứt trong Tam Kỳ Phổ Độ này.

Từ những xác định đó, chúng ta có thể đề ra các giải pháp đặc biệt cho cơ cứu độ Hạ nguơn.

**GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI CÁ THỂ CON NGƯỜI (\*)**

Sơ đồ: các phạm trù đánh dấu (\*)



Như đã thấy ở sơ đồ trên, con người là:

- Hiện dương tốt đẹp nhất của bản thể vũ trụ tại thế gian.
- Động năng tiến hóa của bản thân và tác năng tài thành cho vạn loại.

Giải pháp ưu việt nhất để cứu độ con người là con người làm thể nào phát huy tối đa tinh hoa bản thể chính mình. Đạo học đã chỉ ra rằng, tinh hoa thể chất của con người là “Khí” và tinh hoa tâm linh con người là “Thần”. Một khi con người hiện sinh với một mức độ Thần Khí nhất định, tự nhiên sẽ giao hòa với năng lực vũ trụ ở mức độ nhứt định.

Nếu ta chọn trực ngang biểu diễn công phu thăng hoa của con người mà điểm trung tâm là nơi Thần Khí tụ hội, lúc đó, là cao điểm của nhân năng, và tại nơi đây chủ thể con người sẽ thu nhập được năng lực của vũ trụ (biểu diễn bằng trực dọc), cũng ở cao độ.

Bấy giờ, con người là con người chính danh, là Chơn Nhơn,

là con người đứng đúng trên bản vị của mình. Thánh giáo Cao Đài đã xác định rằng:

*“Cái bản vị cao quý nhất của con người đối với vạn vật vạn linh cũng là cái rất quan trọng với chính nó trong cuộc sống xã hội nhân sinh. Cái chỗ đứng đặc của con người toàn diện là sống theo đúng bản vị của con người trong ý nghĩa bất tử bất biến.”*<sup>1</sup>

## GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI XÃ HỘI NHÂN SINH (\*\*)

Sơ đồ: các phạm trù đánh dấu (\*\*)

Vấn lấy bản vị con người làm gốc để hoàn hảo hóa mối tương quan giữa người và người, đó là căn bản của giải pháp đối với xã hội nhân sinh.

Lý tưởng cứu độ Kỳ Ba cho xã hội là xây dựng xã hội đại đồng, tức xã hội bình đẳng trên nhân vị và nhân quyền mà mọi sinh hoạt đều hòa hợp bằng tương quan nhân ái. Nói gọn là thiết lập một nền tảng nhân bản để tạo thể nhân hòa. *“Có tạo lập được thể nhân hòa thì xã hội đại đồng mới có cơ hội thành hình.”*<sup>2</sup>

Vấn với trục ngang của sơ đồ, cuộc diện xây dựng xã hội đại đồng, thì điểm trung tâm phải là nhân bản đại đồng, nơi đó mọi nhân tính thuộc về nhân sinh lẫn tâm linh, đều đã phục hồi. Cũng từ trung tâm này, Thượng Đế tính trong mỗi cá thể sẽ thúc

---

1. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-4 Tân Dậu (18-5-1981).

2. Đức Lê Đại Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-02 Canh Tuất (21-3-1970).



đẩy con người hướng lên Đấng Tối Cao hay lý tưởng Chân Thiện Mỹ (biểu diễn bằng trực giác).

Chừng ấy, bản thể đại đồng của nhân loại sẽ hòa nhập vào bản thể vũ trụ hay, nói theo Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, hòa nhập vào ân điển cứu độ của Đại Linh Quang. Xã hội sẽ an lạc và tiến bộ toàn diện.

*“Có bản chất đơn thuần Tạo Hóa,  
Sẵn thiên lương chơn ngã con người,  
Trưởng sinh trong một cõi đời,  
Non sông gấm vóc của Trời dành chung.”<sup>3</sup>*

## GIẢI PHÁP TÔN GIÁO

Giải pháp tôn giáo được đặt để trên hai chủ thể chính là người sứ mạng của tôn giáo và thực thể Đạo cứu thế.

### 1. Người sứ mạng

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, người sứ mạng là người được chọn để thi hành giải pháp cứu độ. Đó là người được ban trao quyền pháp khi hội đủ các điều kiện cơ bản:

- Hiến dâng phụng sự nhân sanh.
- Đứng vào chủ vị của con người Đại Đạo, là người đã đạt đến hai điểm giao hội trên đây của bản thân và của xã hội đại đồng.
- Ý thức sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ là sứ mạng lịch sử nghìn năm một thuở, sứ mạng quy nguyên phục Nhứt. *“Dòng sông muôn ngõ rồi cũng quy về nơi biển cả. Sứ mạng Thiên ân của con*

---

3. Đức Lê Đại Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-02 Canh Tuất (21-3-1970).

*người Đại Đạo là biển cả, là bản thể vô biên.”<sup>4</sup>*

Sơ đồ 3 bên đây cho thấy bậc Thiên ân là người được trao quyền pháp đã đứng vào trong bản thể đại đồng để dung hòa, phá chấp, hóa giải mọi mâu thuẫn dị đồng bằng khả năng Thiên hơn hiệp nhưt.

## 2. Thực thể Đạo cứu thế

Thành lập thực thể Đạo cứu thế là giải pháp cứu độ mà các tôn giáo đích thực được kết thành một thực thể quyền pháp có năng lực thực tiễn chuyển hóa cuộc đời sao cho “*Đông thành Xuân, phạm tục thành tiên thánh, loạn nên trị, chiến đấu ra an bình, vị kỷ ra đại đồng.*”<sup>5</sup>

Chúng ta cần lưu ý danh từ “thực thể Quyền Pháp”. Hai chữ quyền pháp luôn luôn hàm ẩn sứ mạng được Thiên cơ trao phó, tác động của nó vô cùng lớn lao.

Đức Giáo Tông Đại Đạo đã khẳng định giải pháp tôn giáo trong Tam Kỳ Phổ Độ như sau:

*“Đại Từ Phụ dựng Cao Đài nơi vùng Đông Nam Á này để làm quyền pháp. Chính sứ mạng quyền pháp này thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành thực thể Đạo cứu thế trong Tam Kỳ Phổ Độ, cũng như cái ngòi gà trong quả trứng vậy.”<sup>6</sup>*

---

4. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Canh Thân (28-5-1980).

5. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Nam Thành Thánh Thất, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

6. Ibid.

# Vun tưới cội xuân tâm

Diệu Nguyên



*Minh họa: Cọ Trắng*

Chỉ còn ít ngày nữa là năm cũ kết thúc, nhường chỗ cho một năm mới bắt đầu. Có lẽ ai ai cũng đều cảm nhận được mùa xuân đang đến rất gần. Ngoài phố, các ngã đường được giăng đèn kết hoa, nhà nhà sơn cửa quét vôi mới, các gian hàng trong chợ hay siêu thị đầy ắp các loại hàng hóa và đặc biệt là các điểm bán cây kiểng có đủ loại hoa xinh kiểng đẹp cho mọi người mua về trang hoàng nhà cửa trong mấy ngày tết. Và cứ mỗi lần Xuân

đến như vậy, mua một chậu hoa mai, hoa cúc về nhà, tưới nước, chăm sóc, nâng niu, tôi lại nhớ đến lời dạy năm xưa của Đức Chí Tôn Từ Phụ:

*“Đại khái xuân đời, cảnh vật có chi các con! Cành hoa chớm nở tươi xinh, các con nâng niu cành lá, vun tưới gốc cây, ngửi mùi thơm trong nhụy. Sao các con không vun tưới cội lành Đạo cả,<sup>1</sup> nâng niu sang sửa chơn tâm cho thật tươi nhuận sáng suốt để rồi ngửi lấy đạo vị nhiệm mầu tự lòng con khai phát?”<sup>2</sup>*

Lời dạy của Thầy gồm có hai phần:

Phần thứ nhất: Thầy nhắc đến tâm lý phần đông thể nhân thường yêu thích xuân cảnh ngắm ngửi bên ngoài: *“Cành hoa chớm nở tươi xinh, các con nâng niu cành lá, vun tưới gốc cây, ngửi mùi thơm trong nhụy.”* Ngày tết, ai cũng thích mua các chậu hoa xuân về trang hoàng nhà cửa. Và có lẽ không một ai trong chúng ta hoặc giả nếu có thì chắc cũng rất ít người làm được điều mà Đức Ngô Minh Chiêu, vị môn đệ đầu tiên của Đức Cao Đài đã làm, đó là ngày 30 tết, đi chợ trưa, gặp người bán hoa ế ẩm, mặt mũi ủ dột, Đức Ngô đã bỏ tiền ra mua cả một bó hoa lớn, vừa xấu lại vừa mắc. Con Ngài có ý phân nản, Ngài giải thích rằng vì muốn giúp người bán hoa chút tiền để họ kịp dọn về lo cúng rước ông bà. Còn phần đông chúng ta mua hoa thì chọn hoa tươi hoa đẹp, lại trả giá sao cho được lợi, được rẻ. Tuy nhiên, cho dù chúng ta mua hoa có xinh tươi thể nào thì cũng chỉ mấy ngày tết. Rồi hoa cũng sẽ héo úa tàn tạ, xuân cũng sẽ qua đi. Chưa nói đến chuyện dù cho xuân cảnh có đẹp đến đâu, nhà cửa

---

1. Cả: to tát, lớn lao.

2. Nam Thành Thánh thất, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).

có trang hoàng lộng lẫy đến đâu trong mấy ngày Xuân mà lòng người chất chứa nhiều điều phiền muộn lo âu thì hoa xinh hoa đẹp cũng trở thành vô nghĩa, bởi lẽ, như nhà thơ Nguyễn Du đã bảo: “Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu/ Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ!”

Do đó, Đức Đông Phương Chưởng Quản nhắc nhở chúng ta: *“Ý nghĩa chân thật của hai tiếng thưởng xuân phải ngắm ngẫm bộc lộ từ nội tâm mới thật là đúng nghĩa.”*<sup>3</sup> Và Đức Mẹ cũng dạy: *“(…) các con hưởng Xuân, vui Xuân, chúc Xuân, không cứ là một mùa Xuân ngắn ngủi hạn định như cánh mai kia, mà để nhắc nhở kêu gọi cho các con một tấm lòng Xuân trường cửu của đạo lý...”*<sup>4</sup> Xuân cảnh bên ngoài trôi qua thật là chóng vánh để nhường chỗ cho mùa Hạ oi ả nóng bức, mùa Thu ẩm đậm thê lương và mùa Đông băng giá lạnh lùng. Do đó, các Đấng mong muốn cho người tu hãy ý thức tự tạo cho mình một mùa Xuân tâm trường cửu trong lòng.

Thế nên, trong phần thứ hai, Đức Chí Tôn dạy: *“Sao các con không vun tưới cội lành Đạo cả, nâng niu sang sửa chơn tâm cho thật tươi nhuận sáng suốt để rồi ngửi lấy đạo vị nhiệm mầu tự lòng con khai phát?”*

Đức Từ Phụ muốn khuyên chúng ta mỗi khi nâng niu, vun tưới, chăm sóc các chậu hoa Xuân thì cũng đừng quên rằng trong nội tâm mỗi người, ai ai cũng đều có một cội cây mà Thầy gọi là cội lành Đạo cả. Nếu con người biết vun tưới, nâng niu, chăm sóc thì đó chính là cội Xuân tâm muôn thuở luôn mãi tỏa

---

3. Thiên Lý Đàn, 01-01 Kỷ Dậu (16-02-1969).

4. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 01-01 Tân Hợi (27-01-1971).

ngát hương thơm.

Cội lành Đạo cả mà Thầy nói nơi đây chính là căn lành tánh thiện, là Phật tính hay Thượng Đế tính, là chơn tâm mà Thầy đã ban cho mỗi người từ lúc bước chân vào cõi nhân gian. Thánh nhân xưa đã từng bảo rằng “Nhân chi sơ tánh bốn thiện”. Phần đông con người lúc mới sinh ra và còn trẻ nhỏ thì tánh hồn nhiên, vô tư, chất phác, nhân hậu. Và câu chuyện sau đây cho thấy cái chơn tâm trong sáng còn nguyên vẹn của trẻ thơ.

Tại một ngôi trường tiểu học ở thành phố Luân Đôn, tỉnh Ontario, Canada, để mừng lễ Chúa giáng sinh, các em học sinh lớp 2 được giao nhiệm vụ thực hiện một hoạt cảnh diễn tả lúc ông Giuse đưa bà Maria sắp sinh chúa Giêsu trở về quê ở Bethlehem theo lệnh điều tra dân số của vua La Mã lúc bấy giờ. Tất cả các quán trọ đều chật ních người nên ông bà bị từ chối khi tìm chỗ trú ngụ. Một em bé tên Ralph được giao đóng vai người chủ quán trọ.

Đêm văn nghệ của trường chật ních khán giả. Ai cũng háo hức muốn xem con cháu nhà mình trở tài trên sân khấu cuối năm.

Hoạt cảnh diễn ra suôn sẻ từ đầu vì bọn trẻ được tập luyện rất nhuần nhuyễn. Thế rồi đến cảnh ông Giuse chậm chạp, mệt mỏi dìu bà Maria đến cánh cửa quán trọ đóng im ỉm. Ông gõ cửa.

Ralph chỉ chờ có thể. Cháu đẩy tung cánh cửa ra, hùng hùng hổ hổ quát:

- Máy người muốn gì?
- Chúng tôi tìm chỗ trọ qua đêm.

- Chật hết rồi. Đi chỗ khác đi!

- Xin ông làm ơn. Chúng tôi đã hỏi hết các nơi khác nhưng đều bị từ chối. Chúng tôi đi đường xa, mệt mỏi.

- Không còn phòng nào hết!

- Xin ông mở lòng lành. Đây là vợ tôi, sắp đến ngày sanh nở. Vợ tôi rất cần được nghỉ ngơi đêm nay. Xin ông cho một xó xỉnh nhỏ hẹp nào cũng được.

Ralph nhìn bà Maria, rồi đứng ì ra khá lâu. Cả hội trường im phăng phắc, bối rối trước thái độ của Ralph.

Nấp sau cánh gà, cô giáo nhắc tuồng:

- Không, xéo đi!

Ralph vẫn đứng như phỗng đá.

Cô nhắc đến lần thứ ba. Mỗi lúc một lớn giọng hơn. Các cháu đóng vai thiên thần ở hậu trường cũng sốt ruột, lo ngại không kém mọi người.

Cuối cùng Ralph cũng mở miệng như cái máy, hết cả giọng hung hăng:

- Không, xéo đi!

Ông Giuse buồn bã, thất thế điu bà Maria bước đi. Tay chủ quán không quay vào đóng sập cánh cửa lại như đã tập dượt thuần thục hàng chục lần. Y đứng sững đó, đôi mắt thần thờ nhìn theo ông bà Giuse. Y chau mày, vẻ mặt khổ sở, bờ môi y run run cố nén cơn cảm xúc, và kìa, hai tròng mắt y đã ướt sũng tự lúc nào!

Đột ngột, phần chót của hoạt cảnh đã bị thay đổi khác hẳn kịch bản. Ralph gào lên:

- Đứng đi, Giuse! Đưa Maria quay lại đây!

Tay chủ quán dang rộng hai cánh tay, miệng cười rạng rỡ:

– Mời ông bà ngủ lại trong phòng của tôi.

Cô giáo bật khóc. Các cháu nhỏ thủ vai thiên thần ủa cả ra sân khấu trong lúc khúc nhạc mừng Giáng Sinh trỗi lên rộn rã.<sup>5</sup>

Câu chuyện đã cho thấy tấm lòng trẻ nhỏ quả là trong sáng, nhân hậu biết bao! Do đó, Đức Chúa Giê su đã từng dạy các môn đồ rằng: “Quả thật, Ta nói cùng các ngươi, nếu các ngươi không đổi lại và nên như đứa trẻ, thì chẳng được vào nước thiên đàng đâu.” (Ma-thi-ơ 18:3)

Thế nhưng, khi lớn lên thì cội cây thiện tánh trong mỗi con người lại bị sâu rầy cắn phá khiến cho cây bị khô cằn xơ xác. Sâu rầy đó chính là tham sân si, là thất tình lục dục, là lòng ích kỷ, ghét ganh, oán hận, v.v.

Khi tâm con người chứa đầy tham sân si dục, ích kỷ, ghét ganh, thù hận... thì lòng tràn đầy phiền não. Cho dù mùa Xuân thiên nhiên của đất trời trở về với nhân thế nhưng người hay sân giận thì mặt mày lúc nào cũng cau có, tâm hồn vẫn cứ nóng bức khô khan như nắng cháy mùa Hạ.

Người hay ganh ghét oán hận không biết khoan dung tha thứ thì tâm luôn ẩm đạm tê lương như mưa gió mùa thu. Thiền sư Sayadaw U Jotika trong bài thuyết pháp về “Sự tha thứ và lòng khoan dung” đã nói rằng: “Không tha thứ là một loại ngục tù. Một người nào đó phạm tội, luật pháp bắt giữ anh ta và giam trong tù. Chúng ta cũng vậy, chúng ta giam giữ rất nhiều người trong tâm của mình khi không thể tha

---

5. Huệ Khải, Nhịp Cầu Tương Tri, truyện số 50: “Một kịch bản hoàn hảo?”, NXB Tôn Giáo, 2013, tr. 125.



thứ được những lỗi lầm của họ, không thể quên được những lời nói, những hành động của họ đã làm cho chúng ta đau khổ. Chúng ta có thể thả các tù nhân ấy ra nhưng chúng ta không chịu thả. Vì vậy, không tha thứ là một nhà tù – bạn nhốt người khác vào trong ngục tù phiền não của tâm mình, nhưng chính trong quá trình ấy, bạn cũng tự nhốt chính mình bởi vì bạn là người giữ chìa khóa và canh cửa. Có người đã từng nói: “Những cảm xúc phiền não thường sẽ nặng nề nhất đối với những người không thể hoặc không chịu tha thứ”. Chúng ta tự làm cho chính mình đau khổ. Tự đối xử tàn nhẫn với chính mình bằng cách không tha thứ, chúng ta đau đớn vì điều đó.”

Thế nên, lúc Chúa Giê-su còn tại thế, có lần vị môn đồ trưởng của Chúa là Phê-rô đến hỏi Ngài rằng: “Lạy Thầy, khi anh em xúc phạm đến con, con phải tha thứ cho họ mấy lần? Có phải đến bảy lần không?” Đức Giê-su ôn tồn trả lời: “Thầy không bảo là tha đến bảy lần, nhưng là đến bảy mươi lần bảy.” Tha thứ đến bảy mươi lần bảy có nghĩa là tha thứ hoài, tha thứ vô hạn.

Mọi sự vật đều biến đổi theo thời gian. Con người cũng vậy. Một kẻ tội đồ ngày hôm qua vẫn có thể trở thành một bậc Thánh ngày hôm sau. Do đó, Thánh Augustine (354-430) nói: “Không có vị Thánh nào mà không có quá khứ, không có tội nhân nào không có tương lai.” Vì thế, chúng ta không nên phán xét người khác hoặc cứ mãi nhìn người khác với những lỗi lầm của họ. Mẹ Têrêsa Calcutta từng bảo rằng: “Nếu bạn phán xét con người, bạn không có thời gian để yêu thương họ.”

Điều đặc biệt là Thiền sư Sayadaw bảo rằng chúng ta không chỉ học cách tha thứ cho người khác mà còn phải biết tha thứ cho chính mình. Nhiều người lỡ phạm lỗi và cứ tiếp tục sống cả cuộc đời trong mặc cảm tội lỗi. Ông bảo tâm lý mặc cảm tội lỗi được coi là bất thiện, không lành mạnh. Đó cũng là một loại bệnh của tâm. Vì vậy, sau khi nhận biết lỗi lầm và cải sửa thì hãy tự tha thứ cho bản thân mình, đó cũng là điều rất quan trọng. Trách móc, oán hận người khác hay tự trách móc chính mình là một loại sâu căn phá khiến cho cội xuân tâm của chúng ta héo tàn như lá úa mùa Thu.

Còn người tham lam ích kỷ chỉ biết nghĩ cho riêng mình thì tâm hồn luôn băng giá lạnh lùng như sương tuyết mùa Đông, hững hờ trước bao nỗi bất hạnh khổ đau của tha nhân. Oscar Wilde là nhà văn, nhà thơ nổi tiếng của Ái Nhĩ Lan vào thế kỷ XIX đã viết một truyện ngắn đầy ý nghĩa với nhan đề “Gã khổng lồ ích kỷ”. Chuyện kể rằng gã khổng lồ có một khu vườn rộng lớn vô cùng xinh đẹp với thảm cỏ xanh mịn. Đây đó trên bãi cỏ thấp thoáng những bông hoa trông như các vì sao trên trời. Và nơi đây có đến 12 cây đào; vào mùa Xuân cây phủ đầy những đóa hoa duyên dáng màu hồng phớt và trắng ngà; đến mùa Thu cây kết đầy trái ngon ngọt. Lũ chim đậu trên cành hót líu lo. Gã khổng lồ vắng nhà trong một thời gian dài và những đứa trẻ trong vùng rất thích được đến chơi trong khu vườn ấy sau khi tan học. Tuy nhiên, khi trở về, nhìn thấy đám trẻ nô đùa trong vườn nhà mình, gã khổng lồ ích kỷ bảo rằng: “Đây là vườn của ta. Không ai được vào đây.” Và gã đã xây một bức tường rào bao bọc khu vườn. Rồi mùa Xuân đến, thế nhưng trong khu vườn của gã khổng lồ, cây cối vẫn phủ

đầy băng giá, không có hoa nở, cũng chẳng có tiếng chim ca, gió bắc rít từng hồi và mưa đá đổ ầm ầm trên mái lâu đài. Mùa Đông ngự trị quanh năm trong khu vườn của gã khổng lồ ích kỷ. Gã rất buồn bã. Thế rồi một hôm, bọn trẻ tìm thấy một lỗ hổng ở chân bức tường rào. Chúng chui vào vườn nô đùa. Gã khổng lồ nghe thấy tiếng trẻ con và cả tiếng chim hót. Gã nhìn ra vườn và thấy một cảnh tượng nhiệm màu: Băng giá đã tan biến, cây cối đâm cành nở hoa và muôn chim bay về hót líu lo. Gã khổng lồ vui mừng và chợt hiểu ra rằng vì lòng ích kỷ của mình mà mùa Đông đã ngự trị quanh năm và mùa Xuân không chịu đến với khu vườn của gã. Gã vội vàng chạy ra vườn và nói với lũ trẻ: “Kể từ hôm nay, khu vườn này là của các con.” Bọn trẻ vô cùng vui thích và gã khổng lồ cũng cảm thấy mùa Xuân rộn rã trong lòng.

Thế nên, khi Đức Từ Phụ dạy chúng ta hãy “vun tưới cõi lành Đạo cả, nâng niu sang sửa chơn tâm cho thật tươi nhuận sáng suốt để rồi ngửi lấy đạo vị nhiệm màu tự lòng con khai phát”, đó chính là Thầy bảo chúng ta hãy vun tưới cõi Xuân tâm muôn thuở mà Thầy gọi là “mùa Xuân miên viễn, không hạn định, không hủy bỏ theo thời gian”. Vun tưới như thế nào? Nâng niu sang sửa như thế nào?

Trong nông nghiệp, ông bà ta đã đúc kết thành một kinh nghiệm để thành công, đó là: “Nhứt nước, nhì phân, tam cần, tứ giống.” Hạt giống đạo tự hữu thì ai cũng có trong tâm. Điều quan trọng là phải chuyên cần bắt bỏ sâu rầy cắn phá và chuyên cần tưới nước vun phân.

Bắt bỏ sâu rầy cắn phá như tham sân si, thất tình lục dục, ích kỷ, ghét ganh, oán hận, v.v. bằng cách luôn cẩn thận quán

xét tâm mình. Kinh sách xưa từng dạy rằng: “Đạo bất khả tu du ly dã” nghĩa là không được xa rời Đạo dù chỉ trong khoảnh khắc. Hoặc: “Nhứt nhứt tam tỉnh ngô thân” nghĩa là mỗi ngày phải tự soát xét bản thân ba lần. Ngày nay, hàng môn đệ Cao Đài chúng ta, nếu không thể tự kiểm bản thân từng giây, từng phút, từng giờ hay ba lần mỗi ngày thì chí ít cũng cố gắng thực hành lời Thầy dạy: *“Phải thường hỏi lấy mình khi đem mình vào lạy Thầy buổi tối, coi phận sự ngày ấy đã xong chưa mà lương tâm có điều chi cần rút chằng? Nếu phận còn nét chưa rời, lương tâm chưa đặng yên tịnh, thì phải biết cải quá, ráng sức chuộc lấy lỗi đã làm, thì các con có lo chi chằng bị bực chí thánh.”*<sup>6</sup> Việc kiểm điểm nội tâm cần phải được thực hành một cách cẩn thận vô tư. Nhiều loại sâu có màu sắc tiếp với màu lá, nếu không quan sát kỹ càng sẽ khó phát hiện. Con người thường hay biện hộ cho các thói hư tật xấu của mình, đôi khi lý lẽ biện hộ nghe qua có vẻ rất hợp đạo lý, nào ngờ đó lại là một loại sâu tiếp với màu lá đang cắn phá cội cây chơn tâm của mình. Đức Bác Nhã Thiền Sư cho chúng ta một ví dụ về lý lẽ dối gạt của phàm tâm như: *“Tới giờ cúng thờ, hoặc đến giờ tham thiền hành pháp, bên trong đưa ra các lý do như buồn ngủ hoặc ngày nay làm việc nhiều uể oải, thông qua một thời này thời sau tịnh lại có sao đâu, vì đường tu hành còn dài mà...”*<sup>7</sup>

Bên cạnh việc quán xét nội tâm, còn phải nghiêm trì giới luật và thành tâm sám hối khi đã lỡ lầm vấp lỗi lầm vì như lời

---

6. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển. Quyển I. Đan ngày 24-12-1926.

7. Minh Lý Thánh Hội, 02-10 Quý Sửu (27-10-1973).

Đức Mẹ dạy: “*Còn dạy dỗ, biết ăn năn sám hối chữa lỗi, còn nên thánh thiện.*”<sup>8</sup>

Chuyên cần tưới nước vun phân chính là siêng năng đọc Thánh kinh, hiền truyện, thực hành công quả giúp đời, thiên định công phu. Đọc Thánh kinh hiền truyện và thực hành công quả giúp đời là để “*trau dồi thêm các đức tánh của chơn tâm là từ bi hỷ xả, đạo hạnh, hiền hòa, khiêm cung, nhẫn nại, cộng với nhân, nghĩa, lễ, trí, tín làm âm chất căn cơ.*”<sup>9</sup> Bởi lẽ chỉ khi thực hành được các đức tánh này tâm ta mới được tươi nhuận, thơ thới, an vui như lời Đức Đông Phương Chưởng Quân đã dạy: “*(...) thường xuyên trong vòng đạo lý là kiểm điểm, ôn cố phần đạo đức hành thiện của mình trong một năm qua. Khi thấy được phần tiến triển với lòng bác ái vị tha trên phương diện tam công, lòng hân hoan cởi mở, bát ngát tình thương, động lòng trắc ẩn đối với kẻ bạc phước gổi đất màn sương. Với tinh thần hân hoan ngắm ngẫm và bộc phát từ nội tâm, rồi ngồi lại với chén trà đậm bạc, bánh mứt thô sơ, nhưng cõi lòng được nhẹ nhàng và chứa chan niềm hi vọng, tràn đầy đức tin ở phần hộ trì của các Đấng.*”<sup>10</sup>

Thiên định công phu là để tâm được an định thanh tịnh. Tâm có an định thanh tịnh thì chơn tâm mới bùng sáng như lời Đức Mẹ dạy:

---

8. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-12 Bình Thìn (19-01-1977).

9. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Đinh Tỵ (01-6-1977).

10. Thiên Lý Đàn, 01-01 Kỷ Dậu (16-02-1969).

*“Đóng sáu cửa trong ngoài vắng lặng,  
Tâm vô tâm bừng sáng chơn tâm.”<sup>11</sup>*

Đức Quán Pháp Chơn Tiên cũng dạy: *“Chơn tâm vốn bởi tâm thanh tịnh.”<sup>12</sup>* Có thanh tịnh thì chơn tâm mới hiển lộ. Thanh tịnh đến mức nào?

Đức Đông Phương Chưởng Quán dạy:

*“Thanh tịnh cho đến khi nào cảm nhận thấy các thứ sân si, kỳ thị, độc tôn, vị kỷ, dị biệt và bất nhứt không còn có chỗ xuất hiện thì mọi việc sẽ an bài ổn định, từ cá nhân cho đến tập thể, vì các thứ ấy là nguồn gốc cho bản ngã. Diệt các thứ đó rồi thì bản ngã không còn, vô minh chẳng có, trí huệ phát sanh...”<sup>13</sup>*

Và một khi chơn tâm đã được tươi nhuận sáng suốt, cội xuân tâm đã được sum sê sung mãn trong mọi thời gian và không gian thì Đức Mẹ bảo chúng ta hãy thể theo mùa Xuân vĩnh cửu mà hành đạo độ đời. Mẹ dạy: *“Các con xem mình là mùa Xuân, là Đạo chan hòa khắp cả thế nhân mà không còn thấy có mình nữa.”<sup>14</sup>* Lúc bấy giờ, chính chúng ta là mùa Xuân và sẽ là người mang mùa Xuân đến cho tha nhân như lời của Đức Liễu Tâm Chơn Nhơn Huỳnh Ngọc Trác đã dạy: *“Có Xuân tâm, con người mới giải thoát, vô ngã, vô chấp, khoan dung, tha thứ. Có Xuân tâm, con người mới có tình thương ở tận đáy lòng, đem ra chan hòa cho muôn người, cho vạn vật.”<sup>15</sup>*

---

11. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-12 Bính Thìn (19-01-1977).

12. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 17-6 Kỷ Tỵ (19-7-1989).

13. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 12-7 Quý Hợi (20-8-1983).

14. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 01-01 Tân Hợi (27-01-1971).

15. Thánh thất Bình Hòa, 26-12 Đinh Mùi (25-01-1968).

■

Thực hành lời Thầy dạy, chúng ta hãy chuyên cần vun tưới cội Xuân tâm trong lòng mình cho thật tươi nhuận, sum sê cành lá để rồi chúng ta mang mùa Xuân đến cho mọi người. Thật ra, mang lại mùa Xuân cho người khác không cần điều chi lớn lao.

Mùa Xuân mà ta mang lại cho người khác có thể chỉ là một nụ cười tươi tắn đầy sự thân thiện, cảm thông hay khích lệ. Mẹ Têrêsa bảo: “Chúng ta hãy gặp nhau với nụ cười, vì nụ cười là khởi đầu của tình yêu.” “Mỗi khi bạn cười với ai đó, đó là một hành động của yêu thương, một món quà, một điều đẹp đẽ.”

Mùa Xuân mà ta mang lại cho tha nhân cũng có thể chỉ là một sự giúp đỡ nhỏ nhặt nhưng đầy tình yêu thương. Vào một buổi tối tháng Chạp, lúc khoảng 10 giờ rưỡi đêm, khi đang chạy xe ngoài đường, tôi chợt nhìn thấy một bà cụ già đầu tóc bạc phơ đang loay hoay bên vệ đường với chiếc xe đạp cũ kỹ chắt đầy những bao ni-lông ve chai. Tôi chạy lố một quãng nên quay xe lại và nhìn thấy một đôi thanh niên nam nữ cũng đang quay xe lại đến với bà lão. Bạn nam thanh niên tặng cho bà một hộp thực phẩm và ngồi thụp xuống vệ đường sửa cho bà lão chiếc xe đạp đang bị hư chi đó ở bánh trước. Trong cái không khí se lạnh của buổi tối tháng Chạp, tôi bỗng dừng cảm thấy ấm áp cả cõi lòng. Nhìn khuôn mặt vui mừng của bà lão, tôi đoán chắc bà cũng có cùng một cảm nhận y như thế. Quả thật, bạn thanh niên ấy đã mang lại cho bà lão một mùa xuân ấm áp giữa cái không khí se lạnh của buổi cuối Đông. Thế nên, mẹ Têrêsa đã nói: “Không phải tất cả chúng ta đều làm được

những điều vĩ đại. Nhưng chúng ta có thể làm những điều nhỏ nhặt với tình yêu vĩ đại.”

Mùa Xuân đang đến rất gần. Chào đón và tận hưởng Xuân cảnh thiên nhiên mà Tạo Hóa ban tặng, chúng ta không quên lời nhắc nhở của Đức Vô Cực Từ Tôn Diêu Trì Kim Mẫu: *“Con ôi! Mỗi lần Xuân đến là mỗi lần niềm hy vọng của Mẹ trông vào các con, vào vai tuồng hành hóa của các con nơi trần gian ảo ảnh. Các con cứ vui hưởng những ngày Xuân còn lại đi, để rồi tiếp tục hưởng về chân Mẹ, và nhớ là trong lúc các con hỉ hạ với trời Xuân, thì ở những nơi nào đó, ở những thế giới nào đó đang có những người, những loài không hưởng được mùa xuân ngoài sự đau khổ giày vò.*

*Các con tạm vui với ngày Xuân thế sự để quên những nỗi khổ, những điều lao nhọc của mình. Bên cạnh, các con lo vun bồi lòng Xuân muôn thuở để sống dài với không gian vô tận trong lý Đạo miên trường.”*<sup>16</sup>

Cầu xin Từ Phụ chan rưới ân lành cho cội Xuân tâm trong lòng tất cả con cái của Ngài nơi cõi thế gian này ngày càng tăng trưởng, xanh tươi, sum sê cành lá, đơm hoa kết quả và tỏa ngát hương thơm cho đời như lời Thầy dạy:

*“Xuân lòng con đượm sắc tươi,  
Hoa lòng con nở tỏa ngời vị hương,  
Tỏa bay chan khắp tình thương,  
Muôn loài vạn vật nơi trường thế gian.”*<sup>17</sup>

---

16. Ngọc Minh Đài, 01-01 Tân Hợi (27-01-1971).

17. Nam Thành Thánh thất, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).



# NHÂN – TRÍ – DŨNG

Hồng Phúc

Con người là sinh vật đi bằng hai chân và đứng thẳng; đặc biệt là con người có bộ não khác thường mặc dù không phải là loài có bộ não lớn nhất thế giới lại giúp con người tư duy, suy luận và tiếp thu kiến thức, là những khả năng không xuất hiện ở bất kỳ loài động vật nào khác.

Khi Đức Thượng Đế giáng trần khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, vị trí, vai trò và giá trị của con người đã được khẳng định như một chân lý mà trí tuệ con người vẫn còn mơ hồ chưa kết luận.

Thánh giáo Cao Đài đã chỉ ra rằng, con người là sinh vật duy nhất được ngang hàng cùng Trời Đất trong thể Tam tài đồng đẳng, là chúa tể cai quản muôn loài, được thay Đấng Hóa Công thực hiện tiếp tục công cuộc hóa sanh và trường dưỡng nơi chốn hữu hình bằng đạo Tài thành, bớt chỗ dư, bồi chỗ thiếu, giữ gìn và tôn tạo những gì Tạo Hóa đã làm ra, nhằm tạo dựng nơi thế gian một cuộc sống đầy đủ sự mỹ miều đẹp đẽ, với lời dạy của Đức Đông Phương Lão Tổ:

*“Sứ mạng cao cả được đặt định cho loài thượng đẳng chúng sinh ở cõi này là sứ mạng vi nhân được thay Trời mà quản cai muôn vật trong luật tắc sinh hóa, và có đủ quyền năng tự giải thoát để tiến hóa.”<sup>1</sup>*

---

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-01 Quý Hợi (13-01-1983).

Không chỉ nhận lãnh sứ mạng làm người nơi hữu giới mà con người còn có đầy đủ khả năng tự giải thoát để tiến hóa từ cõi vô thường hữu hạn lên cõi hằng thường bất diệt, bởi vì con người đã được thừa hưởng từ Đấng Tạo Hóa toàn tri, toàn năng tất cả những gì của Tạo Hóa, như lời dạy của Đức Vô Cực Từ Tôn:

*“Tạo Hóa có những gì, đã ban tất cả cho các con. Từ quyền năng pháp độ cho đến máy nhiệm tâm kỳ, các con đều có cả. Các con là một tạo hóa trong Tạo Hóa. Thế nên các con có thể tiến từ cõi vô thường lên đến cõi hằng thường vô sanh bất diệt.”*<sup>2</sup>

Thánh giáo Cao Đài khẳng định:

*“Con người là vật tối linh,  
Đạt cơ tạo hóa, thông tình vạn sanh.”*<sup>3</sup>

Như vậy, con người là một tiểu vũ trụ với đủ đầy năng lực để thực hiện sứ mạng làm người mà Trời đã phó giao, và ngày nay khi con người biết được giá trị vĩ đại của mình nhờ hồng ân của Đức Thượng Đế mở cơ tận độ trong buổi cuối cùng của cơ Tam ngươn chuyển thế, cũng là lúc con người phải nhận lãnh thêm sứ mạng đồng hành cùng Trời trong đại cuộc cứu độ Kỳ Ba, nhằm giúp nhân loại thoát khỏi nguy cơ tận diệt, chuyển hóa khổ đau thành hạnh phúc, để thế gian không còn là sông mê bể khổ, không còn dấu vết của chia rẽ hận thù, để con người trở lại sự thuần khiết cao thượng đẹp đẽ của một loài sinh vật tối linh xứng tầm Trời Đất.

Để thực hiện vừa sứ mạng vi nhân, vừa sứ mạng phối kết

---

2. Chơn Lý Đàn, 14-8 Quý Sửu (10-9-1973).

3. Đạo Học Chí Nam

với Trời xiển dương chánh pháp, giúp nhân loại tìm thấy ánh sáng đại đồng nơi thế gian đang bên bờ vực đấu tranh hủy diệt, tức giải quyết bài toán nhân sinh đang bế tắc trong xã hội loài người, đồng thời hướng dẫn con người tìm ra con đường giải thoát tâm linh, thoát khỏi ngục tù luân hồi sinh tử, trở lại bến khởi nguyên, con người phải là CON NGƯỜI đúng nghĩa với đầy đủ NHÂN-TRÍ-DŨNG như lời dạy của Đức Vô Cực Từ Tôn:

*“Muốn giải thoát con phải giải trừ nghiệp chướng,  
Muốn huyền đồng con phải vô ngã vô nhân,  
Muốn phối Thiên, phải gột rửa lòng trần,  
Muốn tịch diệt đủ đầy Nhân-Trí-Dũng.”<sup>4</sup>*

## 1. THEO KHỔNG GIÁO

Trước thời Đức Khổng Tử, Nho giáo ít nói về Nhân. Đức Khổng Tử bắt đầu nói về Nhân – Trí – Dũng; đến thời thầy Mạnh Tử bớt dũng mà thêm lễ và nghĩa; tới thời Hán, Đổng Trọng Thư thêm đức tín, thành ngũ thường: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

– Chữ Nhân: Theo Khổng giáo, trong Kinh Dịch, Trời có đức Nguyên là năng lực tốt lành, điểm xuất phát của cuộc sanh hóa vũ trụ muôn loài, Người có đức Nhân là nền tảng mọi sinh hoạt tốt đẹp, vốn ẩn tàng trong mỗi con người.

Đức Khổng Tử không đưa ra một định nghĩa đầy đủ cụ thể về chữ NHÂN, nhưng qua sách Luận Ngữ có thể thấy ý nghĩa: Nhân là đạo đối với mình và đối với người. Muốn cho mình mà cũng muốn cho người. Đồng thời Ngài cũng phân biệt Đức Nhân của

---

4. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỷ Mùi (03-10-1979).

người và của bậc Thánh.

Chữ Nhân (仁) được lập thành bởi bộ Nhân (亻) và chữ Nhị (二)

Bộ Nhân chỉ thị con người đứng trong không-thời-gian. Chữ Nhị bao gồm hai ý nghĩa:

- Về mặt xã hội, con người đích thực phải giao hòa tốt đẹp với tha nhân (chữ nhị chỉ thị ta và tha nhân). Giao hòa với tha nhân tức là thân yêu mọi người (thân dân). “Thân dân” là hiện thực cương lĩnh thứ hai trong ba cương lĩnh của sách Đại Học: “Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân dân, tại chí u chí thiện: Đường lối của bậc đại học ở tại làm sáng lên năng lực sáng láng, ở tại thân yêu mọi người, ở tại nhắm tới trọn lành.”

- Về phương diện tâm linh, con người là nơi hội thông nối kết cả hai năng lực: Trời và Đất (chữ Nhị chỉ thị thiên địa). Để trở nên con người lý tưởng đích thực, ngoài việc thương yêu đồng loại, con người còn phải sống thích hợp với quy luật thiên nhiên, ứng hợp với hai năng lực thiên địa, điều phối tốt đẹp hai năng lực thiên địa để xứng đáng trở nên Tài Nhân trong thế Tam Tài: Thiên Địa Nhân (Trời, Đất, Người).

- + Tài Thiên (Trời) là: Năng lực của ánh sáng và dưỡng khí.

- + Tài Địa (Đất) là: Năng lực sinh dưỡng vạn vật (bao gồm đất và nước).

- + Tài Nhân (Người) là: Khả năng điều phối tài năng Trời và tài năng Đất để làm cho mọi người, mọi vật được phát triển phong phú, tốt đẹp. Con người muốn thực hiện được chức năng tài Nhân, phải có tấm lòng bao la yêu thương mọi người, mọi vật với ý hướng tốt đẹp là biến đổi cả xã hội và thiên nhiên trở nên

một môi trường thiện hảo.<sup>5</sup>

Theo Khổng giáo, Đức Nhân có một chiều kích cao rộng, có tầm mức từ thấp lên cao, từ gần ra xa. Tuần tự phát triển đức Nhân, tiểu nhân có thể tiến lên bậc quân tử, thánh hiền, thậm chí “phối Thiên”. Đức Nhân có thể khiến cho gia đình an vui, xã hội ổn định và nhân loại thái hòa.

Nhân có hai phần tích cực và tiêu cực. Tích cực là “Kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân” (Đó là đức Trung, yêu người, hết lòng với người); tiêu cực là “Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân” (Đây là đức Thứ, là suy lòng mình mà biết được lòng người, mình muốn cái gì thì người cũng muốn cái đó, vậy nên làm cho người những cái mà mình muốn và đừng làm cho người những cái mà mình không muốn).

Nhân là Trung, Thứ, tức là đạo đối với người, nhưng đồng thời cũng là đạo đối với mình nữa: Kỷ dục lập, kỷ dục đạt; mình phải muốn lập thân, thành công thì mới có thể giúp người lập thân, thành công được.

Nhân vừa là tu thân vừa là ái nhân, vừa là xử kỷ vừa là tiếp vật, là trung tâm của đạo đức, từ đó mà phát ra các đức khác, và các đức khác tụ cả về nó. Cho nên Phùng Hữu Lan gọi nó là “toàn đức”; Lâm Ngữ Đường gọi là nó là “sagesse idéale” (sự minh triết lý tưởng).

- Chữ Trí: Trí là sự sáng suốt hiểu biết, không bị vô minh ngăn che. Hán tự ghép chữ Tri và chữ Nhật làm một để viết thành Trí. Tri biểu thị cái hiểu biết nhanh nhẹn như tên bay; còn Nhật chỉ sự sáng suốt tỏa rạng tựa ánh mặt trời. Nếu cộng lại,

---

5. Lý Minh Tuấn

Trí có nghĩa là không chỗ nào, không việc gì là không biết (Trí tri dã, vô sở bất tri dã; Khang Hi). Trí cũng còn giải thích được là thông rành sự lý, nhiều mưu lược, biết biến xảo sâu xa (Thâm minh sự lý dã; phàm đa kế lưu mưu lược chi xảo giả, giai vị chi trí: Từ Nguyên).

Giảng về Trí, Đức Mạnh Tử có lần đã nói qua sự liên hệ giữa nó và Tâm, Ngài viết: “Thị phi chi Tâm, Trí chi đoan dã” (cái tâm phân biệt phải quấy, Trí là hạng đứng hàng đầu). Nhân mà đạt tới một mức cao để có thể giúp đời thì lại cần phải có TRÍ. Có sáng suốt thì mới biết làm lợi cho đức Nhân của mình.

Nhân mà không trí, thì yêu người mà không phân biệt được (phải trái, họa phúc). Trí mà không nhân thì biết mà không làm: nhân là để yêu nhân loại, trí là để trừ cái hại cho nhân loại. TRÍ là trước khi làm phải định cái quy tắc, là sớm đoán trước được họa phúc, lợi hại, trông thấy vật động mà biết được nó sẽ biến hóa ra sao, thấy việc dậy lên mà biết nó sẽ đưa đến đâu, trông thấy lúc đầu mà biết được lúc kết... Trước sau không trái nhau, phân biệt được đầu đuôi... lời nói ít mà dư, gọn mà rõ, giản dị mà sâu xa... tuy ít mà không thể thêm được, tuy nhiều mà không thể bớt được, hành động đúng với luân thường, lời nói xứng với công việc.

- Chữ Dững: Đức Khổng Tử đã nói trong chương Hiến vấn-Luận ngữ: Người đạo đức thì lời nói có đạo lý; Còn người nói đạo lý chưa chắc đã có đạo đức. Người có nhân rất dững cảm, nhưng người dững cảm chưa chắc có nhân. (Hữu đức giả tất hữu ngôn, hữu ngôn giả bất tất hữu đức. Nhân giả tất hữu dững, dững giả bất tất hữu nhân.) Như vậy, đạt được nhân, ắt có dững. Dững theo giáo lý Khổng giáo, là những con người không để

hoàn cảnh chi phối, luôn luôn có đủ can đảm suy nghĩ, phán đoán lấy mình, dù đứng giữa cơn phong ba bão tố, vẫn không bị bắn loạn, luôn giữ sự bình tĩnh để đón nhận thời của mình theo Thiên mệnh.

Theo Thu Giang Nguyễn Duy Cần trong tác phẩm “Cái Dũng của Thánh nhân”, luận về “hạo nhiên chi khí” của Nho giáo, Dũng là tính như như bất động, thản nhiên bình tĩnh, không để cho ngoại vật động đến tâm mình, làm chủ cả tình dục và ý chí. Đức Trang Tử nói: Lặn xuống đáy biển, mà không biết sợ giao long, đó là cái Dũng của bọn chài lưới. Vào rừng mà không biết sợ hổ báo, đó là cái Dũng của bọn thợ săn. Thấy gươm bén mà không biết sợ, xem tử như sanh, ấy là cái Dũng của người liệt sĩ. Biết được chỗ cùng thông là Thời, Mạng và bất cứ là ở vào cảnh nguy hiểm nào cũng không biết sợ, đó là cái DŨNG của Thánh nhân.”<sup>6</sup>

Như vậy, cái Dũng của Thánh nhân tức là chỗ cùng cực của Diêm Đạm.

Luận về những người đại dũng, Tô Đông Pha nói: “Bực đại dũng thành linh gặp những việc phi thường cũng không kinh; vô cố bị những điều ngang trái cũng không giận” (Thốt nhiên lâm chi nhi bất kinh; vô cố gia chi nhi bất nộ). Trái lại, “Kẻ thất phu bị nhục, thì tay tuốt gươm đứng dậy, vươn mình xốc đánh” (Thất phu kiến nhục, bạt kiếm nhi khởi, đỉnh thân nhi đấu).

Đừng nói sai, nói thật, và chỉ biết nói thật mà thôi, là tập cho mình có một tinh thần bất úy. Trong đời, nhất thiết việc gì, phải

---

6. Cái Dũng Của Thánh Nhân, Nguyễn Duy Cần, NXB Thuận Hóa, 1993, tr. 11.

tập tánh nói cho đúng với sự thật. Ấy là một tánh, cần phải tập luyện từ nhỏ mới đặng, đừng để bị phải thói quen mà sau này không dễ gì sửa đổi cho được. Mỗi một khi ta nói dối, tinh thần ta giảm bớt dũng khí đi một ít. Càng nói dối chừng nào thì cái dũng khí của mình càng suy nhược chừng nấy. Cho nên những kẻ ham nói dối là những người khiếp nhược. Mỗi khi ta nói dối là mỗi khi ta nuôi dưỡng tánh hèn nhát của ta.

Thánh Gandhi là người thứ nhất dám tự hào: “Tôi không bao giờ biết nói dối”. Thật vậy, mặc dù ông là một nhà chính trị, đối với phe nghịch ông, ông cũng không bao giờ nói dối để được việc cho mình. Lời nói ông là một bảo đảm chắc chắn hơn tất cả những hiệp ước. Hễ ông hứa một điều gì, thì việc ấy kể là đã được ông thi hành rồi. Theo luật Võ sĩ đạo (Bushido) của người Nhật cũng vậy. Họ lấy sự giữ lời hứa là một danh dự riêng của người đại dũng. Nói dối, theo họ, là một khiếp nhược.<sup>7</sup>

Tóm lại, theo Đức Khổng Tử: “Bậc trí thì không mê hoặc; bậc nhân thì không lo lắng; bậc dũng thì không sợ sệt”. (tr. 311)

## 2. THEO LÃO GIÁO

Theo giáo lý Lão giáo, lòng yêu thương (Nhân) hiện diện trong con người rất tốt lành. Người ấy có tính khiêm hạ, làm lợi cho mọi người không phân biệt, như nước làm lợi cho vạn vật. Vì khiêm hạ và quảng đại như đầm sâu, người ấy không tranh giành với ai, cho nên không bị ai oán trách. Do có lòng nhân trọn vẹn như thế, con người lý tưởng trong Đạo giáo gần gũi với Đạo

---

7. Cái Dũng Của Thánh Nhân, Nguyễn Duy Cần, NXB Thuận Hóa, 1993, tr. 11.



(Thực tại tối hậu); tức là gần gũi với Trời.

Trời Đất lấy cái sống của vạn vật làm cái sống của mình. Vạn vật sinh hóa mãi thì tự nhiên Trời Đất còn vĩnh viễn. Do đó, con người bắt chước Trời không ích kỷ sống cho mình sẽ tạo được sự hòa thuận và yên bình với mọi người. (Đạo Đức Kinh, Chương 7).

Đức Nhân nơi Thánh nhân là không chấp nê, không thiên kiến, đối với bất cứ ai. Đối với kẻ thiện và kẻ không thiện đều lấy lòng thiện mà đối xử. (Đạo Đức Kinh, Chương 49).

Đức Lão Tử dùng chữ Từ thay cho chữ Nhân, vì chữ Từ là biểu hiệu tình thương của người mẹ do Ngài dùng chữ Mẹ để chỉ Đạo là Mẹ sinh ra vạn vật. Lòng Từ là tình thương bao gồm sự nuôi dưỡng, che chở, tha thứ và độ lượng, nên có thể sinh ra Dũng. Tình thương của người mẹ là nền tảng của sự dũng cảm. Người mẹ sẵn sàng bất chấp mọi hiểm nguy để bảo vệ con mình. Theo Đức Lão Tử, lấy đức trả oán là thể hiện lòng Từ. Người làm được điều đó thật là kẻ phi thường, là chí thiện, dũng mãnh vì đã thắng được lòng vị kỷ của mình.

Theo Đức Lão Tử, có ba đức tính quý báu là: Lòng từ, tính tiết kiệm và sự khiêm tốn. Ngài dạy: *“Trị người, thờ Trời, không gì bằng tiết kiệm.”* Tiết kiệm sự tiêu xài nên được giàu có, tiết kiệm tinh thần nên thần khí (tinh thần) không bị tổn hao; bậc lãnh đạo cầm quyền tiết kiệm, dân chúng sẽ ấm no giàu có. Sự khiêm tốn nói lên đức Trí, tránh được sự đố kỵ của người gây hại chính mình. Tiết kiệm chính là thể hiện đức Dũng, kèm chế được sự ham muốn của bản thân. (Đạo Đức Kinh, Chương 67).

- Chữ Trí và Dũng: Theo Đạo Đức Kinh, Trí và Dũng thường đi đôi nhau.

Đức Lão Tử dạy không tranh đua là khôn ngoan, biết tự bảo tồn để đạt mục đích mà không cần dùng sức mạnh hay tranh chấp. Người có Trí và Dũng, không ích kỷ, không ham tranh đua với người, không khoe khoang, không kể công khi làm được việc, không tự cao tự đại. (Chương 22).

Biết quay về với Đạo là sống theo lẽ Đạo, suốt đời không nguỵ. Biết lấp kín nguồn đam mê nhân dục, không để bị cám dỗ bởi âm thanh sắc tướng. Biết giữ lòng không rối loạn thì suốt đời không phải lo âu, mỗi một. Phải nhìn thấy mầm mống của tai ương khi vừa bắt đầu manh nha, mới là người sáng suốt. Biết giữ thái độ mềm dẻo trong khi hành động, tức là không hiếu thắng, mới là người mạnh mẽ. (Chương 52).

Biết người là khôn ngoan, nhưng tự biết mình, tức là biết những ưu khuyết điểm của mình, cần phải có trí thông minh, chịu suy nghĩ, dẹp bỏ tự ái cá nhân để nhìn thấu suốt chính mình một cách khách quan là người có trí. Còn tự thắng mình, đòi hỏi phải có sức mạnh tinh thần và một ý chí cương quyết, biết dùng lý trí để tự kiềm chế bản thân, là người dũng. (Chương 33).

Đức Lão Tử dạy về chữ Dũng, Ngài phân biệt hai loại dũng mãnh: dũng mãnh mà liêu lĩnh là điều thường thấy; dũng mãnh mà không liêu lĩnh tức dùng nhu thắng cương, mới là sự dũng mãnh của người có trí và có lòng nhân (Chương 73).

### 3. THEO PHẬT GIÁO

Phật giáo gọi là Bi – Trí – Dũng.

- Chữ Bi là gọi tắt của chữ Từ bi là Hán dịch của chữ Karunâ trong kinh sách tiếng Phạn. Từ là lành, hiền từ; bi là thương xót, thương hại.

Karunâ trong Phật giáo là khả năng nhận thức rằng mọi sinh linh có giác cảm, từ con người cho đến đến các sinh vật khác đều gánh chịu khổ đau, khi nào tất cả các sinh linh ấy chưa được giác ngộ và giải thoát, thì Từ bi chính là ước vọng mãnh liệt thúc đẩy ta phải giải thoát cho tất cả mọi chúng sinh, trong đó có cả ta, ra khỏi khổ đau.

Vì thế Từ bi không có nghĩa đơn giản là “xót thương” kẻ khác một cách thụ động và tiêu cực, mà ngược lại, Từ bi là một sức mạnh tích cực đưa con người thẳng vào hành động, trong mục đích loại trừ mọi thể dạng của khổ đau và mọi cội rễ của khổ đau.

Đối với các trường phái Phật giáo Nam tông, như Phật giáo Theravada, Từ bi chứng thực và bảo đảm hành giả là một “đệ tử đích thực” của Phật, một “người con” của Phật, một người biết giữ gìn Giới luật, biết trau dồi một tâm thức tích cực bằng Bốn Phạm Trú (còn gọi là Tứ Vô lượng tâm). Bốn Phạm trú ấy là Từ vô lượng (maitrî): tâm lành hướng về mọi chúng sinh; Bi vô lượng (karunâ): xót thương và cứu giúp tất cả chúng sinh; Hỷ vô lượng (muditâ): tâm thức vui mừng và hân hoan khi nhận thấy những điều lành của chúng sinh; Xả vô lượng (upeksâ): buông thả tất cả những gì của chính ta cho chúng sinh.

Phật giáo Tây Tạng thường đưa ra hình ảnh sau đây để giải thích thế nào là lòng Từ bi và thế nào là một cái nhìn đúng đắn. “Nếu có một người cầm gậy đánh ta, ta không kết tội chiếc gậy đã làm cho ta phải đau đớn, ta cũng không kết tội kẻ đã cầm gậy đánh ta,...mà ta phải kết tội sự nóng giận đang chi phối, thúc đẩy và hành hạ người đang cầm gậy đánh ta.”

- Chữ Trí: Theo Kinh pháp Phật giáo, tiếng Phạn gọi Trí là Prajna, diễn âm chữ Hán là Bát nhã hay dịch nghĩa là Đại Trí Tuệ, có công dụng lớn là đưa người tu đến quả vị Phật, bởi cái Trí ấy sáng suốt cùng tột, thông đạt cùng tột và giác ngộ cùng tột. Cái trí ấy là một khí giới sắc bén, linh diệu có khả năng đoạn diệt phiền não, quét sạch vô minh, làm cho hành giả nhận rõ được thân phận vô thường của con người, hiểu được những đam mê phi lý của cuộc sống và giúp cho chúng sanh thấy được sự thật của vũ trụ vạn hữu để hướng đến giải thoát (Vô lậu trí).

Trong kinh Di giáo, Đức Như Lai đã dạy:

*“Người có Trí Tuệ, không tham trước, tự tại, sáng suốt, tránh khỏi hố hầm tội lỗi. Trí Tuệ chân thật là chiếc thuyền kiên cố, đưa chúng sanh đến khỏi bể khổ sông mê. Nó là ngọn đèn soi miền hắc ám, là liều thuốc chữa được muôn ngàn bệnh tật, là chiếc búa sắt đập tan rừng phiền não, là lưỡi dao bén cắt đứt lưới vô minh.”*

Phật giáo còn có từ Trí Huệ.

Trí Tuệ (智慧) và Trí Huệ (智慧) có cùng chữ trí (智) và cho dù tuệ (慧) và huệ (惠) có viết khác nhau vẫn xuất phát từ bộ tâm (心). Tức cả hai từ đều nói về sự hoạt động của bộ não con người.

Có quan niệm giữa trí tuệ và trí huệ có sự khác nhau về ý nghĩa: Các Luận sư Phật giáo phân ra hai loại TRÍ:

- Trí tuệ là hiểu biết, một thứ hiểu biết bị giới hạn trong các hiện tượng và mối liên hệ của chúng trong các quy luật, là một phần của TRÍ HUỆ.

- Trí huệ đồng nghĩa với Bát nhã (tiếng sanskrit: prajñā) là sự nhận thức không phải do suy luận mà có, mà là trực nhận tính không của các pháp, một thứ trí xuất thế đưa đến bờ giác. Đạt

được trí huệ (tức trí Bát Nhã) là giác ngộ và là một yếu tố quan trọng của Phật quả.<sup>8</sup>

- Chữ Dũng: Theo Phật giáo, không có nguyên gốc thuật ngữ nào của Phật giáo gọi là Dũng, Dũng cảm, hay Dũng khí. Kinh Pháp Hoa có nói đến DŨNG trong câu: “Nhĩ thì Xá Lợi Phất dũng được hoan hỉ, tức khởi, hợp chưởng”(爾時舍利弗踴躍歡喜, 即起, 合掌) nghĩa là: Lúc ấy tôn giả Xá Lợi Phất vui mừng hăng hái, liền đứng dậy, chắp tay. DŨNG (踴) trong câu này DŨNG bộ túc, nghĩa là hăng hái, khác với DŨNG (勇) bộ lực là mạnh mẽ, dũng cảm.

Nhưng nếu đi vào kinh tạng thì sẽ tìm thấy từ tương đương: Đức Phật đã dạy trong nhiều kinh của Nam tông và Bắc tông rằng: Có bốn nhân tố tâm lý là gốc của mọi hành động sai lầm dẫn đến khổ đau, phiền não cho mình và người là tham, sân, si và sợ hãi.

Đức Phật cũng dạy có bốn nhân tố tâm lý giúp con người đi ra khỏi tâm lý sai lầm, đi ra khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não là: Vô tham, vô sân (tù), vô si (hay minh, trí tuệ) và vô úy (không sợ hãi, hay định tĩnh, như như bất động; hay không dao động).

Vô úy là thái độ sống của người Phật tử chân chính giữa dòng đời vô thường, biến động. Thái độ sống ấy biểu hiện một cách tự nhiên của những tâm hồn nhuần thấm từ bi và trí tuệ. Không có một nỗ lực khác thường nào ở đây để được ngợi ca là can đảm, hay dũng cảm. Chính vì thế mà thái độ sống điềm nhiên ấy thật sự mang bản chất dũng cảm, đúng nghĩa Dũng cảm, bởi dũng cảm luôn có mặt ngay trong tâm thức từ bi, trí tuệ: Có trí tuệ là

---

8. Bách khoa toàn thư mở Wikipedia.

có dũng cảm; có từ bi là có dũng cảm; và có trí tuệ là có từ bi và dũng cảm.<sup>9</sup>

#### 4. NHÂN – TRÍ – DŨNG THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay đạo Cao Đài được khai mở với tôn chỉ Tam giáo quy nguyên – Ngũ chi phục nhứt, chắt lọc tinh hoa giáo lý của ba nền tôn giáo, sửa đổi, bổ sung xây dựng nên một nền giáo lý vừa khế lý vừa khế cơ cùng với một nền tân pháp diệu dụng để tạo nên một thực thể đạo cứu thế có đầy đủ điều kiện giúp nhân loại tu hành giải thoát.

Ba phạm trù Nhân – Trí – Dũng được giải thích theo giáo lý Nho – Thích – Lão có những ý nghĩa tương đồng lẫn dị biệt đã được đơn giản hóa trong giáo lý Cao Đài với lời dạy của Đức Vô Cực Từ Tôn đã vạch ra con đường giải quyết tâm linh, để cho con người có thể thoát khỏi bánh xe luân hồi quả nghiệp mà mỗi người đã phải buộc ràng nhiều kiếp: *“Muốn tịch diệt đủ đầy Nhân – Trí – Dũng.”*

- Tịch diệt, theo tự điển Đào Duy Anh, là dứt bỏ mọi tư tưởng, cũng có nghĩa Niết bàn. Tự điển Hán Việt Nguyễn Quốc Hùng, chỉ sự dứt bỏ được mọi ràng buộc mà tới được Niết bàn.

Như vậy, Đức Vô Cực Từ Tôn đã khẳng định, người tu sẽ giải thoát khỏi ràng buộc thế gian để đến Niết bàn nếu như người tu đạt được Nhân – Trí – Dũng.

- Chữ Nhân: Đức Từ Tôn giải thích:

*“Nhân là thương khắp muôn loài vạn chủng,  
Không biệt phân nòi giống lạ hay quen,*

---

9. HT Thích Chơn Thiện.

*Cũng không chia cao thấp sang hèn,  
Thương kẻ ghét mình mà lo tế độ.”<sup>10</sup>*

Người môn đồ của Đức Thượng Đế trong Tam kỳ Phổ độ vẫn phải trang bị cho mình một tấm lòng bác ái, bao dung rộng mở, không chỉ thương người đồng loại mà còn thương cả chúng sanh muôn loài, bởi vì ý thức rằng tất cả tuy trình độ tiến hóa khác nhau nhưng cùng chung một cội nguồn Thái Cực. Từ tình thương đó sẽ không còn những chia cách phân biệt giống nòi, màu da, sắc tóc hay so đo kỳ thị giai cấp, chủng tộc sang hèn. Bởi vì tất cả con người đều có một giá trị tinh thần ngang nhau, đều có khả năng tiến hóa đến mức cao như nhau. Hơn thế nữa, để thể hiện đức Nhân, Con người Sứ mạng còn phải thương kẻ ghét mình để mà giúp đỡ, cảm hóa, hoàn thiện họ, làm tròn lời dặn dò của Đức Lê Đại Tiên:

*“Khăn tu lau ráo ngàn mi ướt,  
Áo đạo phủ choàng vạn cốt khô.”*

Đức Chí Tôn khuyên nhủ:

Chỉ có sống và tình thương yêu là bất diệt, mà Thầy đã đem sự sống cho các con, nối liền tình thương yêu cùng Thầy và giữa chúng sanh hơn loại. Đã thấy được sự sống và tình thương là quý báu thì các con cố gắng nhẫn nại trên bước tu hành để nương Quyền Pháp ấy mà về thẳng nơi Thầy, thì tất cả sự khảo thí thế nào cũng ráng chịu. Đó là sự mài giũa cho linh hồn được sáng tỏ, mà khảo thí kia nếu chịu đựng được thì mới tỏ được sức mạnh Quyền Pháp bằng lòng giác ngộ của con, có kiên gan dũng mãnh để rút gọn con đường phản bốn hoàn nguyên. Con cứ vui

---

10. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỳ Mùì (03-10-1979).

vẻ tinh tấn vượt qua nẻo đời chướng ngại để đón lấy hồng ân.<sup>11</sup>

Lời Thầy dạy vừa nói đến đức Nhân với tình yêu thương chúng sanh nhân loại, cũng vừa nhấn nhủ phải mạnh mẽ kiên trì vượt qua những khó khăn chướng ngại, thể hiện đức Dũng phải có trên bước tu hành phản bốn hoàn nguyên.

– Chữ TRÍ: Đức Từ Mẫu chỉ rõ ý nghĩa:

*“Trí là biết tri hành mà thoát khổ,  
Biết lòng người và biết chỗ thị phi,  
Biết những gì phải trái bỏ đi,  
Biết tiến thoái, biết tùy doi nương vịnh.”<sup>12</sup>*

Để có thể sang được bến giác, người tín đồ Cao Đài phải có trí, tức có sự hiểu biết sâu sắc để nhận rõ phải quấy, chánh tà đặt trên cơ sở Trung Dung của Khổng giáo với chữ Tri và chữ Thời, để luôn luôn giữ được ngôi Trung Chính. Người biết Đạo, không sống với cái khôn, cái dại mà sống với cái Biết. Biết ta, biết người, biết tiến, biết thoái đúng thời đúng lúc, hiểu rõ đạo lý của Trời Đất, nương theo thực hành để không bị sa vào chỗ lạc lầm tội lỗi.

*“Trí phán đoán giác mê đôi ngã  
Trí học thông luật cả đạo Trời.”<sup>13</sup>*

Đức Lý Giáo Tông dặn dò:

*“Chư hiền đệ ôi! Nội tình cơ Đạo hiện nay, chính đức Chí Tôn đã căn dặn từ lúc mới khai Đạo. Thầy đã nói: Quý vương nó cũng dám lợi dụng Thầy, mượn danh Phật, Tiên, Thánh, Thần để diu dắt nhơn sanh lạc theo tà đạo. Vì vậy, cơ bút là một vấn đề tối ư hệ*

---

11. Thánh Thất Châu Long Đài, ngày 14-12 ĐĐ 33 (Mậu Tuất, 22-01-1959).

12. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỷ Mùi (03-10-1979).

13. Đức Hưng Đạo Đại Vương, Tý thời, ngày 25-8 ĐĐ 36 (Tân Sửu, 04-10-1961).



*trọng và sứ mạng người hướng đạo càng hệ trọng hơn không kém. Phải sáng suốt, phải có một bản lĩnh siêu phàm, một đức độ quảng đại, một tinh thần dũng mãnh hy sinh, phải hiểu thông lẽ Đạo tình Đòi, mới mong làm tròn nghĩa vụ Thiên Nhơn hiệp nhất, giúp Trời mở Đạo, thay Trời diu dắt nhơn sanh.”<sup>14</sup>*

– Chữ DŨNG: Đức Mẹ định nghĩa:

*“Dũng Là biết chế kềm vọng tánh,  
Dám đoạn trừ bất chánh nơi tâm,  
Dám hi sinh vì đạo nghiệp mà làm,  
Dám chuyển hóa lòng tham sân si dục.”<sup>15</sup>*

Chỉ cô đọng trong bốn câu thi, mà ý nghĩa bao trùm cả một đường hướng tu hành. Để về lại quê xưa, người lữ hành không chỉ có lòng Nhân, đức Trí mà còn phải có cái Dũng. Đó là sự đại hùng, đại lực, cương quyết dứt bỏ lòng tham dục riêng tư, đoạn tuyệt với những tư tưởng thấp hèn của phàm ngã; không chỉ dám từ bỏ quyền lợi vật chất mà còn dám hy sinh cả thân mình để hiến dâng cho nhân quần xã hội và sự nghiệp đạo đức. Đức Lý Giáo Tông dạy: *“Cái dũng của bậc hướng đạo trong lý tưởng cứu thế phải là cái dũng bất khả thoái. Trước một nguy nan chỉ có sự hy sinh và tận dụng lòng dâng hiến của chính mình làm niềm tin yêu kính Chí Tôn cao cả nhất.”*

Cái “Dũng” của những con tin của Đức Cao Đài Thượng Đế trong trường hợp cần thiết chính là sự hy sinh của Đức Ki Tô để cứu rỗi loài người:

---

14. Thánh Truyền Trung Hưng– Ngọc Minh Đài, ngày 04-3 ĐĐ 38 (Quý Mão, 28-3-1963).

15. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỷ Mùi (03-10-1979).

*“Thập tự giá thân đành chịu đống,  
Ta chết vì sự sống loài người,  
Chết vì công nghĩa trên đời,  
Chết vì sứ mạng Cha Trời phó giao.”*

Đức Vô Cực Từ Tôn mô tả người Dũng:

*“Người giải thoát là đại hùng chiến thắng ma nghiệp, can đảm hơn cả, mãnh lực vô cùng. Thật thế, chỉ có hàng giải thoát mới không bị nô lệ cho ma danh, quỷ lợi, ái ân yêu tà. Người giải thoát không hẹp chặt tình thương, không nhỏ nhen sự sống, không ích kỷ hạnh phúc riêng mình, mà đứng ngoài thế gian, lo cho thế gian những phần hy vọng, không con ràng, chông buộc, không lợi khiến danh sai, ở trần muôn kẻ mất tự do mà chỉ mình thông dong tiêu nhân, không bị một vật gì ngăn trở, thì người giải thoát không hơn sao được?”<sup>16</sup>*

Người tín đồ Cao Đài đã thọ nhận sứ mạng trước Đức Chí Tôn, phải sẵn sàng chấp nhận mọi nghịch cảnh với sự bình thản, an nhiên tự tại, không than van trách hờn số phận vì đã biết mệnh Trời. Không phải một sự chấp nhận tiêu cực, xuôi tay mặc cho sóng trần xô đẩy mà là đón nhận để vươn lên, vượt qua số phận, vững bước tiến về phía trước để đạt cho được lý tưởng, hoài bão mà mình đã xây dựng. Đó là phong cách sống của bậc hiền nhân quân tử, luôn nhắm đến mục tiêu phụng sự để làm nên đức độ như lời dạy của Đức Đại Từ Phụ trong Đại Thừa Chơn Giáo:

*“Cái đức của người Quân tử thường như nước vậy. Nghĩa là châu lưu khắp, chảy tứ phương, gặp tròn, gặp méo, gặp dài, gặp vuông, nước cũng chịu theo được hết. Lại nước cứ từ cao chảy*

---

16. Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 06-02 ĐĐ 34 (Kỷ Hợi, 14-3-1959).

*xuôi xuống thấp, nên người Quân tử luống chịu hạ mình cho vừa lòng tất cả nhơn sanh. Nhưng nước tuy cứ tìm chỗ thấp, cứ chiu theo khuôn, cứ mềm với chúng mà đến chừng ai muốn cho nó tiêu mòn sút mẻ thì chẳng làm sao hề hấn đến được lấy chút mây may gì nó bao giờ. Người Quân tử theo đời mà chẳng nhiễm đời, chiu người mà chẳng sợ người, tùy tục mà không đắm tục; cứ giữ tánh tình thanh bạch, tâm chí cao siêu, dầu ai dầm cũng chẳng phai, ai giũa cũng chẳng mòn, nên bả lợi danh, mỗi chung đỉnh có bao giờ trêu nhử được đâu.”<sup>17</sup>*

Tóm lại, ích lợi của Nhân Trí Dũng trên bước tu hành đã được Đức Tiên Trưởng Vô Vi xác nhận: *“Có lòng nhân mới khỏi sanh thù hận, thêm nhiều bạn-tác trên lối. Có trí mới phân chánh tà, lợi, hại. Có dũng mới lánh xa cạm bẫy, vững ô-trước mị tà.”<sup>18</sup>*

Trong Giáo lý Cao Đài ba phạm trù Nhân – Trí – Dũng còn được chứa đựng trong các yếu điểm:

– “Quyền pháp” với ý nghĩa “tình thương và sự sống”, trong đó, Tình thương là Đức Nhân nơi mỗi người. Hay nói cách khác, Nhân là Quyền. Pháp là “Trí và Dũng” vì chính Trí và Dũng sẽ giúp con người điều chỉnh Đức Nhân. Người có đủ đầy Nhân Trí Dũng sẽ chặt đứt được tham sân si dục, làm chủ được thất tình, tức là có đủ Quyền và Pháp tạo thành ngọn kiếm linh thiêng minh triết có khả năng *“đốn phát bụi rừng, hạ cây chặt gốc, mở một con đường đi tới cho toàn linh, phóng một lối đường gai góc để tìm về hạnh phúc.”<sup>19</sup>*

---

17. Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 02-9 Bính Tý (1936), bài “Quân tử và tiểu nhơn”.

18. Thánh Huấn Hiệp Tuyển, Q.2.

19. Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 01-6 ĐĐ 32 (Đinh Dậu, 28-6-1957).

- Minh Triết là kết quả của sự hình thành Nhân, Trí, Dũng. Con người đầy đủ Đức Nhân, tỏa sáng bởi trí tuệ, lại tràn đầy dũng khí uy nghiêm của đức trung chánh, đó là chân dung của một con người minh triết. Đây là chỗ gặp nhau giữa Minh triết và Quyền pháp, hay có thể nói trong phạm trù Nhân - Trí - Dũng, Minh triết là Thể và Quyền pháp là Dụng.

Người tín đồ Cao Đài ngay khi nhập môn vào Đạo, lập thệ trước Thiên bàn, là phải giữ tròn Ngũ giới cấm là để tập rèn Nhân - Trí - Dũng. Bởi vì giữ gìn tốt ráo trọn vẹn năm điều cấm này, người tín đồ đã bước những bước đầu trên đường thực hiện cả ba đức Nhân - Trí - Dũng, vì cả 5 điều: cấm sát sanh, cấm du đạo (trộm cắp), cấm tà dâm, cấm tửu nhục, cấm vọng ngữ, đều có liên quan đến chính mình và tha nhân. Dù muốn dù không, để giữ giới, người vào Đạo ít nhiều phải tranh đấu với chính mình, tức phải có can đảm quyết tâm để chống lại những ham muốn của bản thân có thể đã từng có, tức là có dũng; phải suy nghĩ và nhận biết để tránh phạm giới, tức là có trí; và nếu không phạm các điều cấm, là không có cơ hội gây đau khổ, phiền não cho người khác tức là thể hiện lòng Nhân.

Cao hơn nữa, Đức Chí Tôn đã dành sẵn cho con cái Ngài pháp môn Tam Công:

- Công quả để chuyển nghiệp, giải trừ nghiệp tiền khiên, mở đường thông thoáng cho việc tu hành tinh tấn, đó chính là con đường dẫn thân, phụng sự tha nhân, giúp đời, giúp đạo, chính là con đường dẫn đến Đức Nhân.

- Công trình để rèn tâm luyện tánh, hoàn thiện thân tâm, chuyển dần phàm ngã tối tăm sang chơn ngã sáng suốt, là con

đường dẫn đến Đức Dũng.

- Công phu tu tánh luyện mạng, để tâm linh sáng soi, điểm linh quang sáng chói, diệt trừ phàm ngã tối tăm, là con đường dẫn đến Đức Trí, làm bệ phóng bước lên cõi siêu xuất thế gian, đắc thành Tiên, Phật.

## TẠM KẾT

Con người là sản phẩm hoàn hảo của Tạo Hóa với tất cả những gì gọi là chân, thiện, mỹ; có mặt nơi cõi hữu hình để làm sứ mạng vi nhân, thay Trời cai quản muôn loài. Con người phải giữ tấm lòng yêu thương và trí tuệ của Trời đã ban cho, đồng thời phải có một dũng khí để san bằng mọi thử thách, chướng ngại khó khăn, vượt qua vô vàn cám dỗ của biển danh lợi vật chất nơi chốn trần gian vốn là trường thi tiến hóa. Nếu như từ ngàn xưa, Nhân - Trí - Dũng là thước đo nhân cách của một Con Người (viết hoa) đúng nghĩa, là biểu tượng tính cách của những bậc anh hùng lưu danh thiên cổ, tức là người Quân tử theo Khổng giáo; thì ngày nay, trong Tam Kỳ Phổ Độ, Nhân - Trí - Dũng chính là tiêu chí để con người Thánh hóa bản thân, bước ra khỏi vòng luân hồi nghiệp quả, trở lại miền vô sanh cực lạc.

*Nguồn tham khảo:*

- Các bài viết của Lý Minh Tuấn
- Cái Dũng Của Thánh nhân - Nguyễn Duy Cần
- Khổng Tử - Nguyễn Hiến Lê
- Bài giảng của HT Thích Chơn Thiện
- Thánh giáo Cao Đài
- Internet

# Đức thịnh thời hưng

Diệu Nguyên



*Minh họa: Cọ Trắng*

Ngày xưa, ở Trung Hoa và Việt Nam, ai muốn ra làm quan phải trải qua các kỳ thi do triều đình tổ chức. Có nhiều người chuyên tâm dùi mài kinh sử mong đến ngày thi đỗ làm quan để vừa mang lại vinh hiển cho bản thân và dòng tộc, vừa đem tài phục

vụ cho đất nước, thế nhưng đi thi năm lần bảy lượt vẫn không đậu, mặc dù là người có thực tài, văn hay chữ tốt, học vấn uyên thâm. Dân gian bảo rằng những người ấy có tài nhưng không gặp thời.

Ngược lại, cũng có nhiều người học hành đỗ đạt và ngày càng được thăng quan tiến chức, hoặc có người làm ăn phát đạt, sự nghiệp kinh doanh ngày một phát triển. Dân gian bảo rằng những người ấy đang gặp thời hay đang có thời.

Vậy, vì sao người thì gặp thời, người lại không gặp thời? Có câu ngạn ngữ từ xưa rằng:

Mạng lý hữu thời chung tu hữu: số mạng có thời thì rất cuộc phải có.

Mạng lý vô thời mạc cưỡng cầu: số mạng không có thời thì chớ miễn cưỡng cầu mong.

Ngày nay, kinh Sám Hối trong đạo Cao Đài dạy rằng:

*“Cuộc danh lợi là phần thưởng quý,  
Đấng Hóa Công xét kỹ ban ơn,  
Lòng đừng so thiệt tính hơn,  
Ngày đêm than thở dạ hờn ích chi.  
Người sang cả là vì duyên trước,  
Kẻ không phần luống ước cầu may...”*

Vậy, rốt lại là chữ thời tùy thuộc vào điều gì? Phải chăng là do số mạng đã định sẵn như câu ngạn ngữ xưa đã nói? Hay do Đấng Hóa Công xét kỹ ban ơn như lời kinh Sám Hối đã dạy, và Ngài xét kỹ dựa trên tiêu chuẩn nào?

Trong một lần giảng đàn tại Minh Lý Thánh Hội, Đức Vạn Hạnh Thiên Sư đã giảng giải như sau:

*“Theo thói thường của thế nhân, họ cho rằng chữ “Thời” do số*

*mạng đã định sẵn, ngồi không chờ thời vận đưa đến, vì họ xem tích Khương Thượng ngồi câu nơi sông Vị. Chỉ nhờ câu, chẳng lưới câu và cũng chẳng mồi. Khi thời vận đến vẫn bắt được cá. Cười...!”<sup>1</sup>*

Trong lời dạy này, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư nhắc đến sự tích ngài Khương Thượng ngồi câu nơi sông Vị.

Đức Khương Thượng có tên tự là Tử Nha nên cũng được gọi là Khương Tử Nha. Ngày nay trong đạo Cao Đài, Ngài được thờ kính trên thiên bàn trong hàng Ngũ chi Đại Đạo, ở vị trí giáo chủ Thần đạo và có hồng danh là “Thái Công Tướng Phụ Quản Pháp Thiên Tôn” bởi lẽ khi phò nhà Châu, Ngài được Châu Võ Vương phong chức Thái Công, và được vua gọi là Thượng phụ hay Tướng Phụ (cha nuôi). Ngài là Đấng Thiêng Liêng nắm giữ pháp trên thiên đình nên Ngài là “Quản Pháp Thiên Tôn”. Chữ “Quản” vì thể không có “g” vì “Quản” có nghĩa là quản lý, nắm giữ trong tay.

Chúng ta biết được điều này nhờ vào lời dạy của Đức Quan Âm Bồ Tát trong đàn cơ tại Ngọc Linh Thánh tịnh vào ngày 24-3 Kỷ Hợi (01-5-1959): *“Hiện thời, Ngài [Quản Pháp Thiên Tôn] đang nắm pháp trong tay, nếu chư hiền đệ muội có duyên với Ngài, Ngài sẽ ban pháp cho mà lập công bồi đức. Đó là một điều đại hạnh cho chư hiền đệ muội.”*

Ngày 16-4 Kỷ Hợi (23-5-1959), Đức Khương Thái Công giảng đàn tại Ngọc Linh Thánh Tịnh và dạy rằng: *“(...) nhiều chư đệ muội than phiền khi hầu đàn gặp Lão không được an tọa. Điều ấy Lão có muốn làm chi, nhưng vì trong tay Lão nắm không biết nhiều*

---

1. Minh Lý Thánh Hội, 04-11 Nhâm Tý (09-12-1972).



*pháp của Thiên đình, bởi thế, các Đấng Thần Tiên trước Lão còn phải thủ lễ thay hướng chi chư hiền đệ muội.”*

Theo sử sách, Đức Khương Thượng sinh vào thế kỷ thứ 12 TCN, đời nhà Thương bên Trung Hoa. Năm 32 tuổi, Ngài đã lên núi Côn Lôn học Đạo với Đức Nguơn Thỉ Thiên Tôn hơn 40 năm không biết đến việc trần tục nữa. Đến khi vua Trụ nhà Thương đắm mê tửu sắc bỏ bê việc triều chính, lại nghe theo lời Đắc Kỷ bày ra các hình phạt vô cùng khắc nghiệt như hầm rắn, cột đồng nung lửa... các trung thần can gián đều bị xử tử, lê dân đồ thán, vận nước suy vi... Đức Nguơn Thỉ Thiên Tôn mới hạ lệnh cho ngài Khương Tử Nha xuống núi để phò nhà Châu là một nước chư hầu để phạt Trụ, lập bảng Phong Thần. Ngài đã ngồi buông câu bên sông Vị hết ngày này sang ngày khác để chờ thời vận ra giúp nhà Châu phạt Trụ. Một hôm có người tiều phu phát hiện ra rằng cần câu của Ngài lươi câu thẳng chứ không cong và chế giễu thì Ngài mới bảo: Ta câu thời câu vận chứ nào phải câu cá câu tôm!

Tuy nhiên, Đức Khương Thượng là bậc đã tu hành đắc đạo nên Ngài câu thời câu vận nào phải vì mong được hưởng vinh hoa phú quý chốn thế gian mà là để thực hiện sứ mạng phò Châu phạt Trụ.

Thế nên, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy tiếp:

*“Hiểu rằng thời của Khương Thượng là sai lầm, mà chính là thời của vì vương gặp lúc vương khí, nhưng họ nào hiểu rằng chính vì vương ấy có đức thì khí mới vượng, thời mới hưng. Nếu ở không ngồi rồi mà đợi thời thì thời tự đâu mà đến?”<sup>2</sup>*

---

2. Minh Lý Thánh Hội, 04-11 Nhâm Tý (09-12-1972).

Vị vương mà Đức Vạn Hạnh Thiền Sư nói đến nơi đây chính là Văn Vương nhà Châu, một vị vua hiền đức luôn yêu thương nhân dân. Nhờ cái đức ấy mà nhà Châu mới hưng thịnh và thời vận mới đến để nhà Châu có được Đức Khương Thượng phò tá hưng Châu phạt Trụ, lập nên đế nghiệp nhà Châu kéo dài 867 năm, là triều đại tồn tại lâu dài nhất Trung Hoa.

Sách xưa kể rằng Văn Vương muốn lập một cái Linh đài để xem thiên văn và bói Dịch, biết việc dữ lành trong nước và Ngài sai quan Đại phu Táng Nghi Sanh treo bảng tuyển lựa nhân công, ghi rằng dân chúng người nào muốn đến làm sẽ được trả hai chỉ bạc mỗi ngày, còn ai không muốn làm thì thôi, không bắt buộc.

Nhân dân bàn luận với nhau:

– Bởi Đại vương nhân đức nên chúng ta mới được thánh thời, mặt trời mọc thì đi làm, mặt trời lặn thì về ngủ, khỏi lo ly loạn, vui thái bình. Nay Đại vương muốn cất Linh đài để xem việc dữ lành trong nước, lẽ ra chúng ta phải góp công, góp sức mà làm cần gì phải trả tiền công.

Bàn luận xong, dân chúng cử người thay mặt đến xin yết kiến Táng Nghi Sanh và thưa:

– Chúng tôi xin góp sức làm xong Linh đài, không lấy đồng tiền công nào hết.

Táng Nghi Sanh vào tâu lại, Văn Vương không bằng lòng, ép dân chúng phải nhận tiền. Dân chúng mến đức vô cùng, dốc hết sức mình đua nhau làm rất hăng, chỉ trong mười ngày, một cái đài nguy nga đã lập xong.

Văn Vương dẫn bá quan ra xem thấy đài cao hai trượng, chạm trở đầu đấy rất tinh vi, vẻ huy hoàng tượng không ngờ được.

Tuy vậy, nét mặt Văn Vương vẫn không vui. Táng Nghi Sanh thấy vậy hỏi:

- Linh đài đã lập thành, vì ý gì Chúa công buồn bực?

Văn Vương nói:

- Ta muốn đào thêm trước sân Linh đài một cái ao nữa mới đủ âm dương, song sợ sức dân mệt nhọc.

Táng Nghi Sanh nói:

- Lập cái đài công lao bằng mười lần mà chỉ làm trong mấy bữa, thì đào cái ao phông có bao nhiêu công mà Chúa công ngần ngại.

Văn Vương nói:

- Cái ao phải đào bằng Linh đài, thủy hỏa bằng nhau.

Dân chúng nghe Văn Vương có lòng thương dân như vậy xúm nhau đến yết kiến Táng Nghi Sanh, nói:

- Việc đào ao công phu có bao nhiêu mà Chúa công lo lắng.

Nói rồi hè nhau chia thành toán, kẻ xúc đất, người hì hục đào, vô cùng hăng hái.

Khi hầm sâu độ một thước, dân chúng gặp những bộ xương khô trắng hếu, chẳng biết chôn từ đời nào liền móc quăng lên.

Văn Vương trông thấy hỏi:

- Vật gì trắng hếu như vậy?

Dân chúng thưa:

- Đó là những bộ xương người chẳng biết của ai.

Văn Vương nói:

- Phải sắp theo từng bộ, để tấn liệt, chôn cất hẳn hoi, không nên khinh thường.

Dân chúng tâu:

- Đó là những nắm mồ hoang vô chủ, không ai thừa nhận còn

quý trọng làm gì.

Văn Vương nói:

– Quý trọng cái mà không ai biết quý trọng là con người có đạo.

Nói rồi truyền mua quan quách, bao nhiêu xương trắng được chôn cất tử tế.

Đến bộ xương khô mà vua còn thương hướng chi người sống. Ai nấy đều cảm kích, nên việc đào ao chỉ vài hôm hoàn thành.<sup>3</sup>

Về sau, trước khi mất, Văn Vương không quên dặn dò con mình là Cơ Phát:

– Làm người chỉ có đạo là lớn, mà lỗi đạo là không nên người, hễ thấy việc lành thì làm ngay, thấy việc quấy thì xa tránh, nghe việc phải chớ nên chần chờ. Đó là ba điều để trau mình, trị dân, cứu nước. Con nhớ lời cha dạy, dầu thác cha cũng vui.<sup>4</sup>

Trong lịch sử các quốc gia cũng như lịch sử nước nhà, khi các bậc lãnh đạo quốc gia là người hiền đức biết yêu thương nhân dân thì vận nước được hưng thịnh, quốc gia được thái bình âu ca. Thế nên Đức Vạn Hạnh Thiền Sư mới dạy rằng “*chính vì vương ấy có đức thì khí mới vượng, thời mới hưng.*”

Đất nước Việt Nam ta vào các triều đại đầu nhà Lý cũng rất hưng thịnh nhờ có các vị vua hiền đức như Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông.

Sách Việt Nam Sử Lược của tác giả Trần Trọng Kim có ghi rằng: “Lý Thánh Tông là một ông vua nhân từ, có lòng thương dân; một năm trời làm rét lắm, Thánh Tông bảo những quan hầu

---

3. Truyện Phong Thần Diễn Nghĩa, Hồi thứ 23.

4. Sđd, Hồi thứ 29.

gần rằng: “Trẫm ở trong cung ăn mặc như thế này còn rét, nghĩ những tù phạm giam trong ngục, phải trói buộc, cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc; vả lại có người xét hỏi chưa xong, gian ngay chưa rõ, nhờ rét quá mà chết thì thật là thương lắm.” Nói rồi truyền lấy chăn chiếu cho tù nằm, và mỗi ngày cho hai bữa ăn. Lại có một hôm Thánh Tông ra ngự ở điện Thiên Khánh xét án, có Động Thiên công chúa đứng hầu bên cạnh. Thánh Tông chỉ vào công chúa mà bảo các quan rằng: “Lòng trẫm yêu dân cũng như yêu con trẫm vậy, hiềm vì trẫm họ ngu dại, làm càn phải tội, trẫm lấy làm thương lắm. Từ rày về sau tội gì cũng giảm nhẹ bớt đi.”

Vua Thánh Tông có lòng nhân đức như thế, cho nên trăm họ mến phục, trong đời Ngài làm vua ít có giặc giã. Ngài lại có ý muốn khai hóa văn học, lập Văn miếu, làm tượng Chu Công, Khổng Tử và 72 tiên hiền để thờ. Nước ta có Văn miếu thờ Khổng Tử và chư hiền khởi đầu từ đây.”<sup>5</sup>

Ngược lại, các vì vua kém đức, không biết tu dưỡng bản thân và chăm lo việc triều chính thì lê dân thống khổ, vận nước suy tàn. Chẳng hạn như vua Lý Cao Tông lên ngôi vua lúc mới có 3 tuổi, may nhờ có quan Thái Phó Tô Hiến Thành là bậc hiền thần trung tín đủ tài thao lược làm nhiếp chính giúp vua trị nước an dân, nhưng “Đến khi Cao Tông lớn lên cầm quyền trị nước, thì cứ hay đi săn bắn chơi bời, làm cung xây điện, bắt trăm họ phải phục dịch khổ sở. Ngoài biên giới thì quân Mường Thổ bên Tàu sang quấy nhiễu ở phía Bắc, người Chiêm Thành sang đánh ở phía Nam; trong nước thì trộm cướp nổi lên như ong đầy. Vua

---

5. Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược, Quyển 1, Phần 3, chương IV.

tôi không ai lo nghĩ gì đến việc chính trị, chỉ làm những việc những lạm, mua quan bán chức, hà hiếp nhân dân, lấy tiền để làm những việc xa xỉ.”<sup>6</sup>

Triều đại nhà Lý bắt đầu suy tàn từ đây.

Qua đó, chúng ta có thể thấy được tầm quan trọng của đạo đức đối với sự hưng vong của một quốc gia dân tộc. Thế nên, ngày nay, Đức Quan Âm Bồ Tát dạy rằng đạo đức là siêu chánh trị:

*“(…) những người trong cửa đạo từ lâu không dám bàn đến hai tiếng chánh trị, vì quan niệm rằng chánh trị là có lập phe lập đảng, có tranh bá đồ vương, có giết giành quyền thế. Tại hiểu như vậy nên không dám nghĩ và bàn đến hai tiếng ấy. Thật nghĩa của nó là cao quý biết bao!*

*Định nghĩa: Chánh là chánh trực, quang minh, ngay thẳng, đúng đắn, có nhân nghĩa đạo đức và háo sinh. Trị là an ninh, bảo tồn trật tự, hòa thuận dưới trên. (...)*

*Ngày nay cũng như từ bao giờ, những phần tử tốt, tu hành chân chính trong cửa đạo hằng hoàn thiện hóa từ nội tâm đến ngoại thể con người mình cho đúng với hai chữ đạo đức. Đó là phần vụ tu thân. Còn phần lập công bồi đức là việc tế nhân độ thế, làm những công việc xã hội từ thiện, lấy lý đạo lồng vào việc làm để tỉnh thức kẻ tội lỗi hung ác trở lại đường thiện lương thuần mỹ, giáo dân vi thiện.*

*Độ được một người vào cửa thiện là giám đi một phần tử xấu của quốc gia. Độ được một người biết làm công việc giáo dân vi thiện là đã bớt đi hàng trăm phần tử xấu của quốc gia. Nếu độ*

---

6. Sđd, Quyển 1, Phần 3, chương V.

*được trăm ngàn muôn triệu người như vậy thì một quốc gia đã giảm đi rất nhiều khám đường và sẽ chuyển những cơ sở ấy lại thành giáo đường. Như vậy không phải đạo đức là siêu chánh trị hay sao?*

*Nếu mỗi người thương nhau trong tình đạo hữu, trong tình anh chị em cùng một Cha chung Thượng Đế, lo điều dẫn nhau, bảo trợ nhau, dạy dỗ nhau như người cùng ruột thịt thì xã hội quốc gia đương nhiên an bình, dân tình được lạc nghiệp. (...) Được thanh trị nhờ chữ chánh: chánh tâm, chánh trực, chánh tín. Từ lớn chí nhỏ, từ quan chí dân, từ kẻ sĩ phu tới hàng cùng đinh mà được chánh thì lo gì không thanh trị an ninh, quốc gia cường thịnh, xã hội thanh bình. Đó không phải đạo đức là siêu chánh trị hay sao?*

*Người làm đạo đức là làm chánh trị trong tình thương, giáo dục và bảo tồn.”<sup>7</sup>*

Đó là đạo đức ảnh hưởng đến vận mệnh của quốc gia.

Đạo đức cũng ảnh hưởng đến sự hưng vong của một tổ chức, nhất là đức của người lãnh đạo, bậc hướng đạo, quyết định phần lớn sự thành công của tổ chức. Đức Ngọc Lịch Nguyệt Đại Tiên đã có lần nhắc nhở các vị hướng đạo trong tổ chức Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý như sau:

*“Trong tổ chức Nữ Chung Hòa cũng như tổ chức Cơ Quan, v.v. mỗi người một việc, nhưng người Tổng Lý, Chủ Tịch hay Hội Trưởng, v.v. có đức độ bao trùm cho tổ chức đó thì những nhân viên cộng sự có tài cán tổ chức hoạt động mới được vững vàng. Nếu bộ phận đầu não thiếu phước đức che chở, dầu các cộng sự có*

---

7. Minh Lý Thánh Hội, 14-01 Kỷ Dậu (02-3-1969).

*tài cũng không thể nào kết quả trọn vẹn vậy.*<sup>8</sup>

Đạo đức của mỗi cá nhân cũng là yếu tố quyết định đối với thời vận của từng cá thể con người.

Địch Nhân Kiệt (630–700) làm quan đời nhà Đường bên Trung Hoa, có tài điều tra phá án.

Thuở còn trẻ, ra kinh thành dự thi, dọc đường Địch Nhân Kiệt ghé vào quán trọ nghỉ ngơi. Trong đêm có một phụ nữ trẻ đẹp đến gặp ông ở phòng ngủ, lá lơis quyến rũ. Nghĩ đến câu Hoàng Thiên bất khả khi (không thể lừa dối Trời), Nhân Kiệt bèn ứng khẩu bốn câu thơ cự tuyệt.

Hôm sau tại triều đình, vua Đường Thái Tông hỏi quan sư Lý Thuần Phong xem kỳ này ai đỗ trạng nguyên. Đạo sĩ Lý Thuần Phong về nhà làm lễ rồi xuất hồn lên thiên đình. Sau đó ông vào triều tâu rằng bảng trên trời ghi sáu chữ Hỏa khuyến nhị nhân chi kiệt 火犬二人之傑 và bên cạnh bảng cắm một lá cờ chép một bài thơ tứ tuyệt. Lý đạo sĩ đã chép bài thơ ấy, liền dâng lên vua. Vua sai niêm phong cất đi, chờ xem ứng nghiệm. Khi Nhân Kiệt đỗ trạng nguyên vào triều bộ kiến, vua vỡ lẽ sáu chữ trên bảng trời chính là họ tên ông, vì hỏa khuyến 火犬 ráp lại là Địch 狄; nhị nhân 二人 ráp lại là Nhân 仁; kiệt là Kiệt 傑. Vua hỏi chuyện Nhân Kiệt thì biết thêm bài thơ trên lá cờ chính là bốn câu ông ứng khẩu để cự tuyệt người đẹp.<sup>9</sup>

Câu chuyện này cho ta thấy người đạo đức thì gặp được

---

8. Minh Lý Thánh Hội, 28–8 Mậu Thân (19–10–1968).

9. Tạp chí Sống Đạo, số 4 Đinh Dậu, bài “Chú giải Tiếng Chuông Chiều” của Huệ Khải.



thời vận may mắn hanh thông. Ngược lại, người làm việc thất đức thì vận may bị vượt mất khỏi tầm tay như anh học trò trong câu chuyện “Con lân đá”: Anh học trò ngày kia đi học ngang qua cái đình làng, thấy con lân đá trước cổng đình đứng dậy chào. Anh học trò ngạc nhiên hỏi vì sao con lân đá làm như vậy thì lân đá bảo vì trên thiên đình đã có bảng niêm yết tên anh học trò đỗ trạng nguyên trong khoa thi năm ấy. Tối hôm đó, ngồi học bài dưới ánh trăng sáng, anh học trò ngẫm nghĩ: “Mai mốt mình đỗ trạng nguyên rồi sẽ cưới một cô vợ thật đẹp, còn cô vợ quê mùa xấu xí bấy lâu nay nuôi mình ăn học thì bỏ đi.” Sáng hôm sau đi học ngang qua đình làng, anh học trò không thấy con lân đá đứng dậy chào nữa nên hỏi lý do vì sao lại như vậy. Lân đá trả lời rằng Thiên đình đã xóa tên anh học trò trên bảng danh sách người thi đỗ trạng nguyên vì anh phạm tội bất nghĩa “Nguyệt hạ phóng thê” (Dưới trăng bỏ vợ).

Thế thì, chỉ cần một tư tưởng vô đạo đức thôi chứ chưa phải là hành động nhưng cũng đủ khiến cho thời vận may mắn vượt mất khỏi tầm tay.

Người có đức còn có thể thoát khỏi các nạn tai bất kỳ. My Trúc tự là Tử Trọng (mất năm 221) làm mưu sĩ dưới trướng của Lưu Bị (nhà Hán). Em gái ông (My phu nhân) là vợ của Lưu Bị.

Trước khi tham chính, My Trúc thường qua Lạc Dương buôn bán, nhà rất giàu có. Ngày kia, trong khi ngồi xe trở về bỗng gặp một phụ nữ tuyệt đẹp mặc áo đỏ rực đứng bên vệ đường ngoắc xin đi nhờ xe. Ông bước xuống đi bộ, nhường chỗ cho thiếu phụ. Mỹ nhân nâng nặc đòi ông lên ngồi chung, nếu không nàng sẽ xuống xe đi bộ. Ông đành lên xe ngồi cạnh người đẹp, rất ngay

ngắn, mắt luôn nhìn thẳng về phía trước, không lợi dụng hoàn cảnh mà trêu hoa gẹo nguyệt. Xe đi được rất xa, thiếu phụ xin dừng lại, cảm ơn và cáo từ. Lúc ấy nàng nhìn ông chăm chăm rồi bảo: “Ta là bà Hỏa (Hỏa Đức Tinh Quân), hôm nay vâng lệnh tới đốt nhà của ông theo đúng nghiệp số. Thấy ông là chính nhân quân tử nên ta lộ bí mật cứu ông. Hãy mau về nhà chuyển hết gia sản ra ngoài. Đêm nay ta tới.” Dứt lời thiếu phụ biến mất. My Trúc kinh sợ, vội phóng xe về làm theo lời dặn. Chiều tối hôm ấy, quả nhiên có lửa từ dưới bếp bốc lên, thiêu rụi nhà cửa, nhưng của cải thì đã cứu được.<sup>10</sup>

Đạo đức chẳng khác nào một năng lực có thể hóa giải được mọi tai nạn khổ ách. Người có đức dù trong hoàn cảnh hiểm nguy vẫn có thể được an toàn, chẳng những thế còn có thể chuyển hung thành cát, chuyển xấu thành tốt. Ngược lại, người kém đức, dù có chú trọng dùng phép phong thủy hay cúng vái thần linh cũng vô ích mà thôi. Có lời người xưa bảo rằng: Tồn tâm bất thiện/ Phong thủy vô ích. Bất hiếu phụ mẫu/ Phụng thần vô ích. Nghĩa là: Tâm còn bất thiện thì dùng phép phong thủy để mong được may mắn tốt lành cũng vô ích. Bất hiếu với cha mẹ thì thờ cúng thần linh cũng vô ích.

Kinh sách thường nói: “Đức trọng quý thần khâm”. Do đó bậc chơn tu đạo đức luôn luôn được sự phò trì của Thiêng Liêng và ma quỷ không dám làm hại.

Thế nên, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

*“Bần Tăng muốn lưu ý chữ “Thời” nơi đây là phải tu, phải học,*

---

10. Tạp chí Sống Đạo, số 4 Đinh Dậu, bài “Chú giải Tiếng Chuông Chiều” của Huệ Khải.

*phải hành đạo, lập công bồi đức. Hễ đức thịnh thì thời hưng, lẽ đương nhiên của Trời Đất là ở chỗ đó.”<sup>11</sup>*

Dân tộc Việt Nam nói chung, hàng tín hữu Cao Đài nói riêng đang gặp được một thời vận rất lớn đó là được hạnh ngộ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Đại ân xá kỳ Ba. Thời Hạ nguơn mặt kiếp, nền văn minh vật chất của thế giới nhân loại phát triển đến mức cực thịnh nhưng song song bên cạnh đó là sự suy đồi của phong hóa đạo đức, môi trường thiên nhiên bị hủy hoại nghiêm trọng và nguy cơ chiến tranh thế giới vẫn cứ đang chực chờ để đẩy nhân loại vào hố sâu tận diệt. Thế nên, Đức Chí Tôn Thượng Đế đã khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại đất nước Việt Nam và ban trao cho dân tộc Việt một sứ mạng quyền pháp đó là thúc đẩy các sở vật thực tại tôn giáo đang hiện hữu kết hợp thành một thực thể đạo cứu thế để xây dựng lại cõi thế gian thành một cõi thiên đàng thuần chánh. Đã có lần Đức Khương Thái Công so sánh sứ mạng của hàng môn đệ Cao Đài ngày nay với sứ mạng hưng Châu phật Trụ của Ngài thuở xưa:

*“Tình trạng hiện nay, từ đời đến đạo, dầu không đúng với cảnh Châu Trụ ngày xưa, nhưng có thể còn hơn như thế nữa.*

*Các sứ mạng Thượng Đế cho đến trần gian, là cả một vấn đề trọng đại trong hồi tái tạo dinh hoàn, lập Thượng nguơn Thánh đức, thì Lão khuyên, dầu gian lao nguy khổ, cũng gắng công, và nghĩ rằng các sứ mạng còn hơn Lão rất nhiều, không phải dễ bình trận mạc, không vào tử ra sanh, chỉ dụng đức cảm hóa muôn dân, đem tài phổ độ quần chúng, để hết tâm thành phục vụ chánh nghĩa, là được vẹn tròn sứ mạng. Nếu không làm được thì chẳng những*

---

11. Minh Lý Thánh Hội, 04-11 Nhâm Tý (09-12-1972).

*đời đạo phải chịu biến chuyển chinh nghiêng, mà các sứ mạng cũng phải chuyển luân lên xuống.*<sup>12</sup>

Thế nên, để có thể đảm đương được sứ mạng trọng đại mà Đức Chí Tôn Từ Phụ đã phó giao, hàng môn đệ Cao Đài cần phải tu thân lập đức cho dày. Thầy đã dạy:

*“Một ngày tới đây, nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nơi này được nhưn vật khắp hoàn cầu sẽ đến cùng các con mà cầu Đạo, hỏi Đạo, nhưng các con chưa được mấy đứa đắc chứng chơn truyền. Nếu các con không làm được Thánh, khó mong hóa độ người người. Nếu đem tài đem sức mà tranh thì các con phải thua xa mọi người, làm sao mà cho họ phục? Nói tài nói sức thì các con phải thua xa, các con có hơn chẳng là nhờ đạo đức, mà đạo đức không trau dồi thì làm sao hoàn thành sứ mạng?”*<sup>13</sup>

Đặc biệt, người nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo lại còn được ban trao một sứ mạng mà Đức Giáo Tông gọi là trọng đại và gian khổ, đó là sứ mạng thống nhất cơ đạo bằng tinh thần qua phương tiện phổ thông phổ truyền giáo lý. Thế nên, hàng môn đệ Cao Đài nói chung và người nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý nói riêng, nếu không tu thân lập đức hay trau dồi tâm hạnh đức tài thì sẽ không đảm đương nổi sứ mạng, thời vận sẽ vượt mất khỏi tầm tay như anh học trò trong câu chuyện con lân đá. Sứ mạng sẽ được ban trao cho dân tộc khác hay nhóm người khác.

Tóm lại, “Đức thịnh Thời hưng” chính là một phương châm mà từ đời đến đạo, ai ai cũng cần phải ghi nhớ. Đạo đức của bậc lãnh

---

12. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 05-01 Bính Ngọ (25-01-1966).

13. Bác Nhã Tịnh Đường, 13-5 Giáp Dần (02-7-1974).

đạo quốc gia và của nhân dân ảnh hưởng đến sự hưng vong của cả một dân tộc. Đạo đức của hàng lãnh đạo hay bậc hướng đạo quyết định sự thành công hay thất bại của một tổ chức hay giáo hội. Đạo đức của mỗi cá nhân quyết định vận mệnh của cá nhân ấy. Riêng hàng môn đệ Cao Đài và người nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý cần ý thức rằng mình đang gặp một thời vận có một không hai trong lịch sử nhân loại, đó là được làm người sứ đồ của Đức Thượng Đế trong nguơn hội cuối cùng này để cố gắng vươn lên, tu thân lập đức, trau dồi tâm hạnh đức tài hầu có thể đảm đương sứ mạng được ban trao. Nếu để bỏ qua cơ hội này, phải đến 700 ngàn năm sau mới gặp lại một kỳ đại ân xá như ngày nay.

Sau cùng, chúng ta hãy cùng ghi nhớ lời dạy của Đức Vạn Hạnh Thiên Sư:

*“Bần Tạng cảm mến chư đạo hữu lắm, chắc rằng chư đạo hữu cũng tin và hiểu được rằng mình nhờ có căn tu, có tiền phúc nên mới ngộ đạo sớm, và tuy trải qua mấy lúc thăng trầm chiến tranh ly loạn, đã biết bao nhiêu người tán gia vong mạng, mình còn sống sót trong cảnh an lành, được tu thân hành đạo, học đạo với Phật với Tiên. Nếu đại căn mới được thế. Hiểu như vậy, đừng khinh thường cái phàm nhân của mình, mà phải xem nó là sứ đồ của Thượng Đế. Mỗi lời nói, mỗi ý nghĩ, mỗi hành động phải là tượng trưng và đại diện cho Thượng Đế trước nhân sanh.”<sup>14</sup>*

Xin cầu chúc cho tất cả môn đồ của Đức Cao Đài luôn mạnh tiến trên bước đường tu công lập đức để cơ đạo được ngày một hưng thịnh hầu góp phần vào việc cải tạo và xây dựng cõi thế gian thành một cõi an lạc, hạnh phúc và tiến bộ văn minh.

---

14. Minh Lý Thánh Hội, 04-11 Nhâm Tý (09-12-1972).

# ĐỨC BÁC NHÃ THIỀN SƯ

## Tam Tông Pháp Chủ

### Nguyên Quân Bồ Tát

*Cuộc đời và đạo nghiệp*

*Bài học cho hậu sinh*

Đại Mạng

*Bài nói chuyện trong buổi đạo đàm tại CQPTGLĐĐ  
ngày 10-12-2017 (Năm ngày 23 tháng 10 Đinh Dậu)*

## I. TIỂU SỬ VÀ ĐẠO NGHIỆP

ĐỨC BÁC NHÃ THIỀN SƯ TAM TÔNG PHÁP CHỦ NGUYÊN QUÂN BỒ TÁT lúc sanh tiền, pháp danh Minh Thiện, thế danh của Ngài là TÔN VĂN KHUÊ, sanh năm Đinh Dậu (tháng 8-1897), nhưng để đi học đổi tên họ lại là NGUYỄN VĂN MIẾT, tại Lợi Bình Nhơn tỉnh Tân An (Long An bây giờ). Thân phụ Ngài là một Nho gia tu theo phái Minh Sư. Ngài sẵn có một vốn đạo đức và chữ Nho căn bản, rồi theo Tây Học trong hoàn cảnh lịch sử đương thời. Ngài theo tân học cho đến khi ra làm việc với chánh phủ thời bấy giờ, được gọi là công chức chánh ngạch. Có thời gian Ngài ra làm việc tại Côn Đảo mấy năm. Ngài mục kích lắm chuyện đau thương, thấy nhiều người đau khổ đến độ muốn chết đi cho rảnh, mà chết

đi cũng không được. Thấy rõ cuộc đời là bể khổ, sâu đau, nên từ đó Ngài đã hướng tâm chí mình về đường đạo đức.

Ngài đã dùng thời giờ rảnh rỗi và phương tiện rộng rãi học hỏi chữ Nho để nghiên cứu sâu xa Đạo Học qua các kinh điển Đông Tây. Thời cơ đưa đến, Người theo dõi huyền cơ, thần cơ, chung cùng với nhiều vị tiền bối đại căn khai Đạo tại Việt Nam, Ngài được chọn đứng ra khai sáng đạo Minh Lý. Thể theo Thánh ý, Ngài xin về hưu trước hạn định để trọn hiến mình gánh vác đạo sự, chỉnh đốn miếu đường và dắt dạy môn sanh, tận tụy với sứ mạng hoằng pháp độ nhơn, làm sáng tỏ đức Nguyên ở đạo TRỜI.

Ngài quy tiên ngày 16-11 Nhâm Tý (1972) vào giờ Tý, trùng ngày vía Đức Phật A Di Đà. Vừa thoát xác thì cố Định Pháp Tổng Lý Minh Lý Thánh Hội, Ngài Minh Thiện đã được Đức THƯỢNG ĐẾ CHÍ TÔN ân phong BÁC NHÃ THIỀN SƯ TAM TÔNG PHÁP CHỦ trong đàn mừng 7 tháng 12 Nhâm Tý (10-01-73). Đây là một đại ân cho toàn đạo Minh Lý.

Nói đến công đức của cố Định Pháp Tổng Lý Minh Thiện, thiết tưởng không phải là một việc làm dễ dàng.

Khóa tịnh Đông Chí năm 1974 tại Bác Nhã Tịnh Đường (Long Hải), có bốn khối nòng cốt: Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Thánh thất Minh Đức, Hội Thánh Truyền Giáo, và Minh Lý Thánh Hội. Dịp này, Ôn Trên giáng đàn, ban cho bài kinh xưng tụng công đức vô lượng của Ngài Minh Thiện, và cũng để nhắc nhở cho đàn hậu tấn Minh Lý tiếp bước hoàn thành sứ mạng sao cho xứng đáng với đạo nghiệp Ngài còn lưu lại trong đời.

Khi đọc bài này tại buổi Lễ tưởng niệm Ngài hằng năm, không ít môn sanh Minh Lý đã không cầm được nước mắt vì lòng thương Thầy vô bờ bến.

*(...) Nay đệ tử trước đàn hiến lễ,  
Chạnh thương Thầy giọt lệ trào tuôn,  
Nhớ câu cây cội nước nguồn,  
Cô đơn chan chứa nỗi buồn làm sao!  
Vui mừng Thầy chứng cao vị quả,  
Tối thượng thừa BÁC NHÃ THIỀN SƯ,  
Độ đời đến chỗ nhưt như,  
Giúp con lái chiếc thuyền từ Tam Tông.”*

Và sau khi đắc vị, Đức Bác Nhã Thiền Sư đã tự sự cùng môn đồ của mình:

*“BẢN HUYNH cũng nhắm vào chơn lý đạo pháp, lấy sự giác ngộ của chính mình khi còn tại thế, nói ra đây để chư hiền đệ, hiền muội tìm những điểm tương đồng trong sứ mạng thế Thiên hoằng đạo. Quay về dĩ vãng, không phải để nuối tiếc, mà để mở màn cho hiện tại và tương lai.*

*(...)*

*“Giác ngộ” đã giúp BẢN HUYNH lên đường “giải thoát”. BẢN HUYNH nhắc lại đây để chư hiền đệ, hiền muội, nếu quyết tâm tu chứng, thì đừng mơ viễn ảnh Tây Phương Cực Lạc, mà hãy nhắm vào sự cứu cánh chân thật và lòng chí thành giải quyết những gì hiện tại đúng theo lòng Trời, đúng đạo lý để được bằng lòng ở tương lai. Các bậc Giáo Chủ cũng thành công do lẽ đó.”*

Từ “tự giác” đến “giác ngộ”, Ngài đã chọn con đường sứ mạng gay go. Trải qua mấy mươi năm trời, biết bao là thử thách khó khăn; và cũng từ chính cái chí ấy, cái tâm ấy đã đưa Ngài Minh Thiện dẫn thân cho công cuộc hoằng khai chánh pháp. Cho hay ‘hữu chí cánh thành’: Đạo được duy trì, Chùa được giữ vẹn, mặt dầu có người muốn phá Đạo, có kẻ lăm le chiếm đoạt ngôi chùa.



Đến năm 1957, như đà hưng khởi, ngôi Miếu đường khiêm tốn lúc xưa được trùng tu nguy nga đồ sộ. Một tay Ngài đề ra hình thức kiến trúc hợp với lễ Đạo, tương thích với kỹ thuật. Công sức đó của Ngài đã đạt thành tựu mỹ mãn là ngôi Thánh sở hiện trạng như ngày nay đã hoàn thành vào năm 1959, để khánh thành vào năm 1960. Hình thức ngôi Thánh sở thật là vĩ đại – tương xứng với nội dung Đạo pháp. Nhưng nội dung còn quan trọng gấp mấy lần hơn, đó là Ngài âm thầm xây dựng với bao công trình: nào sáng tác, nào phiên dịch, trứ tác sách kinh Tam-Giáo gồm công truyền, lẫn cả bí pháp. Đẳng đẳng hai mươi lăm năm ròng rã, một dạ kiên trì với tâm từ bi độ dẫn chúng sanh, với ý chí mãnh liệt trùng hưng chánh pháp. Thật ứng với câu liễn trước chùa:

*Thống Tam Giáo dĩ tôn sùng, tâm tự trúc thành hưng chánh pháp,  
Hiệp vạn nhơn nhi giảng luận, cựu kinh đàm bái dục linh căn.*

Chúng tôi xin tạm dịch ý như sau:

Thống nhất Tam Giáo để tôn kính, chùa mới xây thành hưng chánh pháp, / Hợp vạn linh mà giảng luận, kinh xưa bàn thảo giục linh căn.

Đến năm 1965, cơ Đạo chuyển mình, trong đó “nền đạo MINH LÝ được phục hưng, cửa pháp rộng khai, nguồn ân chảy đến, điển huệ sáng soi, Thần cơ tái hiện.

Giai đoạn ba mở một phương trời tươi đẹp vô cùng rực rỡ, cảnh tượng TAM TÔNG MIẾU tưng bừng sống động. Toàn Đạo gọi ơn giáo pháp, khởi tâm tu đức lập công, phát đại thừa tâm, tu bồ tát hạnh. Hồng ân của Trời Phật rót nhỏ đều đều mỗi tuần, mỗi tháng, suốt qua bao nhiêu năm thắm nhuần nơi lòng đạo. Ai nấy cũng được mở to mắt huệ, soi thấy cội nguồn, tỏ tường diệu lý pháp môn “Không thiên Bác nhã”, tin tưởng vai trò sứ mệnh

Quyền Pháp của MINH LÝ sẽ thành công, đại dụng cho sau này, ở chỗ Thiên Nhơn hiệp nhứt, tâm vật bình hành, dung hợp mọi tinh ba kết thành một nền tôn giáo cộng đồng.”

Trong giai đoạn này, Ngài đã ra công kết tập Thánh ngôn để làm tài liệu cho Minh Lý. Đó là các bộ Thánh kinh: Minh Lý Chơn Giải, Dịch Kinh Huyền Nghĩa, Đạo Học Chỉ Nam... Thật là hồng ân của Trời Phật ban trao kho tàng cho Minh Lý.

Nhưng Ngài vẫn còn mối ưu tư vì giáo sở luyện tu bí pháp chưa được dựng xây. Vào năm 1967 – ở vào tuổi 70, sức khỏe đã suy yếu, nhưng Ngài đổ dồn sức lực vào công việc xây dựng Bác Nhã Tịnh Đường. Ý của Ngài: Bác Nhã Tịnh Đường dùng làm nơi để Minh Lý môn sanh nói riêng, ai ai nói chung, được tu được luyện theo như câu liễn trước chánh môn:

*Bác Nhã tâm khai, huệ chiếu vô minh hườn bốn giác,  
Tịnh đường khí phục, đơn thành nhứt lịp thoát thai thần.*

Tu luyện, để trở nên bậc chơn tu giải thoát, mới đủ đảm nhiệm quyền pháp, gánh lấy sự nghiệp nhơn sanh. Đó chính là cứu cánh của người Thiên ân Sứ mạng.

Ơn Trên cũng ấn định trong nhiều đàn cơ tiếp tại Minh Lý Thánh Hội liên quan đến Bác Nhã Tịnh Đường, đây không phải là một tu viện khép kín, dành riêng cho một tôn giáo, mà là chủng viện nuôi lớn mầm sống tâm linh của nhơn loại biết tìm về nguồn gốc thiêng liêng, để chung cùng nhau độ dẫn chúng sanh hườn nguyên trên đường “Tự giác giác tha”.

Như chúng ta đã biết, Ngài Định Pháp Tổng Lý Minh Thiện đã được Thiêng Liêng tấn phong Bồ Tát vị, được tiếp tục sứ mạng cai quản, giáo dục toàn thể đạo Minh Lý như lúc còn tại thế. *“Bàn Tăng dầu bước sang thế giới vô hình, nhưng còn phải chịu trách*

*nhiệm quyền pháp (nơi này) trước luật Thiên điều, chịu hoàn toàn trách nhiệm nên hư của Thánh Hội MINH LÝ vô điều kiện.”*

Từ đó đến nay, Ngài đã nhiều lần giảng đàn dạy Đạo và sắp đặt công việc trong Thánh Hội, để dạy Đạo và khuyến khích Minh Lý môn sanh cùng nhau tinh tấn tu học. Điều này làm chúng ta tin chắc rằng, thoát khỏi phần nhục thể nặng nề, tinh thần Ngài càng siêu thoát sáng suốt, đầy đủ quyền năng hơn trước, để độ dẫn nhơn sanh.

## II. CÙNG NHAU TU HỌC THEO GƯƠNG NGÀI

Hậu sinh chúng ta ngày hôm nay cùng ôn lại tiểu sử và đạo nghiệp Ngài Định Pháp Tổng Lý Minh Thiện, để cùng nhau rút ra những bài học quý báu từ cuộc đời của Ngài lúc còn tại thế và từ những lời dạy của Ngài sau khi đắc vị Bác Nhã Thiền Sư Tam Tông Pháp Chủ.

Nếu muốn tán thán công đức và hạnh tu của Ngài, chúng ta có thể suy ngẫm về lời dạy của Đức Trần Hưng Đạo như sau: *“Chỉ ước ao chư đạo hữu có tấm lòng ghi nhớ bậc hướng đạo gọi mãi nơi lòng những gì Người đã khéo tay xây đắp, khéo chí tạo lập, lưu lại những kỷ niệm đáng nhắc nhở. Mọi người phải noi theo mà thực hiện cho kỳ được để trở thành sự sống linh động.*

*Trong Giáo Hội, chẳng những một năm hay mỗi năm theo lệ định kỳ, toàn Đạo tưởng niệm công đức phi thường của Người hướng đạo hùng mạnh thành công, vượt thắng mọi khó khăn, mà phải kỷ niệm từng giờ, từng phút để nhắc nhở lấy mình phải học cái chí kiên trì, bền chặt dẻo dai, khen không mừng, chê không sợ, lùi thủi trong đêm dài; mặc dầu hoàn cảnh chung quanh đe dọa, bạn đồng hành tách lối, bỏ cuộc cũng không hề nao. Cái chí ấy, cái tâm ấy, Con Người ấy, bây giờ không còn, nhưng ai nấy cũng được nhìn thấy, chỗ nào cũng có hình bóng Người, nơi nào cũng nghe văng vẳng tiếng Người.*

*Cái gì ở đây, về vật chất cũng như tinh thần, đều có bàn tay Người tạo, khối óc Người vẽ vờ, bắt chúng ta không sao quên được.*

*Người đã chết cái xác thịt, mà cái linh hồn sống động ở trong tâm khảm của đạo hữu. Đạo hữu nên noi theo đà ấy mà tiến tu, sớm giác ngộ thành công cho mình, cho Giáo Hội. Cái kỷ niệm ấy rất hoàn hảo.”*

Bài học đầu tiên từ cố Định Pháp Tổng Lý Minh Thiện sau khi đắc quả vị Đức Bác Nhã Thiên Sư Tam Tông Pháp Chủ cho Minh Lý môn sanh là sức mạnh ý chí của Ngài từ sự TỰ GIÁC cho đến GIÁC NGỘ, vượt qua mọi thử thách trên con đường sứ mạng hoằng khai chánh pháp.

Bài học thứ hai mà Ngài khuyến dạy Minh Lý môn sanh là ĐẠO HẠNH, CHÍ TU, ĐỨC HY SINH để làm tròn sứ mạng.

Ngài dạy: “... Ôn Trời chan chứa mà Bần Tăng được phục hồi nguyên vị. Nhưng sứ mạng chưa tròn, nên lệnh TAM GIÁO TỔ SƯ cho trở lại nơi này để cùng chư đạo hữu thông đồng tình cảm tâm linh, cùng lo sứ mạng để Giáo Hội MINH LÝ được thành hình. Sự đời tình nghĩa bao la không biết đến đâu là cùng tận, mà việc đạo rất cần, nên tạm gác để lo học, lo tu. Mình nên thì thiên hạ được nhờ. Mình được trọn xong thì thân quyến, bạn bè cũng đồng chung hạnh phúc.

(...) Trong buổi Hạ ngưng, chánh pháp suy tàn, hơn tâm đời trụy, đạo đức chỉ còn hiện nơi hình thức. Chùa thất mọc lên khắp làng mạc, sư sãi nơi nào cũng thành ngữ, thành đoàn, nhưng căn trí rất độn bạc, ít người giữ được thuần túy tu hành. Vật chất đã khiến lòng người quên nguồn bổ gốc, ai nấy cũng cầu lợi cho thân, thỏa theo ý dục mà cuộc tương tàn tương sát phải đến ngày hủy diệt. Nên CHÍ TÔN mới cho bậc Tiên Thánh Thần xuống thế mở đạo cứu đời, ngăn chặn cơ tận diệt để tái tạo ngưng thanh bình.

*Nhưng than ôi! Nguyên nhân đến thế này rồi cũng say đắm lợi*

*đanh tài sắc, mà phước bỏ sứ mạng quyền pháp đã thọ nhận nơi Trời. Còn lại một ít người được quyết tâm trên đường tu học.*

*Tiên Huynh đây cũng may sớm gặp hồng ân mà được cùng chư đệ muội trong tập đoàn đạo đức, để lo thừa hành sứ mạng, tiến đức tu nhân. Nhưng chúng ta còn phải cố gắng rất nhiều mới đạt đến mục đích.”*

## Bài học về LIÊN GIAO TU HỌC

Về tình liên giao tu tịnh giữa bốn khối, Đức BNTS luôn un đúc ngay khi còn tại thế cũng như sau khi đắc vị:

*“Hôm nay BẦN ĐẠO lấy làm vui được nhận thấy khóa tu cầu nguyện giữa “bốn khối” huynh đệ đồng tâm nhứt trí, đem hết tinh thần để cầu cho nước nhà được thoát qua cơn kiếp nạn. Nhưng BẦN ĐẠO cũng nhận thấy sự kết quả chưa mấy viên mãn, vì nghiệp lực của dân tộc còn nặng, nên ác khí vẫn còn phưởng phất bao quanh, nhưng không đến nỗi đại họa, song cũng phải vương một đôi phần.*

*(...)*

*BẦN ĐẠO vui mừng trong tình huynh đệ giao hảo mỗi ngày được thêm thân thiện, chung hành một pháp môn, để hoàn thành một sứ mạng cho Thầy, cho Đạo.*

*Từ đây MINH LÝ THÁNH HỘI cũng như CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, đôi bên xiết chặt tình huynh đệ giữa nhau, tiến đến chỗ tu học hành đạo, coi như một nhà, rồi sẽ cùng TRUYỀN GIÁO, TIÊN THIÊN thành hình một khối nghiên cứu, phát minh và tu chứng môn tâm truyền đạo pháp, hầu mới xứng đáng một thiên ân nói lên sứ mạng của mình tái tạo nơnon hoàn, năm châu chung một.”*

## Bài học về ĐÀO TẠO THẾ HỆ TIẾP NỐI

Đức Bác Nhã Thiền Sư rất quan tâm đến thế hệ tiếp nối. Ngài dạy:

*“Bản Huynh để lời khuyên các em thanh thiếu niên Cơ Quan và Minh Lý.*

*Trong thời tuổi trẻ là thời phát huy sáng tạo, các em muốn nên một người chuyên viên trong thế chiến này, tất phải chịu mọi khổ khắt của hoàn cảnh. Có như vậy giá trị mới cao và xứng đáng là người tiếp nối trong cơ tái tạo dinh hoàn.*

*Bản Huynh ngợi khen sự giác ngộ sớm của các em và ban ơn hộ trì, cũng như các Đấng Thiêng Liêng đã chiếu cố đến xây dựng tinh thần tuổi trẻ thế hệ tương lai. Những huynh tử hiện diện hôm nay đang trông chờ các em đó.*

*Tuy hôm nay có một vài trò thanh thiếu niên, nhưng lời Bản Huynh là nhấn gởi toàn thể, vì đạo nghiệp Minh Lý Thánh Hội, cũng như Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ sẽ là dòng nước luân lưu vô tận.”*

Kính thưa Quý vị,

Thời gian không cho phép đề tài mà chúng ta trao đổi với nhau ngày hôm nay tiếp tục lâu hơn. Điều mà chắc chúng ta tâm niệm không phải ngày hôm nay mà phải nói là từ ngày chúng ta tự giác bước vào con đường tu học, hành đạo là phải nhấn nhủ lòng mình luôn tinh tấn, tròn lòng với Đạo trên con đường sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ.

Mong sao mỗi chúng ta sẽ có một công trình nhỏ trong cuộc đời tu học của mình như là một kỷ niệm cho thế hệ đàn em, như Đức Bác Nhã Thiền Sư và Tam Giáo Thiêng Liêng hằng mong:

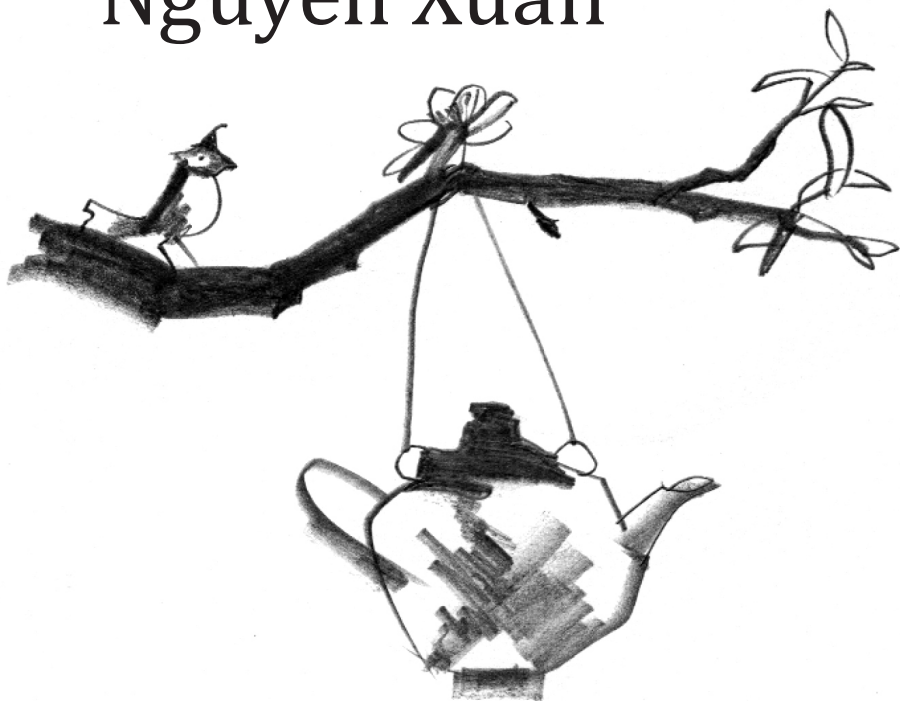
*Đệ tử nguyện một lòng tu học,*

*Để đền ơn bảo bọc dắt dìu;*

*Nối dòng sứ Đạo cao siêu,*

*Đồng tâm nhứt trí là điều Thầy mong.*

# Nguyên Xuân



## Xuân Mai

Làn gió cuối Đông lướt qua, thoảng nhẹ như những bàn tay mềm mại, âu yếm vuốt ve những mầm non mới nhú giúp chúng lớn nhanh để đón những tia nắng ấm đầu xuân.

Mùa xuân của đất trời là mùa của trời xanh, mây hồng, nắng ấm, là mùa của lộc non, của mai vàng rực rỡ...Mùa Xuân dương khí tăng dần cho vạn vật sinh sôi phát triển, thể hiện đức Nguyên của đạo Kiền, đức hạo sanh của Tạo Hóa ban phát đồng đều cho muôn loài vũ trụ, là Thượng Đế tính tiềm ẩn nơi mỗi con người.

Người hiểu Đạo phải trân quý Nguyên xuân của Đất Trời, tô bồi điểm Đạo tự hữu để làm tròn sứ mạng thể Thiên hành hóa:

*“Nguyên nhân sứ mạng hỡi ai ơi!  
Phải giữ nguyên xuân của đất trời,  
Biết sống Đạo hòa cùng nhân thế,  
Gót Đại Thừa trối khắp nơi nơi.”<sup>1</sup>*

## ĐỨC NGUYÊN LÀ GỐC CỦA TÌNH THƯƠNG

Ở Trời là Đức Nguyên. Nơi người là Đức Nhân. Đức Nhân là gốc của tình thương, là cội rễ Trời đã phú bẩm cho người, là đức tính mà người giác ngộ phải luôn nuôi dưỡng và phát huy để xứng đáng sứ mạng làm người, thay Trời xây dựng điểm tô cho cõi đời này một cuộc sống thái hòa an lạc với đủ đầy chân–thiện–mỹ.

Chúng ta hãy nhìn vào tâm của chính mình để tìm hiểu xem: Có chăng một mùa xuân trong lòng mỗi con người? Mùa xuân trong nhân thể là tình tương thân tương ái giữa con người với con người, tình anh em bốn bể đại đồng.

Nhà văn Nam Cao trong tác phẩm “Đời Thừa” đã khẳng định: “Tình thương là lẽ sống, là tiêu chuẩn làm người lớn nhất”. Con người biết yêu thương, quan tâm sẻ chia với mọi người là con người có lòng nhân ái. Trong đó, phải biết yêu thương, quan tâm, chăm sóc những người thân yêu nhất của mình. Đó là cha mẹ – người cho ta cuộc sống, cho ta dòng sữa ngọt ngào với tình thương bao la không bao giờ vơi cạn. Đó là ông bà, là anh em ruột thịt, là bạn bè, là những người cùng chung cội nguồn dân

---

1. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-01 Quý Hợi (13-02-1983).



tộc, và mở rộng là tình đồng loại. Tình yêu thương ấy không chỉ biểu hiện ở tấm lòng, lời nói mà còn là những hành động cụ thể: Một tấm áo gửi đồng bào trong khi lũ lụt, một hành động giúp đỡ người khác trong cơn hoạn nạn, một cái nắm tay, một ánh mắt đồng cảm sẻ chia; hay lớn hơn, những món quà mang cái tết đến cho người nghèo, sự giúp đỡ trao đến những mái ấm tình thương cho người cơ nhỡ, sự an ủi, đỡ nâng những con người lầm lạc cho họ niềm tin từ sự cảm thông, khoan dung của cộng đồng để nối vòng tay lớn, chung một trái tim,... Tất cả đều đặt trọn vào ý nghĩa mùa Xuân như lời Thánh giáo:

*“Phương pháp làm cho các con đủ năng lực và tính chất bảo vệ quyền hạn của địa vị con người đều đặt trọn vào ý nghĩa mùa Xuân, vì nó là biểu tượng cho sự ấm áp, cho tình thương nơi Thầy và sự sống vĩnh cửu hằng hữu với vũ trụ không gian.”<sup>2</sup>*

Xuân về, muôn hoa khoe sắc. Con người cũng là một loài hoa, loài hoa đẹp nhất của đất trời nên cũng biết tỏa hương khoe sắc lúc xuân về. Chia sẻ niềm vui, niềm hạnh phúc với người còn khổ, đem yêu thương đến khắp miền, khắp chốn. Hát tặng người những khúc hát tươi vui, tràn đầy sức sống để người người hy vọng vươn lên. Tất cả đều là những cách tỏa hương khoe sắc của mỗi người. Nhưng vươn lên, vượt lên trên hết là nỗ lực hoàn thiện chính mình để hướng đến trở thành bông hoa tỏa hương thơm ngày càng xa hơn, rực rỡ hơn.

Người đời, ai cũng thích nắng ấm và sức sống của mùa xuân, không mấy ai thích cái nóng bức của mùa hè, cái ẩm đạm của mùa thu và sự lạnh lùng khi đông đến. Chính vì vậy mà vui khi

---

2. Đức Chí Tôn, Nam Thành Thánh thất, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).

xuân đến, buồn khi xuân đi. Nhưng sở dĩ xuân quý vì có hạ, có thu, có đông. Xuân sinh thì hạ trưởng, dương khí thông sướng, vạn vật được phát vượng. Có sinh có trưởng phải có thâu kết, nên thu là tiềm lực của xuân. Đông là đức tiềm phục của xuân, dương khí tiềm ẩn để tiếp tục phát sinh. Như vậy có mùa nào là không có xuân.

Mùa xuân đến với tất cả mọi người, mọi loài. Nhưng đối với người tu học, nếu có cái nhìn đúng về mùa xuân, hiểu được ý xuân, hiểu về sự đến đi, biến thiên của cuộc đời, biết quay về tâm chí thiện, thì ngay nơi con người học đạo sẽ có được một thiên đường đủ rộng, đủ lớn, dung chứa được tất cả những nỗi niềm của cuộc đời, có được một mùa xuân thực sự an vui, miên viễn, chứ không phải chỉ có mùa xuân của đất trời đến rồi đi, cho hoa nở rồi tàn.

*“Tất cả quay về tâm chí thiện,  
Thế gian sẽ biến cảnh thiên đàng.”<sup>3</sup>*

## CON ĐƯỜNG ĐI TỚI NGUYÊN XUÂN

Vạn vật nhờ đức Nguyên mà sinh sôi phát triển. Mùa xuân với năng lực mạnh mẽ thể hiện đức Nguyên của Trời Đất, cho nên, mùa xuân thường được biểu hiện cho sự phát sinh sức sống cho vạn loại, không giới hạn, không đóng khung vào một hoàn cảnh nào. Âm Dương giao hòa đem đến vạn vật sự tươi nhuận, ấm áp. Chính sức trưởng dưỡng mạnh mẽ của xuân và sự giao hòa của âm dương tạo thành một nguyên lý của Đạo là Thái hòa.

“Thái hòa” có nghĩa là “rất hòa”, cái hòa ở trạng thái cao nhất. Theo quan niệm của Nho gia, người quân tử cần phải hòa với

---

3. Đức Lý Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-01 Quý Hợi (13-02-1983).

tâm của Đất Trời, cùng hòa hợp với cái sáng của Nhật Nguyệt. Đây là quan niệm Thiên Nhân hiệp nhất trong tư tưởng “thái hòa” được mở rộng.

Nên Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có bài thi vào mùa xuân năm Canh Thân:

*“Vượng khí THÁI hòa có đức Nguyên,  
Câu kinh BẠCH tự ấy chơn truyền;  
Ai hay KIM ngọc nắng mài dũa,  
Rực rỡ TINH hoa ánh diệu huyền.”*<sup>4</sup>

Thời gian chỉ đến với hiện tại trong một sát na, ngay sau đó sát na kia trở thành quá khứ. Vì vậy thời gian của đời sống bao giờ cũng là thời gian phía trước. Nếu con người có thể thể hiện tính tu dưỡng trọn vẹn trong thân, khẩu, ý thì con người sống quây quần chung quanh chữ “hòa”, hợp đoàn và tin yêu. Đó là hạnh phúc, đó là mùa xuân tuyệt đối, là Nguyên xuân.

Cổ nhân có câu: “Thời thế thuận, không bằng địa thế lợi; địa thế lợi, không bằng nhân tâm hòa.” (Thiên thời bất như địa lợi, địa lợi bất như nhân hòa). Xem thế thì đủ biết: yếu tố hòa là quan trọng hơn hết trong mọi việc, mọi tổ chức. Gia đình hòa thì gia đình có hạnh phúc; nước nhà hòa thì nước nhà được thịnh trị; non loại hòa thì thế giới an lạc.

Thực tế, đời sống là một sự chao đảo bất tận giữa hòa và bất hòa. Tìm đâu trong cuộc sống mà hòa chế ngự được bất hòa? Câu trả lời nằm trong phương cách thực hiện Non hòa hay Lục hòa của Phật Pháp: “Thân hòa đồng trú” (Thân hòa cùng ở); “Khẩu hòa vô tranh” (Miệng hòa không tranh cãi); “Ý hòa đồng

---

4. Đức Lý Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14 tháng Giêng 1980.

duyet” (Ý hòa đồng vui); “Giới hòa đồng tu” (Giới luật hòa đồng giữ); “Kiến hòa đồng giải” (Hiểu biết hòa cùng giải); “Lợi hòa đồng quân” (Lợi hòa đồng chia). Lục hòa là sáu phương pháp cư xử với nhau cho hòa hợp từ vật chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm. Hòa ở đây là hòa với mục đích tiến tới sự cao đẹp, đến con đường giải thoát toàn thiện toàn mỹ, chứ không phải hòa một cách nhu nhược, thụ động, ai nói quấy cũng ừ, ai nói phải cũng gật. Hòa ở đây cũng không phải là phương tiện trong giai đoạn để rút thắng lợi về mình, rồi lại chiến. Hòa ở đây nhằm mục đích làm lợi cho tất cả, gây hạnh phúc cho tất cả, đem lại an bình cho tất cả. Khi nội tâm được quân bình thì xã hội cũng sẽ tiến đến chỗ hòa thuận thương yêu, không còn tranh chấp.

Thế nhưng, làm thế nào biến tư tưởng Lục hòa thành hành động sống cụ thể? Đó là những năm tháng tu tập tinh tấn thân, khẩu, ý.

Như vậy hạnh phúc chân chính của đời người là Nguyên xuân. Con đường đi tới Nguyên xuân được dẫn đạo bởi thực hiện Nhơn hòa hay Lục hòa.

## GIAO CẢM

Mùa xuân đem đến cho con người sự gần gũi với thiên nhiên, được cảm nhận và hòa mình vào sự thay đổi giữa năm cũ và năm mới. Những gì đẹp đẽ nhất được Trời Đất ban tặng cho mùa xuân làm cho con người càng phải biết nâng niu và trân trọng.

Trong những giờ khắc cuối cùng của một năm, hãy mở rộng lòng mình, xua tan những muộn phiền, chấp ngã, để đón chờ hưởng trọn một mùa xuân thắm đẫm hương vị ngọt ngào của tình Tạo Hóa vô biên.

# Lịch sử các bản in THÁNH NGÔN HIỆP TUYỂN

Đạt Tường

## I. LỊCH SỬ

Đầu quý II Đinh Mão, vào ngày 21-7 (18-8-1927), tại Thánh thất Thủ Đức, Ngài Thái Thơ Thanh đại diện chư vị Tiền khai xin in Thánh Ngôn 150.000 cuốn, bán mỗi cuốn 1 đồng để lấy tiền sau này cất Tòa Thánh dạng kiên cố. Đức Chí Tôn đồng ý.

- Tuy Hội Thánh Tây Ninh đã viết xong Lời Tựa vào ngày 21-10 Đinh Mão (1927), nhưng đến đầu năm 1928, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (TNHT) Bốn thứ Nhứt mới thật sự được hoàn thành. Sách có bìa màu đỏ sậm, đề giá 1\$00 nơi góc phải trang bìa, kích thước 14,8 x 22,2cm gồm 101 trang, in tại nhà in Tam Thanh (của Ngài Bảo Thế Lê Thiện Phước) số 108-110 quảng trường Maréchal Foch, Đa Kao, quận Một, Sài Gòn. Nhưng chúng ta không biết, thật sự trong lần đầu xuất bản này đã có bao nhiêu quyển được in ra!

- Đọc kỹ Lời Tựa chúng ta biết kế hoạch ngay từ đầu chư vị Tiền Khai đã dự định sẽ thực hiện 2 bản. Tuy nhiên, trong thực tế, đáng tiếc là rất nhiều tín hữu Cao Đài lại chưa để ý đến để đọc và hiểu đúng sự việc!<sup>1</sup>

---

1. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, 1928, đầu trang 6.

“Nay Hội Thánh nhơn công trích lục những Thánh ngôn nào giảng cơ dạy đạo, rồi in làm hai bốn, để truyền bá ra cho mọi người thông hiểu.”

– Sau 4 năm phát hành lần đầu, ngày 19-02-1932 (14-01 Nhâm Thân), Châu Tri 45 của Tòa Thánh có nói về việc đã in lại TNHT



TRANG BÌA TNHT BỐN THỨ NHỨT VỚI GIÁ TIỀN MỖI QUYỂN NƠI GÓC PHẢI.

Bốn thứ Nhứt được 11.100 quyển.<sup>2</sup>

“Nay nhờ có nhà in của Hội Thánh nên giá hạ xuống còn 0\$20 một cuốn, đủ tiền giấy và tiền in thiệt rẻ cho đạo hữu ai ai cũng có thể thỉnh được coi cho biết rõ tôn chỉ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Còn Lễ sanh, Chánh Phó Trị sự và Thông sự nam nữ, mỗi người phải có một cuốn mà học.”<sup>3</sup>

– Sau hơn 18 năm, vào năm Bính Tuất 1946, TNHT Bốn thứ Nhứt lại được Hội Thánh Tây Ninh tái bản theo khổ giấy lớn hơn, in tại nhà in Bảo Tồn – đại lộ De la Somme ở Sài Gòn. Giấy phép số 827/Pr ngày 28-5-1946.

Quyển này không có đề giá tiền thỉnh như các quyển trước và lược bớt bài “Tề Thiên Đại Thánh giáng cơ” ở chi Minh Tân, nhưng sau này, trong những lần tái bản tiếp theo đã khôi phục lại.

– Như kế hoạch đã dự trù từ đầu, mãi đến 35 năm sau lần đầu tiên ra mắt quyển thứ Nhứt (1928), vào năm Quý Mão 1963, TNHT quyển thứ Nhì mới được Hội Thánh Tây Ninh phát hành.

Trong quyển thứ Nhì này, có trùng một số bài đã được in trong quyển thứ Nhứt hay trong bài in lại có thêm một vài đoạn thông tin hết sức cần yếu. Thí dụ: (đàn 01-juin-1927).

• Quyển 1: “Còn cuối kỳ tháng 6 đây thì Thầy phải ngưng hết cơ bút truyền đạo. Các con sẽ lấy hết chí thành đã un đúc bấy lâu

---

2. Lịch Sử Đạo Cao Đài, quyển 2 – Truyền Đạo, tr.703.

Lời Giảng của Thượng Chánh Phối sư, tỏ bày việc Đạo trước Hội Nhơn sanh nhóm tại Tòa Thánh Tây Ninh lần thứ nhì ngày 15 tháng 10 Annam năm Nhâm Thân (12 Novembre 1932), mục Nhà in Thái Hòa ấn quán.

3. Nguyễn Văn Hồng, Đạo Sử Nhứt Kỳ, tr.764. (Tuy nhiên cho đến nay, vẫn chưa sưu tầm được quyển này!)

mà lần hồi lập cho hoàn toàn mỗi Đạo.”

• Quyển 2: “Còn tới cuối kỳ tháng 6 này thì Thầy phải ngưng hết cơ bút truyền đạo, các con sẽ lấy hết chí thành đã un đúc bấy lâu mà lần hồi lập cho hoàn toàn mỗi Đạo... Thầy cho con tự định trâu sớ mà cho nhập môn như các chỗ khác...”



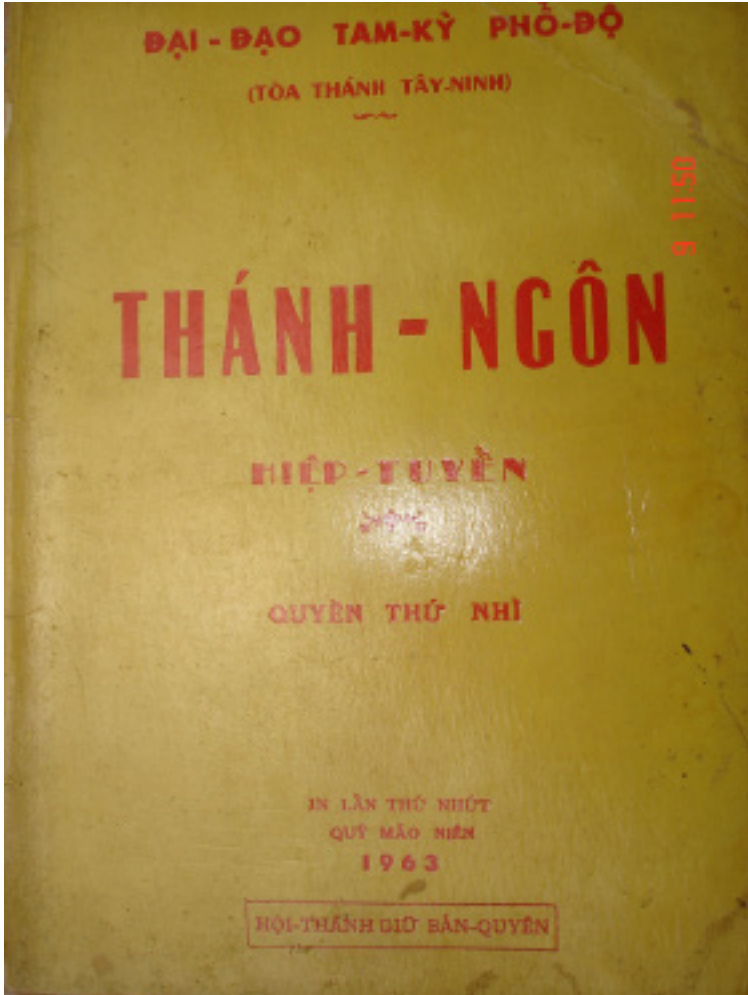
TRANG BÌA TNHT BỐN THỨ NHỨT TÁI BẢN NĂM 1946 KHÔNG CÓ GHI GIÁ TIỀN.



- Cả hai quyển TNHT 1 và 2 đều đã được tái bản nhiều lần.

Về sau, có Hội Thánh đã thực hiện việc tổng hợp 2 quyển chung lại với nhau cho tiện dụng.

- Tuy nhiên, có Hội Thánh vẫn chỉ sử dụng Bốn thứ Nhứt mà



TNHT QUYỂN THỨ NHỊ, ĐƯỢC IN LẦN THỨ NHẤT VÀO NĂM QUÝ MÃO 1963.

thôi! Với lý do trong quyển 2 có thêm một số bài của những đàn sau khi Thầy dạy “Ngưng cơ bút truyền đạo.”<sup>4</sup>

## II. NỘI DUNG

### 1. TNHT là quyển Kinh tổ bên Phổ Độ, phản ảnh

Lịch sử hình thành và phát triển Cao Đài giáo.

Thí dụ trong TNHT Bốn thứ Nhứt:

- Bài thứ nhứt, đêm Noël 1925, lần đầu tiên Đức Cao Đài xưng danh đầy đủ Ngọc Hoàng Thượng Đế Viêt Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương.

- Phần đàn ngày 16–10 Bính Dần (Samedi, 20 Novembre 1926), Pháp Chánh Truyền không hề có danh từ Cửu Trùng Đài. Lý do, khi đó Thầy chỉ mới ban cho 7 phẩm từ Giáo Tông đến Lễ Sanh mà thôi!

Trong TNHT Quyển thứ Nhì:

- Bài thứ nhì, Đức Lý Giáo Tông nói về việc công cử Bàn Trị Sự và dùng cụm từ Phó Hội Trưởng. Tuy không ghi rõ đàn vào ngày nào nhưng có ghi “Chùa Gò Kén năm Bính Dần”, điều này ít ra cho biết các danh từ này đã có từ cuối năm Bính Dần sau thời

---

4. Trong thực tế, nơi này vẫn áp dụng cơ cấu hành chánh đạo của Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài như: hệ thống CTĐ với việc thêm phẩm bậc Chánh Phó Trị Sự, Thông Sự hay Thập Nhị Bảo Quân của Hàn Lâm Viện hoặc hệ thống chức sắc HTĐ như: Sĩ Tải, Thừa Sự, Truyền Trạng... chỉ được dạy thêm sau tháng 7 Đinh Mão 1927.

Cũng cần nói rõ hơn quyết định này của Hội Thánh chỉ có sau năm 1963 khi TNHT quyển 2 ra đời. Lúc đó Ngài Giáo Tông đã quy Thiên từ giữa thập niên 50. Do đó, không nên hiểu đây là quy định của Ngài.

điểm Rằm tháng 10.

- Đàn dạy việc di dời về Thánh thất tạm.

– Nội dung đạo lý căn bản của Cao Đài giáo trong những năm đầu Thầy mới vừa “lập đạo” Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Thí dụ sau khi Thầy dạy về Ngũ Chi Đại Đạo, tuy có đàn nói đến ý “Tam giáo quy nhất” nhưng vẫn chưa có cụm từ “Ngũ Chi hiệp nhất.” Hay về thuyết “Tiến hóa”, Thầy chỉ mới đặt tiền đề căn bản nhưng chưa giải thích kỹ như sau này trong Đại Thừa Chơn Giáo.

## 2. Vài nội dung căn bản của giáo lý Cao Đài

Quyển 1: Thánh ngôn từ 1925–1927:

Có 88 bài. Các Đấng giảng dạy: phần nhiều của Đức Chí Tôn (trên 80%), một số của Đức Lý. Các Đấng khác chỉ một hoặc đôi lần như: Đức Quan Âm, Đức Quan Thánh, Đức Thái Thượng, Đức Tề Thiên Đại Thánh, Đức Lê Sơn Thánh Mẫu, Đức Thượng Chưởng Pháp Tương...

- Thủ cơ chấp bút
- Dạy cách lễ bái và thờ Thiên nhân
- Thiên phong lần đầu cho 3 đại cao đồ và cách lập thế cùng lời thề nhập môn
- Khái niệm Ngũ Chi Đại Đạo
- Cơ sở thuyết Tiến Hóa
- Kể nào trai giới đặng 10 ngày đổ lên, thọ bửu pháp đặng
- Hy sinh độ rỗi nhân sanh
- Bài học Thương Yêu
- Quyền thưởng phạt giao vào tay Lý Thái Bạch
- Thánh ngôn giao thừa Đinh Mão – 1927

*“Thầy lập đạo năm rồi ngày này... độ hơn bốn muôn sanh linh... trong một năm...”*

- Về việc “Ngưng cơ bút truyền đạo.”

- Thi Văn Dạy Đạo và 8 bài dịch Thánh ngôn Pháp ngữ sang Việt ngữ.

– Quyển 2: Thánh ngôn từ 1926–1935:

Có 86 bài. Các Đấng giảng dạy gồm: phần lớn của Đức Chí Tôn, một số bài của Tam Trấn: Đức Lý, Đức Quan Âm, Đức Quan Thánh. Ngoài ra có thêm bài của các Đấng: Đức Thanh Tâm, Đức Chơn Cự Lão Sư, Đức Nhân Âm Đạo Trưởng, Đức Victor Hugo, Đức Lục Nương, Đức Thất Nương, Đức Bát Nương, Đức Thái Thượng, Đức Cao Thượng Phẩm,...

- 3 trọng điểm thực hành: (giáo dục, phước thiện, tịnh thất)
- Ngũ Giới Cấm
- Thương yêu
- Họa Âu tai Á, sẽ vì Thiên thơ mà sát phạt...
- ... cuối tháng 6 này, Thầy phải ngưng hết cơ bút truyền đạo.
- Phải lo cúng kiến thường (5-1933)
- ... bằng không đủ sức thương yêu thì cấm chưởng đặng ghét.
- giải thích về Âm quang
- Thi Tập và Thi Văn Dạy Đạo

### 3. Mặt hạn chế của TNHT

Được xuất bản vào đầu thế kỷ 20 ở những năm cuối thập niên 20, lúc tiếng Việt chưa được phổ biến rộng, nên đã không tránh khỏi một số lỗi chính tả hay có dùng một số từ cổ xưa. Thí dụ: chữ “thìn” (*“Mối Đạo Thầy đưa cho các con phăng đầu hết, thì các con phải biết trách nhiệm các con lớn lao cao*

*thượng là chừng nào Nếu các con không biết nghĩa vụ của Đạo, thì sao cho xứng đáng. Vậy Thầy khuyên các con cứ **thìn lòng thìn nết**, cho có trật tự trong Đạo, thì tức nhiên muôn điều khó nhọc cũng tan như giá.”*

- Ngày tháng một số sự kiện lịch sử chưa được ghi lại hoàn toàn chính xác hay giữa ngày dương lịch và âm lịch chưa trùng khớp. Ngày nay, khi có nguồn Thánh giáo và Lịch Vạn Niên để đối chiếu, chúng ta có thể điều chỉnh lại được hoàn chỉnh hơn xưa.

Thí dụ: Ở cuối bài thứ nhất của TNHT 1, vào đêm Noël 1925, có bài thơ điểm danh chư vị Tiền Khai, sử đạo ghi nhận là đàn đêm mừng 9 tháng Giêng Bính Dần 1926.

- Tuy là trong TNHT, chư vị Tiền Khai đã cố gắng ghi lại những điểm căn bản theo tinh thần Cao Đài nhưng vẫn không thể tránh khỏi một vài thiếu sót như:

- Về nghi lễ: Tuy trong quyển “Luận Đạo Vấn Đáp” của Ngài Nguyễn Trung Hậu vào đầu tháng 9-1927, có giải thích ý nghĩa hình thức và vị trí các ngón tay (tứ tượng, bát quái) mỗi khi lạy nhưng TNHT hoàn toàn không thấy nhắc đến các chi tiết hết sức quan trọng này!

- Về phương cách “thờ thượng”:

Đã ghi thiếu đoạn Thánh ngôn Đức Chí Tôn hướng dẫn nơi hàng thờ Tam giáo Đạo Tổ cụ thể gồm các Đấng nào dẫn đến tồn tại hạn chế cho mãi đến hôm nay vẫn còn rất nhiều nơi thực hiện chưa đúng là thờ “Thái Thượng – Thích Ca – Khổng Tử” thay vì “Lão Tử – Thích Ca – Khổng Tử” như lời đã ghi trong Tờ Phổ Cáo Chúng Sanh trước đó vào cuối tháng 9 Bính Dần – 1926.

Cũng như về nghi thức của lễ phẩm, hoàn toàn không thấy trong TNHT đề cập đến.

- Ngày nay, Tam Công là pháp môn căn bản của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà hầu như mọi tín hữu đều biết, nhưng trong TNHT, danh từ này hoàn toàn không có hiện diện! Mặc dầu những yếu tố căn bản của Tam Công như công quả, công trình hay công phu đều có.

- “Quyền pháp” là một danh từ quan trọng của giáo lý Cao Đài nhưng khi đọc TNHT nếu không lưu ý sẽ không dễ tìm gặp!

- Về bộ máy và cơ cấu hành chánh đạo:

Ở cấp Tòa Thánh: danh từ Cửu Trùng Đài chưa hề có trong bất cứ bài nào, trong cả hai quyển Thánh Ngôn!

Ở cấp Thánh thất: tuy có nhắc đến một phần của bộ khung này qua từ Phó Hội Trưởng: “*Thái Thơ Thanh Thủ Bốn và Phó Hội Trưởng không đặng*”<sup>5</sup> nhưng chưa tìm thấy những từ như: Ban Cai Quản, Đầu Họ Đạo, Đầu Tộc, Chánh Hội Trưởng, v.v.).

“... buổi nọ lập nên Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự và Thông Sự, rồi lại đem phẩm Lễ Sanh vào hàng Chức sắc làm đầu nhơn sanh trong Quyền Vạn Linh đã lập.”<sup>6</sup>

Cũng như bộ máy chân rết (Bàn trị sự, Chức việc Hương đạo, v.v.) đã có ngay từ trong và sau thời gian 3 tháng Khai Minh Đại Đạo nhưng vẫn còn khá sơ sài!

- v.v.

---

5. Đức Lý Giáo Tông, TNHT 2, Tây Ninh (chùa Gò Kén) năm Bính Dần 1926.

6. Đức Lý Giáo Tông, Đền Thánh, ngày 01-12 Quý Tỵ (05-01-1954).

### III. TẠM KẾT

Qua một số điểm vừa trình bày, cho thấy việc tìm học để có thể hiểu thấu đáo hơn về nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn lập thành trong Kỳ Ba này không hề đơn giản.

Việc này đòi hỏi người nghiên cứu, bên cạnh lòng say mê tìm hiểu, phải có trình độ hiểu biết giáo lý sau chương trình Giáo Sĩ hay Bồi Dưỡng Giáo Lý cấp 2 trở lên. (Giáo lý căn bản, Sử đạo, Nghiên cứu Thánh ngôn Thánh giáo, v.v.). Đây là những điều kiện cần và đủ.

- Theo lệnh miệng của Ngài Đầu Sư Thượng Tám Thanh (Hội đồng Chương Quản Tòa Thánh Tây Ninh), vào mùa Thu Mậu Tý – 2008, đạo huynh Giáo Sư Nguyễn Trung Nhơn<sup>7</sup> – Quyền Học Viện Trưởng Tòa Thánh Tây Ninh đã có nhã ý mời đại diện Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý về Tây Ninh để bước đầu san định lại các quyển TNHT. Chúng tôi đã cùng đạo huynh Huệ Nhẫn (khi đó là Văn Hóa Vụ Phó kiêm Trưởng Ban Đạo Sử Cơ Quan) lên Tây Ninh trong hai ngày, ngụ tại nhà đạo huynh Trung Nhơn (gần Tòa Thánh) để cùng nhau làm việc.

Nghĩ về tương lai nhà Đạo, sẽ tồn tại “Thất ức niên dư”, cần nên có sự chuẩn bị sẵn sàng cùng nhau làm việc đúng theo lập trường “Thuần chơn vô ngã”, nghiêm túc, khoa học để khi thời cơ đến sẽ có thể tái bản một bản TNHT hoàn chỉnh cho Nhơn sanh sử dụng học tập và nghiên cứu.

Hy vọng ước mong này sẽ sớm thành hiện thực.

---

7. Con Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu.

Hiện nay, đạo huynh đã được thăng phẩm lên Phối Sư – Học Viện Trưởng.

# Tìm hiểu ý nghĩa bài Thánh thi của ĐỨC NGỌC LỊCH NGUYỆT

*Đàn cơ ngày 19-10-1968 Mậu Thân, tại Minh Lý Thánh Hội*

Bửu Long

THI

*“Cuộc cờ xe pháo vẫn còn gay  
Giấc mộng Hy Di khéo tỉnh say  
Giày cỏ quân chi trời đất rộng  
Gậy tre há nệ thàng năm dài  
Mối tình trăm họ còn đeo đẳng  
Chút nghĩa ba dân khó trở day  
Dù muốn, Tiên Ông đã định sẵn  
Chờ tay sứ mạng để an bài.”*

Trong bài Thánh thi, có những từ khó, chúng ta hãy cùng tìm hiểu.

## 1. GIẤC MỘNG HY DI

Trong Từ điển Hán Việt của Đào Duy Anh, thì Hy Di (熙怡): vui vẻ.

Giấc mộng vui vẻ, có thể hiểu như một cuộc vui chóng tàn của cõi vô thường?

- Hy Di, ở đây cũng có thể là Hi (Hy) Di tiên sinh (希夷先生),



tức Trần Đoàn Lão Tổ (872–989).

Trần Đoàn tự là Đờ Nam, hiệu là Phù Dao Tử, cũng là Bạch Vân tiên sinh, hay Hi Di tiên sinh.

Di (夷) là thị nhi bất kiến (Nhìn mà không thấy).

Hi (希) là thính nhi bất văn (Lóng mà không nghe).

Hy Di cũng gọi nhắc chúng ta hình ảnh ba con khỉ Hy Di Văn–không nghe, không thấy, không nói.



Trần Đoàn Lão Tổ chủ trương dưỡng sinh bằng giấc ngủ, thấy niềm vui trong mộng. Ngài ngủ một giấc lâu mấy ngày. Người đời hay gọi Ngài là “Thụy Tiên” (Tiên ngủ).

Do đó “Giấc mộng Hi Di” là giấc mộng bình an của Hi Di tổ sư.

## 2. GIÀY CỎ GẬY TRE

Ngày xưa, các đạo sĩ siêu thoát thường chọn cách sống giản dị, gần gũi thiên nhiên, mà giày cỏ gậy tre là người bạn chí thân.

Hình ảnh của Đạ Ma tổ sư, cũng luôn gắn liền với hai “bảo

bối” đơn sơ này.

Thiền sư Tăng Kỳ có mấy câu thơ rất hay:

“Mang hài sinh trượng tầm mai khứ  
Chỉ hữu hương lai vị kiến hoa  
Thôn bắc thôn nam hành dục biến  
Sổ chu như tuyết tiểu dân gia.”

Bửu Long dịch:

Gậy tre giày cỏ tìm mai cũ  
Thoảng mùi xưa mà chẳng thấy hoa  
Làng bắc thôn nam tìm khắp cõi  
Chỉ còn cành tuyết trắng đường xa.



### 3. BA DÂN

Ba dân là Tam dân bao gồm: Dân sanh (sinh), Dân trí và Dân đức. Theo Thánh giáo Cao Đài, môn đệ của Đức Chí Tôn có sứ mạng: Phụng sự dân sanh: Lo cho dân có cuộc sống ấm no đầy đủ về vật chất; Xương minh dân trí: Giúp cho dân thoát khỏi tình trạng dốt nát, tối tăm mê muội; Hoàn thành dân đức: Dạy dân làm điều thiện, trau dồi đạo đức cho đến mức tận thiện tận mỹ.

Đó chính là mang lại cho nhơn sanh niềm an vui vừa thể xác lẫn tinh thần.



*tìm hiểu*

## Hai câu thơ xưa trong lời dạy của Đức Mẹ năm Kỷ Dậu

Trần Nam Hiên

Trong huấn từ của Đức Mẹ năm Kỷ Dậu, có câu:

*“Hỡi các con, lời xưa có nói:*

*Tứ quý nhân gian Xuân tại thủ,*

*Bá niên thể thượng Đạo duy tân..."<sup>1</sup>*

Chúng ta sẽ tìm hiểu hai câu thơ xưa này.

### **Tứ quý nhân gian**

Thơ xưa chúng ta thường nghe:

*Tứ quý hoa trường hảo*

*Bách niên nguyệt vĩnh viên*

(Dịch: Bốn mùa hoa cứ thắm tươi

Trăm năm trăng mãi vẫn tròn)

### **Xuân tại thủ**

Và cũng những vần thơ xưa:

*Tuế hữu tứ thời xuân tại thủ*

*Nhân ư bách hạnh hiếu vi tiên*

(Dịch nghĩa: Năm có bốn mùa, mở đầu bằng mùa xuân. Người ta có trăm tính hạnh, nhưng hiếu thảo là cần trước hết.)

Tại Thủ (在首). Tại là ở, Thủ là đầu tiên.

### **Đạo duy tân**

Duy Tân (維新). Từ điển Hán Việt của Đào Duy Anh dịch Duy Tân: điều gì cũng sửa lại cho mới.

Chữ Tân, còn có nghĩa trong sạch, đổi mới.

Vậy hai câu thơ này có nghĩa:

Bốn mùa ở cõi con người, Xuân là chỗ khởi đầu

Trăm năm trên miền trần thế, Đạo là những sửa đổi cho trở nên trong sạch, tươi mới.

---

1. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 03-01 Kỷ Dậu (19-02-1969).

# Đạo Đời tương đắc

Đạt Thật



*Minh họa: Cọ Trắng*

Vào đầu thế kỷ hai mươi, Đức Thượng Đế lâm phạm qua huyền cơ diệu bút tiên gia, chọn mảnh đất Việt Nam gieo hạt giống Cao Đài, khai mở nền tôn giáo, để kiến tạo và xây dựng một kỷ nguyên mới – kỷ nguyên thánh đức với những con người thánh thiện – lấy tình thương yêu làm nền tảng, thực thi cơ tận độ trên lập trường thuần chơn vô ngã, thực hiện mục đích Thế đạo đại đồng và Thiên đạo giải thoát, hầu đưa nhơn loại đến chỗ an vui hạnh phúc.

Đức Thượng Đế không bảo chúng ta làm điều gì cho Ngài, mà chỉ khuyên con người hãy tìm phương nâng đỡ, bảo trợ lẫn nhau, để cùng tiến hóa trên nấc thang của tạo hóa, và hạnh hưởng cảnh thái hòa an bình thịnh trị.

*“Thượng Đế không kêu gọi con người phụng sự cho Thượng Đế, mà con người hãy cải tạo để xây dựng Thiên đàng cho con người và thế giới ở trên đời.”<sup>1</sup>*

Danh từ Đạo và Đời được lý giải tùy theo từng trường hợp cụ thể, từ cái lớn không cùng tận đến cái nhỏ không nhìn thấy được. Trong phạm vi của bài viết, cặp từ Đạo và Đời được định nghĩa:

- Đạo là tâm linh.
- Đời là nhân sinh.
- Tương là sự tương quan, tương trợ trong đời sống thường nhật.
- Đắc là được, là đạt đến mục đích chung.

*“Đạo và đời phải tương hợp. Tâm linh và nhân sinh không thể tách rời nhau được.”<sup>2</sup>*

Trong tinh thần đó Đức Đông Phương Chưởng Quân để lời nhắn nhủ:

*“Đã là người sanh trong cõi thế,  
Đạo với đời liên hệ một thân,  
Đạo là thể xác tinh thần,  
Đời là ngoại vật muôn phần tương quan.”<sup>3</sup>*

Qua lời giáo hóa của nhị vị Tôn Sư, giữa đạo và đời hay giữa tâm linh và nhân sinh có mối liên hệ chặt chẽ mật thiết với nhau, ví như hai mặt của một cấu thể, không thể tách rời.

Trong Bát ĐỀ Mục của Đức Khổng Tử có đoạn viết: “Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, nghĩa là: Muốn ổn định

---

1. Chư Tiên Khai Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-02 Giáp Dần (07-3-1974).

2. Đức Lý Giáo Tông, Ngọc Minh Đài, 15-4 Kỷ Dậu (30-5-1969).

3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-6 Canh Thân (26-7-1980).

gia đình, dạy khuyên con cháu, người thân trong nhà trở nên chân thiện mỹ, việc làm trước tiên phải trau sửa thân tâm cho được thuần thành đạo đức, và lấy đó làm nền tảng căn bản. Gia đình là tế bào gắn liền mật thiết với nước non dân tộc. Tập hợp nhiều gia đình ổn định hạnh phúc, lẽ tất nhiên đất nước sẽ được phú cường, đời sống nhân dân sung túc, tất cả đều được học hành, cơm no áo ấm, đồng tiến bộ phát triển trên nhiều lãnh vực, và nhiều quốc gia được như thế, tất yếu xã hội nhân loại trên toàn thế giới sẽ được sống trong cảnh hòa bình yên vui tự tại.

Muốn thực hiện được điều đó, trong một quốc gia các cấp lãnh đạo biết thương dân như cha mẹ chăm lo cho con cái về những nhu cầu cần thiết trong đời sống thường nhật; tất cả các thành viên trong gia đình đều giữ đúng cương vị và làm đúng bổn phận được đặt để, có tôn ti trật tự, lớn nhỏ có phép tắc... và giữa con người với nhau có sự tôn trọng lẫn nhau về mọi mặt, theo lẽ tự nhiên, cảnh thái bình an lạc không tạo mà có, mà thành. Như thế, cảnh thiên đàng, cõi niết bàn hiển lộ trước mắt, không phải tìm kiếm cho tốn công nhọc sức.

*“Nếu cấp lãnh đạo một quốc gia tự đảm nhận lấy trách nhiệm xem mình như ông cha trong một nước, biết lo chăm sóc đến sự no ấm học hành, sức khỏe, hạnh phúc của nhân dân như chính con cháu của mình trong gia đình; nếu người cha trong một đơn vị gia đình biết lo bổn phận làm chồng, làm cha cho phải đạo; nếu người vợ trong gia đình biết lo hoàn thành bổn phận tề gia nội trợ giúp chồng nuôi con; nếu trong anh em chị em cùng gia đình được thuận hòa hiếu thảo; nếu giữa con người và con người cùng quý mến thương yêu tôn trọng danh*

*dự tài sản cho nhau, cảnh thái bình an lạc tự nhiên đã có sẵn rồi, không cần phải đi tìm kiếm vận động từ đông sang tây, từ nam sang bắc.”<sup>4</sup>*

Đức Lý Giáo Tông dạy:

*“Giữa thế cuộc còn nhiều gian khổ,  
Ráng tu hành tự độ độ tha,  
Việc đời, việc đạo, việc nhà,  
Phải cho tương đắc mới là nên công.”<sup>5</sup>*

Với trọng trách là Anh Cả Vô Vi toàn Đạo, Đức Giáo Tông để lời nhắn nhủ với hàng môn đệ Cao Đài, mỗi một sanh linh cất tiếng chào đời, là chấp nhận đón lấy những thăng trầm, truân chuyên của thế giới nhị nguyên đối đãi. Và Ngài khuyên chúng ta hãy nỗ lực hết khả năng trên đường tu học, song hành hai phía, vừa lo tự cứu đồng thời cứu độ tha nhân. Muốn đạt kết quả khả quan trong việc làm này, đòi hỏi chúng ta phải vén khéo tạo thế chân vạc cho: “Việc đời, việc đạo, việc nhà” không so le, không lồi nhịp, tạo cầu nối hài hòa để trong ấm ngoài êm, ở giữa ổn định. Như thế, là chúng ta đã thực hành trọn vẹn Tam công theo chuẩn mực của tân pháp Cao Đài.

Đức Cao Triều Phát Tiên Bối dạy:

*“Dem giáo lý phong thuần mỹ tục,  
Cho muôn dân hưởng phúc thanh nhàn,  
Cho người đừng tưởng trái ngang,  
Đời đời đạo đạo mà toan nghĩ lằm.”*

---

4. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 21-8 Tân Hợi (09-10-1971).

5. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 19-02 Bính Dần (28-3-1986).



*Đời với đạo cơ cầm có một,  
Đạo với đời nguyên cốt không hai,  
Nếu đời không Đạo, đời sai,  
Đời sai thì Đạo càng ngày càng chinh.”<sup>6</sup>*

*“Giáo là dạy nẻo chỉ đường, lý là lẽ thật chủ trương thái bình.”*

Chính giáo lý là nguồn năng lượng vô tận vô biên, một kho tàng văn học vô giá của nhân loại, được chuyển tải qua huyền cơ diệu bút của Tiên gia. Giáo lý thấm nhập vào đại thể nhân loại, tùy theo căn trí của mỗi cá thể mà cảm nhận, mà thực thi hầu đem lại sự quân bình trong mọi hoàn cảnh, mọi lãnh vực của thế giới nhân loại, để con người được sống an lành trong bầu không khí thương yêu đạo đức.

Đạo và đời đều có chung: nền tảng, mục đích, lý tưởng, một nguồn cội từ Đức Thượng Đế. Hãy nắm lấy cái chung, cái một và nguồn cội đó mà ứng dụng vào đời sống hiện hữu. Giáo lý được lồng trong thuần phong mỹ tục, điển hình như đạo phục của người tín đồ Cao Đài là chiếc áo dài và khăn đóng là quốc phục truyền thống của dân tộc Việt Nam. Về mặt nhân sinh thế đạo giáo lý thể hiện trong ngũ luân: Quân minh thần trung, phụ tử hiếu, phu thê tương ái, huynh đệ tương thân, bằng hữu tương tín. Tất cả sẽ đem lại hạnh phúc, bình an cho toàn thể giới nhân loại.

*“Đạo vua tôi cha con chồng vợ,  
Bạn anh em gánh nợ làm người,  
Tề gia trị quốc giúp đời,*

---

6. Ngọc Minh Đài, 05-01 Bính Ngũ (25-01-1966).

*Hi Hiền, hi Thánh, thay Trời dạy dân.”<sup>7</sup>*

Đức Cao Triều Tiên Bối dạy:

*“Ai lại không sống, không ăn, không mặc, không ở. Ai lại không có gia đình kế tự. Nhưng sự ăn, mặc, ở và xây dựng gia đình theo nếp sống hiền lương đạo đức thanh cao trong sạch. Lúc bấy giờ người đời là đạo, đời đạo đi đôi, chớ nào ai phân tách hai lối hai phương cách biệt.”<sup>8</sup>*

Sống ăn mặc ở, xây dựng gia đình là nhu cầu đương nhiên của một nhân sinh tại thế. Tất cả những nhu cầu đó được đáp ứng theo đúng chuẩn mực, lúc đó con người đã nhận biết giá trị thực của đạo lý.

Đạo pháp trường lưu, đời người hữu hạn, thế giới nhân loại đang tiến hóa không ngừng. Cho nên, cần phải có thể hệ chuyển tiếp để tiếp nối sự nghiệp còn lưu lại của các bậc tiền nhân ở cả hai lãnh vực thế sự lẫn đạo sự. Việc thành lập gia thất, xây dựng gia đình là để duy trì nòi giống, phát huy sự nghiệp đời sống nhân sinh đồng thời kiến tạo đạo nghiệp, xây dựng đời sống tâm linh là trách nhiệm và bổn phận chung của nhân loại, đem lại sự quân bình cả hai mặt vật chất và tinh thần trong thế giới loài người như lời dạy của các Đấng Thiêng Liêng.

*“Phải đem lại sự quân bình cho cả hai, tâm linh và nhân sinh. Có được sự quân bình ấy thế giới này mới hòa bình, nhơn loại mới an vui thịnh trị.”<sup>9</sup>*

---

7. Đức Hưng Đạo Đại Thánh, Châu Dịch Huyền Nghĩa quyển I, trang 64

8. Thánh thất Bình Hòa, 28-8 Đình Mùi (01-10-1967).

9. Đức Quan Âm Bồ Tát, Chơn Lý Đàn, 01-4 nhuận Giáp Dần (22-5-1974).

Mỗi người hiện hữu nơi cõi thế, từ cấp lãnh đạo đến hàng thứ dân, ai ở cương vị nào, giữ vai trò gì tùy theo căn trí tiến hóa, trách nhiệm đối với hơn quần xã hội đều là những sứ mạng đã được đặt để. Chúng ta cũng không nên quá chú trọng hình thức bề ngoài, mà đặt trọng tâm và kết quả việc làm đem lại ích lợi thiết thực cho tha nhân, cũng không nhất thiết là phải trong môi trường tôn giáo mới thực hiện được, mà bất cứ nơi đâu, thành phần nào trong xã hội cũng đều làm được, miễn sao có đủ điều kiện và phương tiện cộng với tấm lòng thiết tha phụng sự nhân loại.

*“Mỗi người mỗi sứ mạng từ xã hội cho đến đạo giáo đều là sứ mạng Thiên Liêng có đặt để. Không phải cần đến sắc phục hình tướng của người tu hành mới làm được sứ mạng cứu độ quần sanh nếu chưa cải tạo được hoàn cảnh, cũng không cần vào chùa thất mới cứu độ quần sanh nếu thiếu điều kiện hoặc phương tiện.”<sup>10</sup>*

Đức Thượng Đế lâm phạm lập giáo, chọn mảnh đất Việt Nam để ươm mầm đạo đức, lấy dân tộc Việt làm những hạt giống ban đầu và là những nông phu khởi thủy trong việc vun trồng nuôi dưỡng, gieo rải giống lành trên khắp mọi miền đất nước.

Người tu trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, không phải chán đời ẩn dật theo lối tu yếm thế, mà phải mạnh dạn nhập thế để cứu đời, đem sở học sở trường, sở năng sở hữu góp phần, bằng những việc làm cụ thể, kiến tạo sự nghiệp chung của toàn xã hội.

*“Hiện giờ các em là những người hành đạo, đem từ tư tưởng lành, những hạt giống lành, gieo rải đó đây để sửa soạn cho đám mạ giống tốt tươi, đem cấy trên mảnh lương điền của giống dân tộc Việt.*

---

10. Đức Quan Âm Bồ Tát, Chơn Lý Đản, 01-4 nhuận Giáp Dần (22-5-1974).

*Các em đừng tưởng rằng vào đạo là tu thân yếm thế, trốn tránh mọi trách nhiệm ở đời. Vì vậy mà các em phải cần xác định lại lập trường, đường lối và mục đích cho phân minh sáng tỏ, để cho thế nhơn thấy rằng: tuy mỗi người mỗi việc khác nhau, nhiệm vụ chung quy cũng là xây dựng nước non hạnh phúc cho đất nước, cho dân tộc.”<sup>11</sup>*

Trong ý nghĩa đó, Đức Quan Âm Bồ Tát để lời khuyên dạy:  
*“Đời Đạo hai vai khéo gánh gồng,  
Bước bươn Nam Bắc với Tây Đông;  
Chung tay góp ý lo gầy dựng,  
Đạo nghiệp nên nhờ kẻ chí công.”<sup>12</sup>*

Hiện hữu trong cõi đời, tất cả mọi người đều bình đẳng trước Đức Thượng Đế là Đấng Cha chung của vạn loại. Những ai biết thừa vâng Thánh ý, thuận tòng Thiên lý, biết cội nguồn tổ tiên dân tộc, đời cho nên đời, đạo cho vẹn đạo, biết phụng sự nhân loại trong tinh thần vô công vô kỷ, vô cầu vô danh, theo luật tiến hóa đương nhiên, từ phàm nhân sẽ trở thành hiền nhân, Thánh nhân và được siêu xuất thể gian trở về cõi thiêng liêng hằng thường bất sanh bất diệt.

*“Ai muốn trở nên bậc thánh hiền,  
Để hầu siêu thoát cõi thiêng liêng,  
Ơn dân chớ phụ ơn nguồn gốc,  
Nghĩa nước đừng quên nghĩa tổ tiên.  
Đời phải vẹn đời ngoài rẽ cách,  
Đạo cần xứng đạo vượt tư riêng,*

---

11. Đức Đông Phương Chưởng Quân, Ngọc Minh Đài, 15-6 Mậu Thân (10-7-1968).

12. Minh Lý Thánh Hội, 08-12 Đinh Mùi (07-01-1968).

*Trải thân phụng sự cho nhân loại,  
Chẳng nghĩ công danh chẳng lợi quyền.”<sup>13</sup>*

Đức Liễu Tâm Chơn Nhơn Hoàng Ngọc Trác, một tiền bối trong nền Đại Đạo ban tặng một bài Thánh thi hàm ý thanh thoát, đầy cảm xúc:

*“Danh không danh, danh còn muôn thuở,  
Lợi cho đời, đời nhớ thiên thu,  
Vĩ nhân kim cổ bấy chừ,  
Nặng tình đại chúng nhẹ tư riêng mình.”<sup>14</sup>*

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư<sup>15</sup> trong một lần giảng đàn, đem triết lý siêu mầu chỉ dạy cho chư môn đệ, và nhắc lại đôi dòng lịch sử lúc Ngài còn sinh tiền.

*“Đạo vô vi, đời vô thường, thế mà các Đấng đã đạt được lý vô vi và vô thường để sống hằng thường trong mọi cái hữu vi. Đó là phi thường, chánh đẳng, chánh giác vậy. Chính Bàn Tăng ngộ nhập chơn lý ấy để xuất thế, thoát trần tiêu dao tự tại và cũng chính chơn lý ấy mà có lần phải nhập thế xây dựng triều đại thanh bình cho nước nhà dân tộc.”<sup>16</sup>*

---

13. Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, Ngọc Minh Đài, 10-5 Giáp Dần (29-6-1974).

14. Vĩnh Nguyên Tự, 06-01 Ất Mão (16-02-1975).

15. Là vị đại công thần đã có công rất lớn trong việc giáo dưỡng và giúp Lý Công Uẩn lên ngôi hoàng đế, lập ra triều đại nhà Lý, tồn tại phát triển hơn hai thế kỷ (1009 - 1225) trị vì trong suốt 216 năm, trải qua 9 đời vua và được khởi nghiệp từ Lý Thái Tổ.

Triều đại nhà Lý để lại 2 dấu ấn lịch sử:

1. Đời đô từ Hoa Lư về Đại La, sau đổi thành Thăng Long.

2. Năm 1054 vua Lý Thánh Tông đổi quốc hiệu từ Đại Cồ Việt thành Đại Việt.

16. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-04 Giáp Dần (06-5-1974).

Đất nước lâm nguy thì tất cả mọi thành phần trong xã hội đều có bổn phận và trách nhiệm như nhau, không phân biệt lương giáo. Thiền sư lúc bấy giờ trở thành quốc sư, đem kiến thức của bậc chơn tu đạo đức, hiến một vài kế sách đã thu thập được, góp phần vào việc định quốc an bang, đem lại cuộc sống bình an cho nước nhà, hạnh phúc cho dân tộc.

Công thành thân thoái, đó là lập trường bất thối chuyển của bậc chơn tu đạo đức. Quốc biến gia vong, thất phu hữu trách, đất nước thanh bình, dân tình ổn định, trở về bổn phận của kẻ tu hành, đai cơm bầu nước, hài cỏ gậy tre, thông dong tự tại, danh lợi không màng, quyền quý không ham...Được như thế, vừa làm tròn nghĩa vụ của một công dân đối với tổ quốc, vừa thực hiện sứ mạng thiêng liêng đã được phó thác.

*“Đạo đời hai gánh liệu sao xong,*

*Cho đáng vi nhân giống Lạc Hồng.”<sup>17</sup>*

Đức Quan Thánh Đế Quân, một bậc trung thần thời Tam Quốc, với những chiến tích vang dội, trung cương nghĩa khí sáng ngời trong lịch sử nhân loại. Với trọng trách trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, ở cương vị Tam Trấn Oai Nghiêm đã để lời gởi gắm:

*“Chư hiền đệ muội đừng bao giờ có ý nghĩ này: vào đạo để độc thiện kỳ thân, đóng cửa tự luyện phép màu để chấp cánh bay bổng cung tiên, hoặc vào hang sâu rừng thẳm tịnh luyện nội ngoại công phu để làm tướng Trời dẹp loạn. Nếu trong khi đó, quốc gia mất chủ quyền, non nước suy vi, cửa nhà tan nát, xóm làng tan hoang, dân tộc nô lệ, thì sự tu ấy không có ý nghĩa gì hết.”<sup>18</sup>*

---

17. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 21-8 Tân Hợi (09-10-1971).

18. Nam Thành Thánh Thất, 15-02 Kỷ Dậu (01-4-1969).

Chư Tiễn Khai Đại Đạo dạy:  
*“Nên đời nên đạo hát câu thanh bình.”*<sup>19</sup>

## LỜI KẾT

Đạo và đời, tâm linh và nhân sinh không thể tách rời nhau, đồng thời có sự tương hợp lẫn nhau, thực hiện phương châm tốt đời đẹp đạo. Theo giáo lý Cao Đài, tâm vật phải được bình hành, không thái quá, không bất cập, giữ được trung Đạo, vừa nhập thế, vừa xuất thế, thuận theo đạo lý.

Qua lời dạy của các Đấng Thiêng Liêng, chúng ta phải tùy hoàn cảnh, điều kiện, phương tiện, sở năng sở hữu, giữ tròn bốn phận vi nhân, thực thi trách nhiệm của hàng môn đệ Cao Đài đối với nhân sanh với đạo, góp phần khiêm tốn vào công cuộc xây dựng đất nước văn minh hiện đại và kiến tạo thanh bình cho thế giới nhân loại được sống trong tình thân đại đồng.

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy:

*“Thầy dạy rõ cho các con hiểu lẽ đời đạo đi đôi, vật chất tinh thần hòa hiệp để các con trong đạo và ngoài đời đều nhận rõ lẽ duy nhất ấy mà chung về với Đạo để hưởng cảnh Thượng ngươn Thánh đức. (...)*

*Đời Đạo hiệp hòa mới thái bình,*

*Đời mà không Đạo phải nghiêng chình,*

*Đạo đời như thể hình theo bóng,*

*Đời Đạo liên quan một mối tình.”*<sup>20</sup>

---

19. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-02 Giáp Dần (07-3-1974).

20. Thánh Huấn Hiệp Tuyển, quyển I, bài 71: “Đời đạo hiệp hòa”.

# Con đường Tiến Đức Tu Nghiệp *theo 9 quẻ Kinh Dịch và Thánh giáo Cao Đài*

Lý Khiêm

## A. LÀM GÌ ĐỂ TIẾN ĐỨC TU NGHIỆP?

Tiến đức Tu nghiệp, trong ý nghĩa súc tích nhất, là sự tu tập thân tâm để bên trong thì đức hạnh vẹn tròn, còn bên ngoài thì ứng xử đúng mực đạo lý.

Thoạt nghe có vẻ đơn giản. Bởi trong cuộc sống ai cũng muốn có điều tốt đẹp và cũng biết rằng những hành vi tử tế sẽ được phản hồi bằng sự tử tế. Tuy nhiên, thực tế cuộc sống phức tạp hơn nguyên tắc phát biểu bằng câu chữ. Trong một cộng đồng cổ súy lối sống thực dụng, khuyến khích sự giàu có vật chất, ủng hộ vô điều kiện với mọi sự thỏa mãn đời sống tinh thần của cá nhân... thì sự thành thật giữa con người với nhau là khó, mà thành thật với chính mình lại còn khó khăn hơn. Rất nhiều lúc, ta mâu thuẫn với bản thân, nguyên tắc sống đẹp mâu thuẫn với thực tế khô cần phẩm giá nhân sinh. Con người, trong những khoảnh khắc đó, dễ dàng phải chấp nhận giải pháp hướng đến sự tồn sinh có tính vật chất hơn là phẩm giá đạo đức hay giá trị



luân lý. Mâu thuẫn đó thường là giết chết sự thống nhất giữa thân và tâm, giữa thần và xác. Và con người bị giằng xé đôi đường hoặc hoàn toàn thiên lệch ở một thái cực nào đó.

Thế nên, đức và nghiệp là hai vấn đề cần có thời gian và thử thách để hình thành nhận thức tròn vẹn khả dĩ giúp người tu học có khả năng vượt qua những giằng xé, và không để mình rơi vào một thái cực nào mà đời sống nhân sinh vốn thường có đủ lý lẽ để dẫn dắt ước muốn tồn sinh thay vì giá trị tâm linh.

Với giáo lý Cao Đài, có lẽ, thực hành công quả và công trình là tương ứng với nội dung của tiến đức tu nghiệp. Để có thể nhận biết mối liên quan này, ta thử tìm hiểu chương Bảy, Hệ từ hạ của Chu Dịch. Thông qua phần này, đức Khổng Thánh đã lý giải cho hậu thế thực hành chín phương diện, cũng được xem là chín bước rèn luyện tâm đức, hạnh nết để hiểu biết về cảnh gian khó và lo âu mà cố gắng vượt qua. Nhưng có lẽ, sự liên hệ giữa chín bước này với tiến đức tu nghiệp được Đức Thánh Trần Hưng Đạo từng bước giải thích:

Lần 1, khi bàn về sự lo âu, sợ sệt (tịch dịch) trong hào ba quẻ Kiền, Ngài dạy:

*“Thế là phải làm gì để hết run sợ? – Phải theo câu “quân tử tiến đức tu nghiệp”.*

*Tiến đức nghĩa là sao? – Phải làm cho lòng lành được nảy nở, phải xây dựng bản thân con người đạo đức để tiến lên bậc Thánh Hiền, thì bắt đầu phải đi từ 1 đến 10, cần trải qua một chương trình thứ lớp.”<sup>1</sup>*

---

1. Châu Dịch Xiển Chơn, Nguyễn Minh Thiện kết tập, Nxb Tôn Giáo, 2013, trang 158. Ý “từ 1 đến 10” có lẽ chỉ là một cách nói để diễn đạt ý “chương trình thứ lớp” chứ không trực tiếp nói về số bước, số lớp hay cụ thể là chín quẻ tiến đức tu nghiệp: Lý, Khiêm, Phục, Hằng, Tốn, Ích, Khốn, Tỉnh và Tốn.

Trong lời dạy này, Đức Thánh Trần đã liên kết hai ý niệm tiến đức tu nghiệp và chương trình thứ lớp.

Lần 2, khi luận về phần tiến đức theo chín quả Lý, Khiêm, Phục, Hằng, Tồn, Ích, Khốn, Tỉnh và Tồn, Đức Thánh Trần dạy thêm:

*“Đó là chín đức của chín quả để cho ta lấy đó tiến tu về đường đạo hạnh.”*<sup>2</sup>

Lần 3, khi bàn về phần tu nghiệp, Đức Thánh Trần dạy:

*“Đó là tài đức chín quả, mà Thánh Nhơn cần sử dụng thông hành trong thiên hạ, để tiến đức tu nghiệp.”*<sup>3</sup>

Lần 4, khi bàn phần công dụng của chín quả, Đức Thánh Trần đúc kết:

*“Đó là công phu tiến đức tu nghiệp.”*<sup>4</sup>

Qua bốn lần bình giảng hào ba quả Kiền, đức Thánh Trần đã giúp ta hiểu được mối liên kết giữa quan niệm tiến đức tu nghiệp với chín quả được đề cập trong chương Bảy, Hệ từ hạ. Sự liên hệ này đưa đến cho người tu học hai điểm quan trọng:

(1) Tiến đức tu nghiệp là chương trình thứ lớp. Điều đó có nghĩa muốn thực hành tiến đức tu nghiệp phải tuần tự thực hành từng bước theo tuần tự từng quả: từ Lý đến Khiêm, từ Khiêm đến Phục, từ Phục đến Hằng, từ Hằng đến Tồn, từ Tồn đến Ích, từ Ích đến Khốn, từ Khốn đến Tỉnh và từ Tỉnh tới Tồn. Cũng từ đây, trong Dịch lý ta có tên của phần học tập Chín Quả Tiến Đức Tu Nghiệp.

(2) Tiến đức tu nghiệp là con đường tu học tinh tấn để thoát

---

2. Châu Dịch Xiển Chơn, Nguyễn Minh Thiện kết tập, NXB Tôn Giáo, 2013, trang 162.

3. SĐD trang 165.

4. SĐD trang 167.

khỏi cảnh chông chênh, lo âu và nhiều hoạn nạn. Hay nói cách khác, tiến đức tu nghiệp là phương cách an tâm – định trí, hiệp nhất tri-hành trước cảnh biến thiên của trần gian.

Như vậy, muốn tiến đức tu nghiệp phải (1) tu học theo nội dung chín quẻ và (2) an định được tâm và trí. Hay nói cách khác, người tu học chín quẻ tiến đức tu nghiệp phải có hiểu biết về đức hạnh và thực hành được những hiểu biết đó trong chính đời sống tu học của mình. Để tu học theo nội dung của chín quẻ, không gì khác hơn là đào sâu nội dung từng quẻ; để đạt chỗ an định được tâm trí phải thấy chỗ thực hành của điều đã học được. Thế nên, từ đây trở đi, người viết cố gắng trình bày sự học hiểu về hai vấn đề này.

## B. Ý NGHĨA CỦA CHÍN QUẺ TIẾN ĐỨC TU NGHIỆP

**Lý, Đức chi cơ** (履, 德之基) nghĩa là quẻ Lý bàn về nền tảng, căn cơ của Đức. Nền tảng đó được biết là hòa, như trong câu: Lý, Hòa nhi chí (履, 和而至). Bởi lẽ, hòa là đức hạnh căn cơ của đạo Trời trong nhân gian, nên phải dụng hòa để thực hành trong đời sống. Hay nói khác, Hòa là sự sống khởi nguồn cho đời sống nhân sinh. Truyện văn viết: Lý dĩ hòa hành (履以和行), nghĩa là quẻ Lý giải nghĩa lý của việc thực hành chữ hòa trong nhân sinh.

**Khiêm, Đức chi bính** (謙, 德之柄) nghĩa là quẻ Khiêm bàn về chỗ cầm nắm được của Đức. Chỗ ấy được hiểu qua hai phẩm chất tôn – cao quý và quang – sáng tỏ, như câu: Khiêm, Tôn nhi Quang (謙, 尊而光). Cả Tôn và Quang đều là hai đức thể hiện bản thể Đạo vốn thanh thoát trong nhân gian, nên phải đạt được hai đức ấy để cảm hóa nhân sinh. Sự cảm hóa ấy là ý nghĩa của

chữ bính (柄) – cầm nắm được. Hay nói khác, nhân sinh nắm bắt được thể Đạo là nhờ hai đức tôn và quang bày hiện được ra ngoài và lan tỏa đến lòng người. Để được hai đức ấy, và thấu hiểu được phải có phương thức đặc trưng mà truyện văn viết: Khiêm dĩ chế lễ (謙以制禮) nghĩa là quẻ Khiêm giải nghĩa lý của việc hành theo lễ để đạt được chỗ tôn và quang khiến người người có thể cảm nhận được hai cái đức ấy. Hay nói khác, lễ chính là phương thức đạt được đức tôn-quang, và cũng là phương thức nhận biết phẩm chất tôn-quang.

**Phục, Đức chi bản** (復, 德之本), nghĩa là quẻ Phục bàn về cái gốc, cái căn của Đức. Căn gốc ấy được hiểu như là sự nhận biết vạn hữu, hay còn là trí lực. Cái trí lực ấy có thể nhận biết sự vật từ chỗ nhỏ nhất như câu Phục tiểu nhi biện ư vật (復, 小而辨於物). Đó là nói về năng lực của Phục. Cái căn gốc của Đức, có thể thấy rằng, nằm ở phạm vi của trí lực. Cụ thể là cái trí lực ấy ngoài thì nhận biết vạn hữu, trong thì làm rõ về mình, nên lời truyện viết: Phục dĩ tự tri (復以自知). Chính chỗ biết như thế mới làm nên căn gốc của Đức. Hay nói khác, quẻ Phục minh định nghĩa lý của sự tự biết bản thân trong một tổng thể rộng lớn hơn mình là một đức sáng. Chỗ biết ấy dẫu nhỏ vẫn nhóm lên năng lực hành vi đạo đức của con người. Chẳng phải người ta thường cho rằng tự biết chính mình là đức hạnh sáng hay sao?

**Hằng, Đức chi cố** (恆, 德之固), nghĩa là quẻ Hằng bàn về cái bền chắc và yên định của Đức. Sự bền chắc và yên định đó thể hiện lý của Đạo là bất biến và thường hằng trong dòng nhân sinh vốn đa đoan và đa diện. Thế nên hễ ai giữ được sự bền chắc và yên định không bị sự đa đoan, đa diện của trần sinh câu thúc là thực hành đức của Hằng. Lời truyện viết: Hằng, tạp nhi

bất yếm (恆, 雜而不厭), nghĩa là quẻ Hằng nói về lòng không chán nản dù sống trong cảnh tạp nhạp, đa đoan. Không chán nản là nói về thái độ của người sống lý tưởng, còn bàn về phương châm sống theo lẽ Hằng thì như lời truyện viết: Hằng dĩ nhất đức (恆以一德), tức quẻ Hằng chỉ dạy cách sống chuyên nhất theo lẽ sống thanh cao.

**Tổn, Đức chi tu** (損, 德之脩), nghĩa là quẻ Tổn bàn về sự tu sửa, trau dồi Đức. Sự trau dồi này được thực hành bằng cách thực hành những việc khó trước để về sau có thể thực hiện những việc đó dễ dàng, hoặc về sau gặp những việc dễ thực hành. Lời truyện viết: Tổn, tiên nan nhi hậu dị (損, 先難而後易). Một trong những cái khó thực hiện nhất, theo như quẻ Tổn muốn đề cập trong nội dung của quẻ và hào, chính là bỏ điều bất thiện của bản thân<sup>5</sup>. Người có thể thực hành điều khó như thế trước tiên, tất nhiên sẽ có đủ tài đức mà không phạm lỗi lầm, tránh tai họa về sau. Lời truyện, thế nên, viết rằng: Tổn dĩ viễn hại (損以遠害), nghĩa là quẻ Tổn bàn cách tránh xa điều nguy hại. Thế nên, đức của Tổn nằm trong ẩn ý của tiên nan, tức là đức của người biết bỏ điều bất thiện của bản thân.

**Ích, Đức chi dụ** (益, 德之裕), nghĩa là quẻ Ích bàn về sự dồi dào của Đức. Muốn làm cho Đức được dồi dào luôn luôn, người tu học phải thường xuyên hướng tâm về sự thiện, tức thời cải sửa khi lỡ phạm điều sai trái. Có làm như vậy mới có thể giữ

---

5. Bỏ điều bất thiện, thật ra, nằm trong nội dung của Đại tượng: Sơn hạ hữu hữu trạch, Tổn; quân tử dĩ trừng phần, trất dục (山下有澤, 損; 君子以懲忿窒欲), nghĩa là quẻ Tổn có tượng là dưới núi có đầm nước; người quân tử phải bỏ sự giận, ngăn sự tà (LK tạm dịch).

cho đức hạnh được sáng tỏ lâu dài và lan tỏa đến với mọi người xung quanh một cách tự nhiên, không cần đến kỹ xảo ngoại giao nào. Lời truyện cũng viết: “Ích, trường dụ nhi bất thiết” là nghĩa đó. Cho nên, thực hành rèn luyện đức hạnh theo quẻ Ích có nghĩa là phải làm cho sự lợi lạc cho mọi người theo đúng lẽ Đạo. Đức của quẻ Ích nằm trong hai chỗ: (1) làm cho dồi dào lâu dài và (2) không phô bày, phô trương về sự dồi dào đó. Hai thái độ đó thực sự làm nên đức hạnh của người tu học và làm cho ý nghĩa của chữ Đức đúng đắn hơn bao giờ hết. Những điều lợi, do vậy, được người tu học theo tinh thần quẻ Ích đem đến cho cộng đồng bền bỉ, đúng đắn; khác với một tâm thế vị lợi phi nghĩa, làm lợi trước mắt, quên lợi về sau... Nên truyện viết: “Ích dĩ hưng lợi”, tuy ngắn nhưng lại hàm chứa nội dung sâu sắc và toàn vẹn.

**Khốn, Đức chi biện** (困, 德之辨), nghĩa là quẻ Khốn bàn về cách biện phân của Đức. Có thể hiểu “biện phân của Đức” là (1) nhờ Đức mà có sự phân biệt, (2) sự phân biệt phải phù hợp với Đức, (3) sự phân biệt thế nào là hành động hợp với Đức. Dù hiểu theo cách nào đi nữa, ta cũng sẽ chấp nhận với nghĩa lý của phần truyện: “Khốn cùng nhi thông”, tức quẻ Khốn nói về hoàn cảnh cùng tận khó khăn mà vẫn có thể vận hành hanh thông trôi chảy. Cái nghịch lý đó có thể hiểu được là bởi sự cùng tận là cảnh, sự hanh thông là tâm. Cái nhìn và sự thấy thuận theo lẽ Đạo thì sự trắc trở được biết là lẽ thường, nên bản tâm thông suốt mà an lạc để rồi thành ra kiên cố hành sự không nao núng, biến thiên theo cảnh. Đức của Khốn vì vậy nằm trong ý nghĩa của câu: “Khốn dĩ quả oán”, tức quẻ Khốn dạy người tu học bỏ bớt sự oán giận, sân si. Lòng người buông bỏ được sân hận, oán hờn không phải muốn là được, cần thiết là cải đổi ngay. Đó là

đức hạnh phải trui rèn trong thời gian dài, trong hoàn cảnh khó khăn thật sự.

**Tĩnh, Đức chi địa** (井, 德之地) nghĩa là quẻ Tĩnh bàn về nghĩa lý, phẩm chất của đất thể hiện như là Đức của người qua hình ảnh cái giếng nước. Khi nói về nghĩa lý, phẩm chất của đất qua hình ảnh cái giếng, ta có thể liên tưởng đến hai thứ: đất–nước. Cả hai đều là những biểu tượng tượng trưng cho đạo Khôn: nhu thuận ứng hành theo Kiền đạo. Lời truyện viết thêm: Tĩnh, cư kỳ sở nhi thuyên (井, 居其所而遷), nghĩa là quẻ Tĩnh nói về hình ảnh cái giếng tuy ở một nơi nhưng có thể lan tỏa đến mọi nơi. “Ở một nơi” – cư kỳ sở tương ứng với tính chất tĩnh tại của đất; “lan tỏa đến mọi nơi” – thuyên tương ứng với tính chất luân lưu của nước. Dù là “ở một nơi” hay “lan tỏa đến mọi nơi” thì quẻ Tĩnh đều nhắc người tu học về thực hành đức nhu thuận của đạo Khôn. Quan trọng của hạnh nhu thuận là phải biết điều nghĩa mà hành, điều phi nghĩa mà tránh. Lời truyện viết: Tĩnh dĩ biện nghĩa (井以辯義), nghĩa là phải biết phân biệt điều nghĩa, điều đúng để hành cho hợp với đạo lý. Đức của quẻ Tĩnh nằm ở chỗ theo thời mà hành động theo đúng đạo nghĩa. Như Văn Ngôn quẻ Khôn cũng có viết: Khôn chí nhu, nhi động dã cương; chí tĩnh nhi đức phương (坤至柔而動也剛, 至靜而德方), nghĩa là Khôn cực nhu thuận, nhưng khi động thì cương kiện; cực yên lặng mà đức lan tỏa bốn phương. Có thể nói, quẻ Tĩnh là một hữu thể tượng trưng cho đạo Khôn trong đời sống nhân sinh, thể hiện sự sống vĩnh hằng luân lưu trong nhân gian được tập trung lại trong giếng nước tiếp tục nuôi sống đời sống thế gian.

**Tốn, Đức chi chế** (巽, 德之制) nghĩa là quẻ Tốn bàn về

sự đặt ra lý lẽ, hành động hợp với Đức. Tốn có nghĩa là thuận theo, nhún thuận và khiêm cung. Sự đặt lý lẽ và hành động trong quẻ Tốn tất không dùng hình áp đặt mà trái lại có tính giáo dục, hướng đạo hơn. Đức của Tốn có thể nói nằm trong sự thận trọng và cân nhắc trong mỗi suy tư và hành động. Cũng không gì khó hiểu nếu ta lại hiểu quẻ Tốn là cái Đức của người biết kiềm chế. Lờì truyện viết thêm: Tốn, xứng nhi ẩn (巽, 稱而隱), nghĩa là quẻ Tốn dạy về thái độ cân nhắc, thận trọng không phô trương khi hành động hay đặt ra lý lẽ cho những việc làm hợp với Đức. Từ Lý đến Tốn là hành trình 9 bước tu học liên tục. Ở Tốn, bước tu học theo phương châm tiến đức tu nghiệp cuối cùng, đức hạnh cũng gọi là trọn vẹn để thể hiện con người có đủ đức và tài. Đây là lúc, người tu học mới có khả năng giữ mình khỏi những lạc lăm, giữ tâm khỏi những câu thúc nơi đời sống. Lờì truyện viết: Tốn dĩ hành quyền (巽以行權), nghĩa là quẻ Tốn bàn về cái đức của người hành động quyền biến nhưng vẫn hợp lẽ Đạo.

## C. TỪ CHÍN QUẺ ĐẾN CHÍN BƯỚC TIẾN ĐỨC TU NGHIỆP

### Bước 1: Thiên Trạch Lý

Ở bước sơ cơ này, người tu học thực hành tu dưỡng tâm hòa ái để hòa đồng cùng mọi người qua hình thức lễ nghi, trật tự. Đây là hành trình chuyển từ nỗi sợ sang đức tin rồi đến lý trí, mà kết quả rất rạo của hành trình này là hạnh hòa. Khái niệm nỗi sợ trong bước đầu này không hoàn toàn là sự khiếp hãi của cảm xúc. Nỗi sợ chính là thái độ căn cơ, nguyên thủy nhất trong tâm của người tu học. Ta nên hiểu nỗi sợ theo nghĩa thận trọng trong



hành vi và suy nghĩ về một trật tự khả dĩ tri nhận được. Điều này sẽ giúp con người hình thành niềm tin và ổn định khuynh hướng suy tư và cuối cùng là lấy kết quả suy tư đó làm chuẩn mực cho hành động hài hòa trong đời sống nhân sinh. Có thể nói rằng, cách tu dưỡng của quẻ Lý là suy tư và lo liệu về tính đúng đắn của hành vi và suy nghĩ (nỗi sợ) để thấy được trật tự hợp lý (lẽ) rồi hòa đồng cùng với hoàn cảnh được nhận thức đó (hòa). Cả nỗi sợ, lẽ nghi và hòa hạnh đều là cơ năng của Đức.

Đức Lê Đại Tiên dạy: *“Giai đoạn đầu của đời là giai đoạn hy sinh của người hành đạo. Hy sinh thiết thực đời sống vô vị để trở thành một đời sống hồn nhiên trong lịch sử. Căn bản chỉ do lòng nhân đừng dãi dọ là không phạm giới sát sanh; việc nghĩa thấy chẳng bỏ qua là ngăn điều đạo tặc; giữ lễ không rời là trọn hơn phẩm; cái trí minh định sẽ vững lập trường thì không say sưa điên loạn, khỏi giới tửu nhục, thân thể chẳng suy vong; thủ tín sẽ đem lại lòng tin, lòng tin sẽ tạo được thế hợp quần, hợp quần là sức mạnh, sức mạnh đem đến cho mọi người sự sáng suốt ở tinh thần, ở niềm vui tươi hòa ái, lòng tin hợp quần sức mạnh, hòa ái, sẽ hàn gắn mọi sứt mẻ hoài nghi.”*<sup>6</sup>

## Bước 2: Địa Sơn Khiêm

Ở bước thứ 2, người tu học thực hành những hành động phản ánh được công bình của đạo Trời, công chính của đạo Đất và chính trực của đạo người để làm rõ phẩm chất cao quý và sáng rõ của lẽ Đạo phổ quát, vốn không thể bị hạn chế bởi sự cao-thấp, sang-hèn, già-trẻ... Cao quý và sáng rõ là hai phương diện của chân lý, của giá trị Chân-Thiện-Mỹ mà người tu học theo đuổi. Đó là

---

6. Ngọc Minh Đài, 10-5 Ất Tỵ (09-6-1965).

phẩm chất mà mọi suy tư, mọi hành vi đều nhắm tới để nắm bắt, cầm nắm như là một nguyên tắc để hành theo đúng phép tắc.

Thế nên, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư có lời khuyên người tu học: *“Dù chư đạo hữu tuổi cao tác lớn, nhưng chư đạo hữu là tấm gương, là đường lối, là ý thức hệ của hậu tấn tương lai, do đó chư đạo hữu tuổi càng cao, càng phải tất lực chí thành để phát huy đạo lý giúp đỡ cho mọi người, cho những kẻ hậu sinh ý thức được chánh đạo.*

*Các bậc Thế Tôn Giáo Chủ ngày xưa đều thành đạo, đạt đạo sau khi cởi bỏ xác phàm, các bậc ấy đã quên mình hiển mình để phụng sự Thiên cơ, dắt dìu nhân loại cho đến suốt cuộc đời, vẫn còn lưu lại âm ba đức độ để ghi thành kinh, chép thành sách cho đời học hỏi. Người tu hành, người học đạo cũng do lòng ái mộ thâm nhiễm đức độ của các bậc ấy qua kinh sách mà tu.*

*Duy có một điều đáng tiếc là tu hành trong thời bây giờ chịu nhiều ảnh hưởng của cuộc đời hỗn loạn, nên sự tu hành ít người đạt đến lý chân chính để ngộ nhập huyền vi đạo pháp, chỉ chuyên về tập thể của khuôn sáo, nuôi dưỡng ý thức riêng tư, nên không tránh khỏi sự thiên chấp vô minh của cá tánh. Vì đó mà tự tánh vẫn đục trong dòng nước ô trược của hồng trần, để minh châu không xuất hiện được.”<sup>7</sup>*

### Bước thứ 3: Địa Lô Phục

Sau khi thấy được nền móng – lễ hạnh, biết chỗ để nương theo – phẩm cao quý và sáng rõ, bước tiếp theo là nhận thức về tự thân trong mối tương liên với ngoại hữu làm căn gốc cho sự hiểu biết. Sự hiểu biết tròn vẹn đó là Đức mà người tu học theo quẻ Phục

---

7. Trúc Lâm Thiền Điện, 07-3 Giáp Dần (30-3-1974).

phải nhắm đến. Phục là phản phục, là trở về với Đạo. Thế nên, không khó hiểu nếu nói rằng Phục là để tự biết mình – tự tri. Tự tri là nhận biết bản thân mình từ khoảnh khắc mong manh trong ngổn ngang thế sự đa đoan, đa diện.

Đức Mẹ từng lo lắng để lời răn dạy: “(...) Mẹ rất thương các con sống trong vòng trần lụy, biết bao nhiêu sự cám dỗ của trò đời, đến khi vào cửa đạo lại phải chịu nhiều thử thách cam go, nhiều điều quyến rũ của tà thần chước quỷ, nên lắm lúc các con tự thấy mình chán đạo và chán sự tu hành. Con ôi! Cũng bởi con không chịu mình định bản tâm để lắng dịu các điều dục vọng, hầu trông thấy ánh sáng của khiếu linh quang, hầu suy tưởng điều tà lễ chánh, cứ mãi vui say bày bạn, tách pháí phân phe, để rồi chị gạt em, em làm chị. Trong cảnh cốt nhục tương tàn, mà các con lại chẳng buồn than, vẫn vui cười cho đến khi gặp cảnh đương đầu thọ nạn. Chừng ấy, con mới nhìn lại, thì bạn bè xa vắng, mà đường lối lại có nẻo vào, chẳng có nẻo ra, phải lẫn quẩn trong kiếp nạn chúng sanh, rồi rốt cuộc luân hồi nghiệp quả. Mẹ rất thương xót các con.”<sup>8</sup>

#### Bước 4: Lôi Phong Hằng

Với 3 bước cơ–bính–bản, người tu học xây dựng cái nhìn căn cơ cho con đường tu học để tiến đức tu nghiệp. Từ bước Lôi Phong Hằng, người tu học bước vào sự thực hành những điều đã đạt được về mặt tinh thần trước đó.

Ở Lôi Phong Hằng, người tu học phải biết cách gia cố lòng tin cho cái nhìn căn cơ để dưỡng nuôi bản tâm bình thường và vô ngại trong cảnh trần sinh lộn lạo vàng thau và đen trắng.

---

8. 8 Vạn Quốc Tự, 20–11 Ất Tỵ (12–12–1965).

Nhờ cái tâm đã có phần an định khiến ta không thái quá trong việc chấp nhận lý vô thường mà sinh ra lòng thờ ơ để rồi phế cuộc trần đi mong cầu chốn thanh nhàn cho thân xác với mộng tưởng thần tiên và đắc đạo. Bài học sâu sắc từ Lô Phong Hằng không nằm trong hai ý niệm hằng thường hay vô thường, mà kỳ thực nằm trong ý niệm nhất đức, mà Thánh giáo Cao Đài thường dùng khái niệm như: tâm bất thoái chuyển, nhất tâm nhất đức...

Khi luận bàn về trách nhiệm của người hướng đạo, Đức Đông Phương Chưởng Quân dạy rằng: *“Trách nhiệm của người hướng đạo hiện thời rất nặng nề, rất cam go, nhưng trên cõi vô thường này là cõi tạm, mọi việc đều tạm hết. Có mưa nào mà chẳng tạnh, có nắng nào mà không dịu lúc hoàng hôn, có đêm dài nào mà không nhường lại cho ánh bình minh ban mai xán lạn. Nhưng lúc giao thời cũng phải trải qua những trận mưa to, những cơn nắng cháy, những đêm dài âm u. Phải bình tĩnh sáng suốt nhận định đường lối mà tiến thân, đừng bôn chôn nóng nảy, đừng khiếp đảm hoang mang, phải khoan dung tha thứ, phải trầm tĩnh bình tâm như dòng nước mãi mãi luân lưu trong chỗ luân lưu, vượt qua những thác những gành, những khe những rạch quanh co uốn khúc ngoằn ngoèo từ thấp đến cao, chỗ lồi chỗ lõm, luôn luôn phải giữ tánh chất của nước.”*<sup>9</sup>

## Bước 5: Sơn Trạch Tổn

Tổn là giảm bớt. Từ giảm bớt đến buông bỏ những cái thuộc về bản thân mình để làm lợi cho những gì lớn hơn bản thân. Đó là hành động hy sinh hay nói khác là sự chịu thiệt về phần mình

---

9. Ngọc Minh Đài, 15-6 Mậu Thân (10-7-1968).

để lo liệu cho tha nhân. Bước thực hành này thử thách người tu học rất nhiều, nhất là vào thời đại mà lợi ích vật chất đang thực sự chi phối đời sống nhân sinh. Nhưng nếu không thực hành được bước này thì không thể thực tập được sự buông bỏ cái riêng tư, độc đoán nhằm mở đường tu tiến về sau.

Đức Ngô Minh Chiêu dạy: *“Mỗi người đều có một sứ mạng chung, đó là: tu thân hành đạo, làm sáng danh đạo, đem đạo độ đời từ chỗ tội lỗi hung ác trở lại đường thuần lương thiện mỹ, để có thể biến cảnh thế gian này trở thành cõi Thiên Đường Cực Lạc, lập lại đời Thượng Ngươn Thánh Đức. Chừng đó, giữa con người và con người đều lấy tình thương yêu ruột rà đối xử với nhau trong tình tương thân tương trợ.”*<sup>10</sup>

### Bước 6: Phong Lô Ích

Nếu Sơn Trạch Tồn là thực hành buông bỏ tham dục của bản thân để dự phần vào cái toàn thiện, thì Phong Lô Ích là phần toàn thiện mà người tu học đã góp vào. Giờ đây người tu học phát huy cái thiện đó thêm hơn nữa nhằm đem đến lợi lạc cho tha nhân đại chúng. Mặt khác, có thể cho rằng quẻ Tồn tương ứng với khảo nghịch; quẻ Ích tương ứng với khảo thuận. Quẻ Tồn dạy về sự chịu thiệt để tu thân, quẻ Ích dạy phải biết cách ban phát để rèn luyện tâm tánh. Hai quẻ này là hai phương diện tu hành đối với người tín hữu Cao Đài, mà Ích là sự thực hành lễ Đạo đem đến cho nhân sinh lẽ thật và sự sáng.

Đức Chí Tôn có lần nhắc nhở người nhân viên của Cơ Quan Phổ Phong Giáo Lý: *“Các con rất diễm phúc mà được gặp đích thân*

---

10. Cao Đài Hội Thánh, 14-3 Đinh Mùi (23-4-1975).

*Thầy đến mở đạo tại góc đất Việt Nam này, đem chánh pháp phổ truyền, đem lòng từ bi ân xá, để các con nào sớm giác ngộ cùng giác tha những kẻ còn đứng ngoài vòng Đạo giáo trở về mái nhà lương thiện, cùng nhau hấp thụ điển lành cùng đạo lý, để làm động lực thúc đẩy bản thân thi hành công đức, phổ độ chúng sanh được thuần lương thiện mỹ, hầu tái lập đời Thượng nguơn Thánh đức.”<sup>11</sup>*

### Bước 7: Trạch Thủy Khốn

Cả Tổn và Ích đều là những trải nghiệm quý giá của người tu học. Đến Trạch Thủy Khốn là bàn về phần lý tính trong những khảo thí đối với việc tu thân của mỗi người. Hay nói cách khác, Khốn bàn về cách giữ trí được sáng trong hoàn cảnh khó khăn, đầy khảo thí. Bởi lẽ, cách rèn luyện năng lực trí tuệ không gì tốt hơn là chiêm nghiệm những giá trị, phẩm hạnh từ những vắn nạn, thử thách. Thấy được, học được những giá trị hay phẩm hạnh đó không chỉ là vấn đề lý thuyết, tạo ra những giá trị ảo tưởng để gọi là đức hạnh. Điểm quan trọng, mà cũng là chỗ dụng của Đức, chính là tâm không còn vướng mắc vào những thị phi, giận dữ và oán than. Nhờ thái độ hay tâm thế như vậy, người tu học mới tiếp tục có hành động đúng đắn trong hành trình tu tiến của bản thân. Đó là cách của bậc hiền nhân quân tử sống ở thế gian. Với người tu học theo giáo lý Cao Đài nói chung, hay người hành đạo tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo cũng có chung một tinh thần như thế vậy. Đức Lý Giáo Tông từng căn dặn: *“Những ai có sứ mạng phổ giáo Đạo Trời, nên hiểu như vậy: mình đang làm việc cho Thượng Đế, cho nhơn sanh, cho thế hệ ngày mai, không*

---

11. Minh Đức Đàm, 10-7 Ất Tỵ (06-8-1965).

*phải vì những trở ngại thiển cận rồi thói chí ngã lòng. Một đoàn người thức đêm, khi nghe sức chịu đựng trong đêm trường đã uể oải, là báo hiệu ngày mai tươi sáng sắp đến. Hãy vui mà tiến, hiệp mà hành, tin để đạt cho kỳ được công quả trọng đại ấy.”<sup>12</sup>*

## Bước 8: Thủy Phong Tĩnh

Tĩnh là bước lắng lòng, sau những trận phong ba, những cơn sầu bi hỉ nộ để những giá trị Chân-Thiện-Mỹ đã huân tập ở nhiều lần trải nghiệm, nhiều phen thăng trầm vẫn giữ được một đức trung chính được thể hiện một cách tự nhiên, lan tỏa đến những góc ngách tâm hồn trong cộng đồng nhân loại. Chí hướng của người tu học trong bước này tập trung vào việc đúng phải làm, việc thiết thực cần thực hiện để phổ tế quần sanh trong cõi tạm, phổ truyền chánh pháp chơn tu, mà vẫn cư kỳ sở, tức luôn luôn trao dồi đạo hạnh tự thân. Lấy năng lực tự tại làm thể năng tạo sự chuyển hóa thành động năng phổ hóa.

Đức Hiệp Thiên Đại Đế cũng từng giảng dạy về việc tu thân, rèn luyện bản tâm như ý nghĩa này: *“Thử đặt một tiêu chuẩn để làm thước đo phẩm hạnh cùng công quả của người tu. Tỷ dụ: Muốn được vào hàng Thiên phong giáo phẩm, hãy tự kiểm điểm xem mình đã hiểu luật pháp đạo, phẩm hạnh đạo, công quả phổ độ chúng sanh, chay lạt, nghi thức, lễ bái, cùng trình độ hiểu biết về văn hóa cũng như về giáo lý đạo đã đến đâu, có xứng với hàng giáo phẩm ấy chưa? Nếu xứng, dầu chưa được vào hàng ấy cũng tự vui thú ở nội tâm. Bằng chưa xứng, dầu được mang lấy danh từ ấy vào, nhưng trước mặt cảm của nhơn sanh và tự tâm mình thâm hiểu, đó là điều khổ vậy.*

---

12. Ngọc Minh Đài, 15-01 Đinh Mùi (23-02-1967).

*Đứng trước một hoàn cảnh phũ phàng, bị người bạc đãi, hãy tự kiểm điểm xem mình có tác phong đứng đắn, tư cách nghiêm trang với người đối diện cùng chăng? Nếu có, cũng tự thầm vui, vì sự phũ phàng ấy tự người gán cho mình. Ngược lại, nếu tại bởi mình thiếu sót, thì hãy ôn tồn vui vẻ tu tỉnh cho được đầy đủ xứng đáng hơn.*

*Tạm giải hai điều đó để chư hiền đệ muội về nhà suy xét, kèm chế tâm trung để trở nên người đoan trang phẩm hạnh đạo đức.*

*Phẩm vị thần tiên không khó, danh vị ở đời cũng không khó, chỉ khó là lòng mình, nhân cách mình, tác phong cùng phẩm hạnh chưa xứng đó thôi.”<sup>13</sup>*

## Bước 9: Bát Thuần Tố

Bát Thuần Tố là bước cuối cùng trong 9 bước tu tánh của người tu học. Đây là lúc người tu học thực sự có thể quyền biến trong hành động; hiểu được lẽ Trời Đất mà tường minh trong suy tư; thọ nhận sứ mạng để luôn tinh tấn trong hoạt động đạo sự. Cũng phải nói thêm rằng, người tu học trong hình ảnh quẻ Bát Thuần Tố luôn có thái độ khiêm nhường trong trọng trách thể Thiên hành hóa; giữ đúng mực của hạnh đức một người tu học chơn chánh.

Đức Giáo Tông từng dạy: *“Chư hiền hãy ghi nhận lời này: Thiên Liêng đã bảo chư hiền phục vụ cho nhơn sanh, đạo sẽ phục vụ cho chư hiền. Bần Đạo nhắc lại cho chư hiền ghi lấy, nắm giữ quyền pháp đã ban cho thi hành đến nơi đến chốn, thọ lấy địa linh với Thiên ý, chỉ còn tùy theo nhơn tâm sẽ tự cứu rỗi hay tự hủy diệt. Tận độ toàn nhơn sanh hay đạo lạc toàn thế giới.*

*Con ngựa hay thường khó trị. Muốn đạt đến một mục đích nào,*

---

13. Huồn Cung Đàn, 14-6 Ất Tỵ (12-7-1965).



*điều tiên quyết là thấu rõ mọi khía cạnh của vấn đề trước. Đừng đi sau con ngựa, chur hiền sẽ bị phủ bụi của nó. Đừng đi sau con voi, chur hiền sẽ bị dơ vì phóng uế. Hãy cầm cương ngựa, hãy cỡi lưng voi. Nếu chưa được, Bàn Đạo bảo cho, hãy tránh xa để khỏi bị giày đạp. Tránh xa không phải là chạy trốn mà tránh để sửa soạn sự thành công. Phía sau chur hiền là chuỗi ngày lịch sử, phía trước chur hiền là ánh sáng rực rỡ của Đức Thượng Đế, dưới chân chur hiền là nhọn loại, là hố sâu vực thẳm. Chỉ còn một việc hãy nhìn thẳng vào thực tế để chế ngự thực tế.*

*Cuối cùng Bàn Đạo muốn nói rõ: Quyền pháp Đạo không là điều cai trị. Quyền pháp đạo chính là sự thương yêu giải thoát cai trị để tiến hóa.”<sup>14</sup>*

## D. TÓM TẮT

Nói tóm lại, chín quả Tiến đức Tu nghiệp, theo cách tìm hiểu trên, là chín bước tu tập của người tu học. Mỗi một bước là một hành trình đào sâu lý lẽ đúng đắn để định hướng cho hành vi: sửa trị thân tâm, đối nhân xử thế.

Học Thiên Trạch Lý là học về lễ, lập hạnh hòa đồng để chung cùng thể gian tu tiến. Học Địa Sơn Khiêm là học về tính công minh, nhã nhặn để hành động công chính. Học Địa Lô Phục là học về mối quan hệ của thân với vạn hữu để thực hiện sự trở về với căn nguyên tự hữu. Học Lô Phong Hằng là học về cách lập tâm bất thoái chuyển, kiên định đường tu, xử thời đúng lẽ để một lòng hướng thiện trong mọi cảnh. Học Sơn Trạch Tồn là về đức hy sinh vì điều cao quý để sửa trị tâm tánh cho hoàn

---

14. Nam Thành Thánh Thất, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1967).

thiện. Học Phong Lô Ích là học đức vị tha vì lợi ích thiết thực cho tha nhân để thực tu trong hoàn cảnh thuận lợi. Học Trạch Thủy Khốn là học cách thức làm cho tâm trí tĩnh tại trong cảnh khó của trần sinh để thấu hiểu, cảm thông và bớt đi những ngã mạn, than oán để làm dày thêm phần đức hạnh. Học Thủy Phong Tĩnh là học cách gắn liền sự tu thân với sứ mạng hoằng hóa đạo Trời để tạo dựng đời sống an lạc, nhân bản và tiến bộ cho nhân sinh vạn hữu. Học Bát Thuần Tốn là học cách hành xử quyền biến mà không phô trương, giữ mực thường mà ảnh hưởng rộng lớn để thực hiện vai trò thế thiên hành hóa tại thế gian.

Tuy rằng Dịch nói chín quẻ trên bàn về cách thức sống trong lo âu, khổ nạn của bậc quân tử, nhưng đến ngày nay, Đức Thánh Trần Hưng Đạo đã nối kết cách thức sống thuận theo cảnh hoạn nạn đó thành bước tu tánh, tạo dựng nền tảng cho việc tu luyện tâm pháp về sau. Thật không khó hiểu khi Ôn Trên cũng từng nói, người tu trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ phải vượt qua ngưỡng quân tử.

Trở lên là những kiến giải của một tân sinh trong phần Dịch học. Chắc chắn còn phải bổ khuyết nhiều điều. Thế nên, bài viết là một đúc kết ngắn những suy nghĩ về chín quẻ Tiến đức Tu nghiệp trong mối liên hệ với lời giảng dạy của Thiêng Liêng qua Thánh giáo, Thánh ngôn. Qua đó, người học cảm nhận được phương cách ứng dụng Dịch lý trong đời sống tu học do Ôn Trên dạy. Người học vẫn còn phải học tập và suy nghĩ thêm về nội dung này. Mong rằng được nhận sự hỗ trợ, thảo luận đồng tìm hiểu của quý đồng đạo.

**NHÓM KINH DỊCH CĂN BẢN - CQPTGLĐĐ**

**DỊCH HỌC TÂN SINH**

# ĐỨC MẸ MARIA với Tín Đồ Công Giáo

Thiện Chí

Tại Lourdes (Pháp), sau khi cô bé Bernadette (1844–1879)<sup>1</sup> đi kiểm củi được thấy Đức Maria hiện ra lần thứ 16 trong hang đá, đã khẩn khoản hỏi tên người. Người xưng: “Ta là Maria Immaculée”, tiếng địa phương là “Que sòl era Immaculada Concepcion.” Bernadette bèn về thuật lại với cha sở, cha sở rất ngạc nhiên vì trước đó cha sở không tin những đồn đoán của dân chúng. Lần này từ ngữ “Immaculée” khiến ông phải quan tâm, bởi từ ngữ này chỉ có trong thần học Ki-Tô giáo, làm sao cô bé nhà quê thất học biết được để đặt điều. Sự việc được trình lên các cấp trên của Giáo hội... Rồi Giáo hội thực hiện lời dạy của Đức Maria truyền cho Bernadette trong hang đá, Thánh đường nguy nga đã được xây lên từ năm 1838; giáo điều sám hối và cầu nguyện cho nhân loại được ban ra.<sup>2</sup>

Từ đó suốt năm, những đoàn hành hương trong đạo hay ngoại đạo không ngừng đến Lourdes (và nhiều địa điểm “Đức

---

1. Năm 1925, Giáo hoàng Pius XI đã chính thức phong Thánh cho Bernadette.

2. “Pénitence, pénitence, pénitence. Priez pour les pécheurs”(Sám hối, sám hối, Sám hối. Hãy cầu nguyện cho những kẻ tội lỗi).



*Giáo dân, người bệnh hành hương tại hang đá (Lourdes)*

Mẹ hiện ra” khác) để chiêm ngưỡng tượng Đức Mẹ Maria trong hang đá. Hàng trăm người bệnh nan y, kẻ bại liệt đến cầu nguyện đã được lành bệnh...

Danh xưng “Đức Maria vô nhiễm nguyên tội” có nguồn gốc từ tín điều “Maria Immaculée Conception”, có nghĩa đen là “Maria thụ sinh không nhiễm tội” (macula = tiếng Latin là không vết nhơ; Conception = thụ thai). Theo Giáo hội Công giáo La Mã (Roma Catholic) Mẹ Maria được đặc ân của Thiên Chúa thánh hóa và vô nhiễm nguyên tội do là mẹ sinh ra Jésus de Nazareth – về sau được tôn xưng là Đấng Cứu thế.

Các Giáo Phụ của Giáo Hội, những người từ thế kỷ đầu tiên đã gọi lên niềm tin này. Cuộc tranh luận phát triển từ thế kỷ XIV và kéo dài đến thế kỷ XVIII với sự nhắc nhở lặp đi lặp lại của các Giáo hoàng. Đức Giáo hoàng Piô IX, sau khi

trao đổi với tất cả các giám mục Công giáo và các nhà thần học đã tuyên bố long trọng tín điều này vào ngày 08 tháng 12 năm 1854.

Tín điều này tuy chưa có đồng thuận hoàn toàn trong giới Cơ Đốc giáo (Công giáo Rôma, Chính thống giáo Đông phương và Tin Lành), nhưng đối với giáo dân Công giáo, những sự kiện “Đức Maria hiện ra” ở nhiều nơi trên thế giới cùng một số hiện tượng màu nhiệm đã trở thành đức tin “Mẹ Maria hòa bình”, “Mẹ Maria mân cô hay Đức Mẹ La Vang”.<sup>3</sup>

Đức Mẹ La Vang là tên gọi mà giáo dân Công giáo Việt Nam đề cập đến sự kiện Đức Mẹ Maria hiện ra trong một thời kỳ mà đạo Công giáo bị bắt bớ tại Việt Nam. La Vang ngày nay là một thánh địa và là nơi hành hương quan trọng của người Công giáo Việt Nam, nằm ở huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, thuộc Tổng Giáo phận Huế. Các tín hữu tin rằng, Đức Mẹ Maria hiển linh ở khu vực này vào năm 1798. Một nhà thờ đã được xây dựng gần ba cây đa, nơi họ tin là Đức Mẹ đã hiện ra và được Tòa Thánh tôn phong là Tiểu vương cung thánh đường La Vang từ năm 1961. Đây là một trong ba trung tâm hành hương Công giáo được chính quyền Việt Nam hiện nay công nhận.

Đức Mẹ Hòa Bình (hoặc Mẹ của Hòa Bình, Nữ Vương Hòa Bình) là một danh hiệu dành cho Mẹ Maria trong Giáo hội Công giáo Rôma. Trong nghệ thuật, hình tượng Đức Mẹ Hòa Bình được thể hiện trong dáng vẻ một người phụ nữ giữ một con chim bồ câu và một cành ô liu, biểu tượng của hòa bình. Ngày lễ Đức Mẹ

---

3. Năm 1925, Giáo hoàng Pius XI đã chính thức phong Thánh cho Bernadette.

Hòa Bình được tổ chức vào ngày 24 tháng 01 hàng năm ở Hawaii và một số nhà thờ ở Mỹ. Ở những nơi khác, lễ này được tổ chức vào ngày 09 tháng 7.

Đức Mẹ Mân Côi (còn gọi là Đức Mẹ Mai Khôi, Đức Mẹ Mòi Côi, Nữ Vương Rất Thánh Mân Côi) là một danh hiệu của Đức Trinh Nữ Maria trong mối quan hệ với Kinh Mân Côi. Lễ Đức Mẹ Mân Côi được cử hành vào ngày 7 tháng 10 hằng năm, kỷ niệm chiến thắng quyết định của liên minh Kitô giáo trước hạm đội của



*Ảnh: Tượng Đức Mẹ Hòa Bình tại Vương Cung Thánh Đường (TP.HCM) (trái).*

*Tượng Đức Mẹ bên gốc đa cổ thụ, được cho là bà đã hiện ra tại đây (phải)*

Đế chế Ottoman trong Trận hải chiến Lepanto năm 1571. Vì vậy trước đây, ngày lễ này còn được gọi là Lễ Đức Mẹ Chiến Thắng. Năm 1960, Giáo hoàng Gioan XXIII đổi tên lễ này thành Lễ Đức Mẹ Mân Côi như ngày nay.<sup>4</sup>

## Nhận định

Tín điều “Đức Mẹ Maria vô nhiễm nguyên tội” được Giáo hội La Mã công nhận trên nền tảng Thần học Ki-Tô giáo, thuộc về siêu hình học, các tôn giáo khác có thể tôn trọng hay nghi vấn đức tin cá biệt này của Giáo hội, hoặc có chủ trương khách quan, không phê phán, không đề cao.

Tuy nhiên, những hiện tượng mà toàn thể giáo dân cảm thấy mâu thuẫn tại những nơi mà chính họ nhìn nhận rằng “Đức Mẹ Maria” đã hiện ra, đã đem lại cho họ đức tin tuyệt đối, dù họ có kiến thức thần học Ki-Tô hay chưa.

Mục đích, của khoa Thần học đã nêu rằng: “Thần học là ngành nghiên cứu về Thiên Chúa, hay rộng hơn là về niềm tin tôn giáo, thực hành và trải nghiệm tôn giáo, về linh hồn. Thần học giúp các nhà thần học hiểu rõ hơn về truyền thống tôn giáo của chính mình, về các truyền thống tôn giáo khác, cũng như so sánh giữa các truyền thống tôn giáo khác nhau... Thần học, nguyên nghĩa trong tiếng La Tinh là Theologia, ghép 2 từ trong tiếng Hy Lạp là Theos (nghĩa là thần linh) và logos (nghĩa là lời); vậy Theologia là môn học nghiên cứu về những lời, lý lẽ phù hợp với Thiên Chúa. Ngày nay, thần học được giảng dạy trong các chủng viện, trường dòng, học viện, đại

---

4. Theo Wikipedia.

học của các tôn giáo.”<sup>5</sup>

Nhưng chính những cuộc thể hiện đức tin quy mô của các cộng đồng giáo dân, kể cả sự ngưỡng mộ của đông đảo người ngoài đạo đã góp phần vào các nhận định của khoa Thần học.

Ngoài ra, môn Tôn giáo học so sánh sẽ giúp cho các giới tín đồ soi rọi lại đức tin và giáo thuyết của tôn giáo mình, đồng thời các nhà tôn giáo học sẽ khách quan nhận định tường minh những điểm chung và riêng biệt ra từ từng chủ đề được chọn so sánh. Nghiên cứu tôn giáo học so sánh, tác giả Thích Thánh Nghiêm viết: “(...) tôn giáo học so sánh lại là một môn khoa học nhân văn và khoa học xã hội. Nó tìm cầu chân lý từ sự thật lịch sử, phát hiện vấn đề từ sự giống và khác nhau giữa các tôn giáo, rồi giải đáp vấn đề bằng phân tích tâm lý. Cho nên, môn học này có thể giúp chúng ta nhớ lại quá khứ của nhân loại và còn có thể hướng dẫn chúng ta lựa chọn tín ngưỡng đúng đắn hơn.”<sup>6</sup>

■

Bài viết trên đây không nhằm xác tín hay phê phán giáo điều của Giáo hội cũng như đức tin của giáo dân Công giáo. Bởi chỉ có giáo dân mới có tư cách xác tín. Và người ngoại đạo chỉ ghi nhận sự kiện lịch sử nhân văn chứ không có tư cách phê phán phạm vi đức tin của đối tượng.

---

5. ([https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%A7n\\_h%E1%BB%8Dc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%A7n_h%E1%BB%8Dc))

6. Tôn Giáo Học So Sánh, Tác giả: Thích Thánh Nghiêm, Dịch giả: Thích Chân Tính.



# Tướng tự tâm sanh

Xuân Mai



*Minh họa: Cọ Trắng*

## 1. Chữ “Tướng” về khía cạnh Diện Tướng

Chữ “tướng” đang đề cập ở đây, thông thường là nói về diện tướng, cũng là nói về tướng mạo của toàn thể cá nhân ấy. Do vậy, “tướng tự tâm sanh” được hiểu là: người ta có tâm cảnh thế nào thì cái tướng mạo sẽ thế ấy, người có tâm tư tìm cầu điều gì, có thể thông qua nét mặt tư thái mà nhận ra được. Trong Tứ Khổ

Toàn Thư luận rằng: “Vị tướng nhân chi tướng, tiên thính nhân chi thanh, vị thính nhân chi thanh, tiên sát nhân chi hành, vị sát nhân chi hành, tiên khán nhân chi tâm.” (Đừng nhìn tướng mạo người, trước tiên hãy nghe thanh âm của người ta; đừng nghe thanh âm người, trước tiên hãy quan sát hành vi của người ta; đừng quan sát hành vi người, mà trước tiên hãy xét cái tâm của người ta). Đó cũng chính là nhấn mạnh rằng cái “tâm” quyết định cái “tướng” của con người; rằng biến hoá của diện tướng cũng là biến hoá của tâm biểu hiện ra bên ngoài.

Thời cổ có câu: “Hữu tâm vô tướng, tướng tùy tâm sinh; hữu tướng vô tâm, tướng tùy tâm diệt.” (Có tâm thì dầu vô tướng, tướng cũng sẽ theo tâm mà sinh; có tướng mà không có tâm, thì tướng ấy cũng theo tâm mà tiêu mất). Ý nói: Tướng mạo của một người sẽ thay đổi theo tâm niệm thiện ác của người đó.

Về mặt khoa học, Trung y cổ đại, Sinh lý học hiện đại và Tâm lý học đã phân tích đạo lý “tướng do tâm sinh” rất đơn giản. Tướng mạo của một người là sự kết hợp giữa “hình” và “thần”. Hình tướng là đặc thù của sinh lý. Còn Thần tướng (thần thái) vừa bao hàm nhân tố sinh lý, nhưng vừa phụ thuộc quyết định bởi quá trình tu dưỡng (thuộc hậu thiên). Nhất cử nhất động từng ý từng niệm thể hiện trong sinh hoạt thường ngày của mỗi người, qua năm tháng đều ngưng tụ trên gương mặt của họ, gọi là “những gì bên trong sẽ hiện ra bên ngoài” (Hữu chư nội tất hình chư ngoại).

Tâm niệm nảy sinh sẽ tác động đến thân thể. Nếu tâm bình hòa yên tĩnh, lòng thanh thản bao dung, quang minh chính đại, thì khí huyết hài hòa, ngũ tạng yên định, thân thể sẽ khỏe mạnh, nét mặt nhờ đó bình ổn, thần sắc sáng sủa, khiến người khác

nhìn vào cũng cảm thấy dễ chịu, thoải mái, vì vậy mà việc giao tiếp thân thiện, vui vẻ.

Như vậy, trong mối quan hệ giữa “tướng” và “tâm” thì “tướng” là biểu hiện bên ngoài, “tâm” là hoạt động bên trong; “tướng” là cái bị biến ảo, thuộc trạng thái bị động, là phản ứng bên ngoài của “tâm”.

Dưới đây là một truyền thuyết lâu đời về “tướng do tâm sinh”:

Thời cổ đại có một thợ thủ công sinh sống ở tỉnh Sơn Đông. Mặc dù lớn lên khô ngô tuần tú nhưng anh ta lại thích tạc những hình tượng ma quỷ. Những tác phẩm điêu khắc của anh vô cùng sống động, và theo thời gian, việc buôn bán của anh càng ngày càng phát đạt. Một ngày, anh nhìn vào gương và vô cùng kinh ngạc khi thấy rằng diện mạo của mình đã trở nên hung tợn và xấu xí. Anh đã đến gặp rất nhiều danh y nổi tiếng, nhưng không ai có thể giúp được anh.

Chàng trai dừng lại ở một ngôi đền và kể sự tình với một ông lão. Ông lão trả lời: “Tôi có thể giúp điều ước của anh trở thành sự thật, với điều kiện là anh hãy tạc cho tôi một số bức tượng Quan Thế Âm với các dáng điệu khác nhau.” Người thợ thủ công đã đồng ý ngay lập tức và bắt đầu nghiên cứu tư tưởng và diện mạo của Quan Thế Âm Bồ Tát. Anh cũng cố gắng hết sức để thực hành theo đạo đức của Ngài như thể chính mình là Đức Quan Thế Âm vậy.

Sau sáu tháng nghiên cứu và làm việc chăm chỉ, anh đã khắc được một số bức tượng sinh động của Phật Bà Quan Âm, thể hiện lòng tốt, từ bi, khoan dung của Ngài. Mọi người rất ngạc nhiên trước những bức tượng sinh động giống như thật. Người

thợ thủ công cũng rất ngạc nhiên khi thấy rằng tướng mạo của mình đã hoàn toàn thay đổi, giờ đây nhìn anh thật hùng dũng, oai nghiêm và đức độ.

Như vậy, “tâm” là nhân của “tướng”, “tướng” là quả của “tâm”.

## 2. Để có tướng tốt thì nên có tâm thái thế nào?

Một nhà tâm lý học người Mỹ đã nói rằng: Lực hấp dẫn của một người không phải đơn thuần đến từ dung mạo bên ngoài mà là trực tiếp đến từ tâm tính. Những nhân tố bên ngoài có sức ảnh hưởng nhỏ nhất, những nhân tố tích cực bên trong lại có sức ảnh hưởng lớn nhất đối với người tiếp xúc. Do vậy, bảo trì một tâm tính tốt là phương pháp làm đẹp hữu hiệu nhất.

Các y nhân cho rằng, khi trong lòng cảm thấy vui vẻ, dễ chịu, lượng máu chảy về phía bề mặt da sẽ tăng lên làm cho sắc mặt hồng hào và sáng bóng hơn. Những trạng thái cảm xúc không tốt như căng thẳng, ức chế, hốt hoảng, sợ hãi sẽ làm rối loạn nội tiết khiến cho lượng máu cung cấp cho da sẽ giảm đi. Từ đó, khiến sắc mặt mất đi vẻ sáng bóng mà trở nên khô, thậm chí xuất hiện nếp nhăn. Nếu như tâm tình không tốt kéo dài trong một thời gian sẽ làm suy nhược thần kinh, mất ngủ, làm da bị lão hóa.

Trung y cổ đại giảng “Tứ chẩn” là: “Vọng, Văn, Vấn, Thiết”, tức là bốn phương pháp để thầy thuốc thăm khám bệnh, gồm có Vọng (nhìn), Văn (nghe), Vấn (hỏi), Thiết (sờ).

Trong đó, Vọng chính là nhìn thần sắc. Vọng đứng đầu trong “Tứ chẩn”, cho nên được đánh giá là rất quan trọng trong chẩn đoán bệnh.

Ông Inamori Kazuo là một doanh nhân hết sức thành đạt trong việc sáng lập và điều hành tập đoàn Kyocera lớn mạnh của Nhật Bản. Hơn nữa, ông còn được biết đến là người có nhân sinh quan, triết lý sống vô cùng sâu sắc. Khi kể về cuộc đời của mình, ông từng khẳng định rằng: tướng do tâm sinh, vận mệnh của ông thay đổi tốt lên chính là nhờ vào sự thay đổi của tâm thái. Vậy cần phải:

### **- Tích cực thay đổi tâm thái tốt hơn lên**

Số mệnh đời người chúng ta là do tiền nghiệp, nhưng không phải là không có cách nào chuyển hóa được số mệnh. Sự công bình của Luật nhân quả đã cho thấy vận mệnh có thể tùy theo sự cải biến của tâm tính chúng ta mà cải biến theo. Vậy, thay đổi tâm thái tốt hơn lên là thay đổi tâm tính của mình tốt hơn lên, như:

- Không có tâm tranh giành với người.
- Không có tâm hơn thua, không tính toán được mất, vì sẽ sinh ra tức giận, diện tướng sẽ xấu.

Ngài Xá Lợi Phất có dạy 4 cách để tránh tức giận: Nếu một người mà lời nói không dễ thương, hành động dễ thương, thì hãy tin theo hành động. Nếu lời nói dễ thương, hành động không dễ thương thì hãy tin theo lời nói dễ thương. Nếu lời nói không dễ thương, hành động cũng không dễ thương, nhưng trong tâm còn chút dễ thương thì hãy thương một chút trong tâm đó. Nếu cả 3: lời nói, hành động và cả một chút trong tâm đều không dễ thương thì hãy thương người đó hơn nữa vì họ sống rất khổ sở, trong lòng họ toàn lửa, nên họ không biết cách làm cho họ dễ thương.

Đức Lão Tử, trong Đạo Đức Kinh có dạy:

*“Thánh nhân hiểu người: Lấy tâm của người làm tâm của mình/*

*Với người lành, lấy lòng lành mà cư xử/ Với người không lành, cũng lấy lòng lành mà cư xử/ Như vậy sẽ được mọi chuyện lành/ Với người thành tín, lấy thành tín đối đãi/ Với người không thành tín, cũng lấy thành tín mà đối đãi/ Như vậy sẽ được thành tín.”*

• Biết nghĩ đến người, làm lợi lạc cho người, vui theo hạnh phúc của người thì cuộc đời lập tức chuyển biến, đây là những nguyên lý mang tính căn bản.

• Sống, hãy dùng “lòng biết ơn” để nhìn vũ trụ, biết cảm ơn mọi người; dùng “trái tim” để nhìn thế giới, dùng tình yêu thương để đối đãi với người, cảm động trước việc làm nhân từ của người khác.

#### **- Giữ nội tâm an hòa tĩnh tại**

Nếu như nội tâm an hòa tĩnh tại thì thần thanh khí sáng, lạc quan, đôn hậu, quang minh ngay thẳng. Điều đó sẽ khiến cho khí huyết điều hòa, ngũ tạng an định, công năng chính thường, thân thể khoẻ mạnh, ắt sẽ thể hiện ra mặt mũi sáng sủa, thần thái phấn khởi, tường hòa, ai gặp mặt cũng cảm thấy thoải mái, có cảm giác thân thiện an hòa một cách tự nhiên. Đức Phổ Hiền Bồ Tát dạy:

*“Thân nhờ có tâm trung mát mẻ,  
Thì gia tăng sức khỏe dồi dào,  
Dung nhan diện mạo hồng hào,  
Ăn ngon ngủ khỏe biết bao mạnh lành.  
Tâm biến động, thân không an định,  
Đó là mầm bá bệnh phát sanh,  
Tâm, can, phế, thận bất bình,  
Táo, hàn, thử, thấp loạn hành hại thân.”*

**- Phải có Tâm từ bi chan rải khắp chúng sanh:** Là vượt

qua tâm vị kỷ của chính mình và tiến đến đạt được trạng thái từ bi.

Trong đó, yêu thương người khác đồng thời chia sẻ và mang lại niềm vui cho người khác, được gọi là “từ”; Đồng cảm với nỗi khổ của người khác, thương xót người khác, giúp người ấy bỏ đi nỗi thống khổ đó, được gọi là “bi”. Cứu độ tâm linh của người khác, khiến người ấy không bị biến chất, sa đọa mà rớt xuống, đó chính là từ bi mức độ cao hơn. Giúp người không còn lo sợ, sống an lạc trong chánh pháp là từ bi nhất.

Đức Lục Tổ Huệ Năng từng giảng: “Mọi phúc lành đều không tách khỏi chữ Tâm.”

Nhưng Đức Vạn Hạnh Thiền Sư cũng nhắc nhở: Người tu hành nên nhìn và bắt chước tấm gương của các Đấng để đạt tình thương cho đúng chỗ.

*“Tình thương đạt không đúng chỗ đúng lúc thì vô tình kéo nhau vào hố sâu vực thẳm của tội lỗi.”<sup>1</sup>*

Vậy nên, nếu chúng ta muốn được yêu thương, thì trước tiên hãy yêu thương người khác, chúng ta phải sống thiện lương với người, vì thiện lương với người khác cũng là thiện đãi với chính mình. Nếu ta muốn người khác đối xử tốt với mình, trước tiên hãy đối xử tốt với họ, có thể ta sẽ không nhận được sự báo đáp ngay lập tức, nhưng nhất định vào một thời điểm khác, trong một hoàn cảnh khác, Trời xanh đã tự có an bài (nhân – quả). Nhưng điều chắc chắn kết quả trước nhất từ cuộc sống thiện lương, từ tâm từ bi biết yêu thương chia sẻ với người, từ cuộc sống với tâm bình khí hòa, đó chính là sẽ có được diện mạo từ

---

1. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 02-11 Kỷ Dậu (10-12-1969).

hòa khả ái. Đây là nguyên nhân vì sao có những người có khuôn mặt cũng không xinh đẹp nhưng lại khiến người khác ưa nhìn, thiện cảm.

Đức Phổ Hiền Bồ Tát dạy:

*“Tâm mà được nghĩa nhân quảng đại,  
Tâm từ bi chan rải muôn phương,  
Hiện lên diện mạo dễ thương,  
Thân sanh nhờ đó thọ trường an sinh.”*

Theo khoa Tâm lý học, tư tưởng mỗi con người dự phần rất lớn tạo ra hình tướng của chính cá nhân con người ấy. Những va chạm trong đời sống tạo nên trạng thái tâm lý thích ứng với hoàn cảnh. Trong thực tế, kẻ ác, trong đầu họ thường suy nghĩ căng thẳng những mưu kế hại người. Tâm lý thù hằn ảnh hưởng trên các tuyến nội tiết và cơ thể họ thường xuyên tiết ra các độc tố, tràn vào trong máu, khiến sắc mặt họ thường u hãm, chứ không được tươi nhuận, vì tư tưởng tiêu cực khiến cơ thể phát sinh độc tố. Trên một tạp chí của Mỹ từng đăng tải một báo cáo nghiên cứu với chủ đề: “Tâm trạng xấu sinh ra chất độc.” Trong bản báo cáo nói rằng: “Theo thí nghiệm trong phòng thực nghiệm tâm lý, thì ác niệm của con người chúng ta có thể dẫn tới những thay đổi về chất hóa học trong sinh lý, sẽ sinh ra một loại độc tố trong huyết dịch.”

3. “Tướng mạo” còn là hoàn cảnh xung quanh của một người

Danh ngôn có câu: “Bạn không thể thay đổi thế giới nhưng bạn có thể thay đổi bản thân.”

Người xưa thường nói: “Tướng do tâm sinh”, tướng ở đây



không chỉ là “tướng mạo” mà còn là hoàn cảnh xung quanh của một con người. Nếu một người trong lòng luôn chứa đựng những ý nghĩ tiêu cực thì hoàn cảnh xung quanh người ấy sẽ trở nên không tốt, rất nhiều mâu thuẫn sẽ nối gót nhau mà đến. Trái lại nếu một người trong lòng luôn vui vẻ và tràn đầy ý nghĩ tích cực thì hoàn cảnh sẽ chuyển biến thành tốt.

Vậy, hãy thay đổi tư tưởng tích cực như thế nào?

### **- Không oán trách, vì nó là một loại độc dược**

Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta thường gặp phải không ít người luôn mang trong lòng sự oán trách. Họ không biết được rằng, oán trách là một loại cảm xúc xấu nhất khiến mối các quan hệ căng thẳng và mâu thuẫn trở nên kịch liệt hơn. Nó không chỉ khiến cho sức khỏe của chính bản thân người ấy xấu đi mà còn khiến người thân, bạn bè dần dần xa lánh.

Mục sư người Mỹ – Will Bowen đã viết trong cuốn “A Complaint Free World” (Thế giới không có lời phàn nàn) rằng: những người phàn nàn quanh năm cuối cùng có thể bị cô lập và bị mọi người xung quanh xa lánh.

Oán giận là một loại độc dược. Nó có thể làm giảm nhiệt huyết, phá hủy ý chí, hạ thấp địa vị, hủy hoại cả tâm và thân của con người. Cho nên, oán trách vận mệnh chi bằng hãy cải biến vận mệnh, oán trách cuộc sống chi bằng hãy cải thiện cuộc sống!

## **CÂU CHUYỆN**

Tại một thành phố của nước Mỹ, có một vị khách trung niên bắt taxi đến sân bay. Sau khi lên xe, vị này phát hiện ra chiếc xe mà mình đang đi không chỉ có vẻ ngoài bắt mắt mà bố trí trong xe cũng rất ngăn nắp, trang nhã. Tài xế ăn mặc rất chỉnh tề, lịch sự.

Khi xe vừa chạy, ông ấy liền nhiệt tình hỏi hành khách xem độ ấm trong xe đã thích hợp chưa? Không lâu sau, ông lại hỏi hành khách muốn nghe nhạc hay radio? Hành khách lựa chọn nghe nhạc và một đoạn hành trình thoải mái của hai người bắt đầu.

Khi xe dừng trước một đèn đỏ, lái xe quay đầu lại và bảo cho vị khách biết trên xe có tờ báo buổi sáng và tạp chí định kỳ. Ngoài ra, phía trước còn có một tủ lạnh nhỏ, có nước trái cây và cocacola, hành khách có thể tự lấy dùng, nếu muốn uống cà phê, bên cạnh cũng có bình thủy chứa cà phê nóng.

Người tài xế mở lời: “Tôi là một người dễ nói chuyện, nếu anh muốn nói chuyện phiếm thì tôi có thể nói cùng anh. Nếu anh muốn nghỉ ngơi hoặc ngắm phong cảnh, tôi sẽ yên lặng lái xe, không quấy rầy anh.”

Sự phục vụ đặc biệt này khiến vị khách thực sự ngạc nhiên. Vị khách cất lời hỏi: “Từ bao giờ anh bắt đầu sự phục vụ này vậy?”

Vị tài xế nói: “Thực ra, khi mới bắt đầu, xe của tôi cũng không có cung cấp dịch vụ toàn diện như bây giờ. Tôi cũng chỉ giống những người khác, hay phàn nàn, thường xuyên cầu nhàu khách, phàn nàn chính phủ bắt tài, phàn nàn tình hình giao thông không tốt, phàn nàn xăng quá đắt đỏ, phàn nàn con cái không nghe lời, phàn nàn vợ không biết lo...; cuộc sống mỗi ngày quả thực là ảm đạm.

Nhưng một lần, tôi vô tình nghe được một cuộc đàm thoại về cuộc sống trong một tiết mục quảng cáo. Đại ý là nếu bạn muốn thay đổi thế giới, thay đổi cuộc sống của bạn, đầu tiên hãy thay đổi chính mình. Nếu bạn cảm thấy luôn không vừa lòng thì tất cả những chuyện phát sinh đều khiến bạn cảm thấy như gặp xui xẻo. Trái lại nếu bạn cảm thấy hôm nay là một ngày may mắn,

như vậy hôm nay mỗi người bạn gặp phải, đều có thể là quý nhân của bạn.

Cho nên tôi tin rằng, nếu tôi muốn vui vẻ, phải thôi phàn nàn, phải thay đổi chính mình. Từ thời khắc đó, tôi quyết định sẽ đối xử tử tế với mỗi hành khách của mình.

Năm thứ Nhất, tôi sửa sang xe trong ngoài sạch sẽ, trang trí mới hoàn toàn. Tôi luôn nở nụ cười với mỗi hành khách, kết quả là thu nhập năm đó của tôi tăng lên gấp đôi.

Năm thứ Hai, tôi dùng lòng chân thành của mình để quan tâm chia sẻ niềm vui cũng như nỗi buồn của khách. Đồng thời tôi cũng khoan dung và thăm hỏi khách nhiều hơn. Thu nhập năm thứ Hai của tôi tăng gấp đôi năm thứ Nhất.

Đến năm thứ Ba, cũng chính là năm nay tôi đã biến chiếc xe của mình thành một chiếc xe “5 sao” độc nhất này. Ngoài thu nhập tăng lên, hiện tại người đi xe tôi, phần lớn đều là khách quen.”

Người tài xế đã biết thay đổi, không chỉ kiếm được một nguồn thu nhập tốt, mà còn tạo nên một cuộc sống bình yên trong tâm hồn.

Cuộc đời là một chuyến lữ hành, mỗi chúng ta đều có cơ hội trở thành tài xế, đón nhận những vị khách đi ngang qua đời mình. Có thể chúng ta sẽ không luôn gặp những vị khách hiền hòa, nhưng chúng ta có thể làm một người tài xế tốt bụng, dù không tránh được đoạn đường kẹt xe, nhưng có thể dùng tâm tình vui vẻ, cùng nhau hưởng thụ một đoạn hành trình hạnh phúc và ấm áp. (Theo Trithuc.vn)

### **- Hãy canh chừng từ tư tưởng, lời nói... đến cả thói quen**

Trên đất Mỹ, ở một số nơi như thư viện, trường học, hội quán... người ta thấy có trưng bày những câu châm ngôn có thể

tạm dịch như:

Hãy canh chừng những tư tưởng của bạn/ Nó sẽ trở thành lời nói. Hãy canh chừng lời nói/ Chúng sẽ phát ra thành hành động. Hãy canh chừng hành động/ Chúng sẽ thành thói quen. Hãy canh chừng thói quen của bạn/ Chúng sẽ tạo nên nhân cách. Hãy coi chừng nhân cách bạn/ Nó sẽ trở thành số mệnh của bạn đấy. (Thánh Gandhi)

Câu trên cũng phù hợp với quan niệm “Vạn pháp do tâm” của Phật giáo. Đức Phật cho đến các Tổ sau này đều dạy tín đồ rằng “Tâm là gốc của vạn pháp” (Vạn pháp do tâm tạo). Các pháp khởi sinh, biến hóa, lành dữ đều do tâm. Người tu hành, trước hết là tu tâm. Sửa chữa, uốn nắn ngay từ cái tâm. Khi tâm đã ngay chính, mọi pháp theo sau sẽ trở nên ngay chính, trong đó có hình tướng.

Tướng của ngôn ngữ là Tâm. Tất cả những lời nói đều do tâm mà ra. Khi tâm điên đảo xấu xa, muốn mưu hại người khác, tâm sẽ khiến cho miệng lưỡi dùng đủ mọi mách khoé để nói xấu người, làm hại người, từ ác khẩu có thể làm tan nát cả cuộc đời, thậm chí cướp đi cả sanh mạng người. Tâm Phật thì lời nói là pháp thiện, Tâm phàm phu của chúng sanh thì lời nói thành ác nghiệp. Tâm chúng sanh có muôn ngàn tướng thì lời nói phàm phu cũng gây muôn ngàn nghiệp báo. Do đó giữ tâm thiện từ, tu khẩu là một biện pháp bảo vệ khí lực, phục hồi sức khoẻ và làm tướng mạo trở nên trẻ trung.

Trong lãnh vực tu hành, nếu bản thân một cá nhân không làm chủ thể nổi tâm của chính mình, thì sẽ bị động theo, bị ảnh hưởng và lôi kéo của hoàn cảnh bên ngoài, chính là “tâm tùy cảnh thiên” (tâm chạy theo cảnh). Nếu có thể giữ được tâm bất

động, chính là đã chế ước được ngoại cảnh không cho phát sinh biến hóa; Vì vậy mới có thể nói, dẫu hoàn cảnh có hiển tướng thế nào đi nữa, đều là “tâm” mình quyết định; “tướng” là bóng ảnh bên này của “tâm”. Đức Phật Thích Ca từng giảng: “Thế gian vạn vật giai thị hóa tướng, tâm bất động, vạn vật giai bất động, tâm bất động, vạn vật giai bất biến.” (Vạn vật thế gian đều do cái tướng được biến hóa ra, tâm bất động, vạn vật sẽ đều bất động, tâm bất động, vạn vật sẽ đều bất biến).

“Tướng tùy tâm sinh, cảnh tùy tâm chuyển”, chính là: khi tâm yên bình, hết thủy đều gió yên sóng lặng; Tâm rộng rãi, hết thủy mọi sự đều thuận lợi hanh thông; tâm buông xuống, niềm vui và hạnh phúc cũng theo nhau mà đến.

Đức Đông Phương Chưởng Quản đã giải thích cho chúng ta về nguyên lý quân bình âm dương trong người và âm dương ngoài trời đất và ích lợi của việc thực hành đạo pháp. Ngài dạy:

*“(…) Theo y lý thì âm dương trong người và âm dương ngoài trời đất, hai bên tương trợ lẫn nhau. Mỗi khi trong người chánh khí suy yếu thì tà khí ngoài trời đất xâm nhập mà gây nên bệnh hoạn. Chủ khí mạnh thì khách khí không làm hại được, hoặc chủ khách giao hỗ tương thân thì tinh thần khỏe mạnh. Đạo pháp cũng thế. Đó là bước đầu của kẻ hành giả làm cho hô hấp điều hòa, tâm thần thơ sướng, thì chánh khí phát vượng, nên mới bày phép khai thông bát mạch, làm cho kinh lạc dinh vệ, tạng phủ không chỗ nào còn ngưng trệ bế ngẫn. Ngồi tịnh an hòa thông sướng, đã thông hòa thì huệ tâm hiển lộ, ngồi một giờ muốn ngồi hai, ba giờ. Vào tịnh cũng như thưởng cảnh xuân quang.”<sup>2</sup>*

---

2. Minh Lý Thánh Hội, 10–11 Bính Thìn (30–12–1976).

## GIAO CẨM

Con người là anh linh vạn vật nên duy nhất con người có khả năng tu luyện, sửa đổi chính mình. Bí quyết thay đổi vận mệnh, không ngoài việc phải tu tâm dưỡng tánh, phẫn bốn quy chân, thánh hóa tâm phàm. Muốn có tướng mạo tốt phải có tâm thái tốt. Tâm thái của con người sẽ quyết định đến cuộc đời của chính mình và ảnh hưởng đến mọi sự xung quanh. Vậy, muốn có một tâm thái tốt, ta hãy: Không oán trách, vì nó là một loại độc dược, không chỉ làm tổn hại phước báo của mình mà còn mang nghiệp vọng ngữ; Giữ nội tâm an hòa tĩnh tại; Tâm từ bi chan rải khắp chúng sanh; Biết cách dưỡng sinh; Biết đọc thánh kinh hiền truyện cũng là một quá trình hấp thu dinh dưỡng, nuôi nấng được một tâm hồn cao thượng; Luôn canh chừng từ tư tưởng, lời nói, hành động... đến cả thói quen; và sau là công phu tu luyện để gìn giữ thân tâm khỏi lạc làm sa đọa.



# Những mẫu chuyện từ cơ bút

(TIẾP THEO KỶ TRƯỚC)

Đạt Tường sưu tầm



13. Đàn cơ thủ Đồng tử, người viết khải là một chức sắc: Giáo Hữu Trần Văn Ngưu, Pháp đàn. Ông viết khải giấu kín dưới chân đèn, bài thi bát cú như sau

THI

*TRƯỚC* khải xin tâu với bệ tiền,

*MAI* sau dấu thác tiếng còn biên,

*TỰ* mình cất bút xưng Trời Phật,

*HỘI* ý đề thơ gọi Thánh Tiên.

*NHƠN* loại tưởng làm theo lạc lối,

*SANH linh nghi quấy phải tư riêng,  
ĐỒNG tình phấn chí tâm chân lý,  
THỂ thống gì đâu giáng điển truyền.*

Khi lập đàn, có Thầy về xưng danh rồi, Thầy bảo đến Thiên bàn dỡ chưng đèn lấy một cái khải, để họa vận bài thi, rồi mới mở ra xem. Thầy cho bài thi đáp lại thi của người viết khải như sau:

THI

*Trước Thầy phân giải giữa đàn tiền,  
Mai mốt rồi đây tội vẫn biên,  
Tự lập trí tâm theo cảnh lạc,  
Hội trường kết quả khá tầm Tiên.  
Nhơn hòa quyết chỉ đồng như một,  
Sanh chúng hồ nghi muốn tách riêng,  
Đồng tình bước sang đây chánh giáo,  
Thể hành phương pháp thọ chơn truyền.*

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ

#### 14. Địa không ưa thịt gà

Có một người không có Đạo ở gần Thiên Lý Đàn Ô Môn - Cần Thơ, nhà đàn của ông Nguyễn Kim Sanh (Thánh danh Thông Tâm, chức sắc Giáo Sư, là thân phụ của hiền hữu Nguyễn Kim Bia ở Ô Môn hiện nay), nhưng thường đến nhà đàn này để hầu đàn cơ. Bà rất tin tưởng Ông Trên.

Một bữa nọ bà về nhà nói lại với người chồng rằng: Ông ơi! Tôi đi hầu đàn. Có một vị về đàn xưng danh là Linh Quang Thổ Địa, nói rất hay, việc gì cũng biết rõ hết.

Người chồng bảo: Bà nói hay như thế, bây giờ tôi viết một



“bức thơ” xin mách cho tôi mua một con số đề, nếu trúng thì tôi mới tin.

Chồng viết xong báo vợ khi nào đi hầu đàn thì đem theo, lên dỡ chân đèn mà giấu kín, không để ai hay biết!

Trong một buổi lập đàn, có Đức Linh Quang Thổ Địa về xưng danh rồi thì nói: “Hiền Thiện Mỹ (tức là ông Bảy Tịnh) hãy lên Thiên bàn, dỡ chân đèn lên lấy phong thơ gửi cho Địa. Hiền quý cầm giữ nó, chờ Địa phân trần xong rồi sẽ mở ra đọc.”

Sau đó Đức Linh Quang cho bài thi:

*Ở muội Sen! Lòng hiền muốn thử,  
Rõ chánh tà căn cứ Đạo gia,  
Anh Địa vốn thật là ta,  
Ở nơi Thiên Lý, thịt gà không ưa.  
Nay Địa muốn cho vừa lòng muội,  
Rõ chánh tà, cạm cũi lo tu,  
Chánh tà hai nẻo xa mù,  
Tu là đàn ông chánh, quyết tu đắc thành.*

Phong thơ được mở ra và đọc lên. Trong thơ người chồng viết như vậy: “Kính gởi anh Địa! Anh có linh thiêng hộ độ cho tôi trúng được con đề 36 thì tôi cúng cho anh một con gà.”<sup>1</sup>

(CÒN TIẾP)

---

1. Thiện Thông Quang sưu tầm.

# HỌC ĐIỀU THỨ NHẤT của Tứ Đại Điều Quy

Huỳnh Thị Hồng Cúc

*Thánh tịnh Ngọc Minh Đài*

Tứ Đại Điều Quy là bốn điều quy định về cách ăn ở, đối xử, tư cách đạo hạnh của người tín đồ trong Đại Đạo.

Tứ Đại Điều Quy là khuôn vàng thước ngọc cho hàng tín hữu thực hiện để trau giồi tâm chí, phẩm hạnh, tự rèn luyện mình trở thành hiền nhân thánh thiện. Hơn nữa Tứ Đại Điều Quy cũng là cẩm nang thư cho những tín đồ có công hạnh được nhận lãnh chức việc, được thọ phong chức sắc, cần bồi bổ đức độ để lãnh đạo nhơn sanh, điều hành guồng máy hành chánh đạo, hoằng pháp độ nhơn hầu xứng đáng là người sứ mạng giữ gìn và phổ truyền chơn đạo khắp cả chúng sanh.

Trong phạm vi bài viết này, chỉ xin tìm hiểu Điều quy thứ nhất: *“Phải tuân lời dạy của Bề trên, chẳng hổ chịu cho bực thấp hơn điều độ. Lấy lễ hòa người, lỡ làm lỗi phải ăn năn chịu thiệt.”*

Nội dung Điều quy này gồm có hai phần.

1. Phần thứ nhất: Phải tuân lời dạy của Bề trên, chẳng hổ chịu cho bực thấp hơn điều độ.

• **Phải tuân lời dạy của Bề trên**

Ai là Bề trên? Có Bề trên vô vi và hữu hình. Bề trên vô vi là Đức Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng, là chư Phật, Tiên, Thánh, Thần. Bề trên hữu hình là Hội Thánh và các bậc Chức sắc hay Chức việc hướng đạo nhơn sanh.

- Bề trên vô vi: Chúng ta nhập môn vào Đại Đạo vì đã có lòng tin vào Đấng quyền năng tạo hóa muôn loài, sự hiện hữu của các Đấng Thiêng Liêng trong thế giới vô hình, tất nhiên phải tâm niệm rằng tuyệt đối làm theo lời dạy của Đức Chí Tôn và các Đấng, thể hiện qua Pháp Chánh Truyền, Tân Luật, Thánh ngôn, Thánh giáo; lấy tôn chỉ của Đạo làm ngọn đuốc soi đường, làm mực thước đo lường chơn giả, thực hiện đúng Công bình, Bác ái, Từ bi. Có như vậy chúng ta mới thật sự tiếp nhận ân điển từ các Đấng làm nguồn an ủi, tạo lập bình an tinh thần và cởi bỏ lần những nghiệp chướng bao đời tích tụ. Tuân theo Bề Trên cũng có nghĩa là tuân theo đạo Trời: “Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong”. Chúng ta thuận theo đạo Trời, luôn sống và làm việc lương thiện thì cái Thiên tánh sẽ được nuôi giữ trường tồn, bằng nghịch lại Trời tức là chạy theo nhơn dục, mà làm những việc vô đạo, bất nhân thì cái “thiên mạng chi vị tánh” lần hồi sẽ bị tiêu vong.

- Bề trên hữu hình: Hội thánh và các cấp hướng đạo gồm những vị đại diện cho nhơn sanh, được Ông Trên chọn lựa giao trách nhiệm giữ gìn chơn truyền đạo lý, dìu dắt nhơn sanh, nhứt thiết việc chi trong Đạo đều được nghị bàn kỹ lưỡng, thống nhất ý chí mới ban hành, ấy là chơn lý. Chúng ta phải tuân theo sự chỉ bảo phù hợp tinh thần vì Đạo, vì nhơn sanh, đúng theo đạo lý của những bậc chức sắc hướng đạo, không vì tự ái, ngã mạn mà có thái độ, hành động phản kháng ương

ngạnh, rồi kết thành bè phái đối lập thù hằn nhau, làm mất hòa khí thương yêu.

Đức Chí Tôn có dạy:

*“Thầy nhứt định chính mình Thầy đến độ rồi các con, chẳng chịu giao chánh giáo cho tay phàm nữu, nhưng mà buộc phải lập Thánh Thể, có lớn có nhỏ đặng để thế cho các con dìu dắt lẫn nhau, anh trước em sau mà đến nơi Bồng Đảo.”*

• **Chẳng hổ chịu cho bực thấp hơn điều độ**

– Chẳng hổ thẹn là không xấu hổ, tự ái hay sĩ diện khi được người nhỏ hơn chỉ lỗi.

– Điều độ là chỉnh sửa cho đúng.

– Bực thấp hơn điều độ là người dưới, nhỏ hơn mình góp ý chỉnh sửa sự thiếu sót của mình.

Câu này có ý nói: Thành công lớn nhất của cấp trên là không vì hổ thẹn mà khước từ sự góp ý sửa sai của cấp dưới đối với mình, mà hãy xem đó là một sự ưu ái xuất phát từ tình thương muốn xây dựng, hoàn thiện cho nhau, để cùng nhau tiến bộ trên đường tu học.

Đức Thích Ca có dạy: *“Hãy coi kẻ chỉ lỗi cho ta như kẻ cho ta kho vàng.”*

Dù ở hàng lãnh đạo, nhưng bởi còn mang xác phàm nên khuyết điểm, sai lầm ắt không tránh khỏi, nên phải biết phục thiện lắng nghe, tiếp nhận sự góp ý điều độ của tín đồ, nhơn sanh mới mong làm tròn Thiên mạng.

Đức Chí Tôn hằng dạy: *“Nhơn sanh là những điểm chơn linh của Thầy phân phối, cho nên ý của nhơn sanh là của Thầy.”*

Bởi thế người trên phải thật lòng, thật dạ tin tưởng nhơn

sanh, đi theo nguyện vọng chánh đáng của chúng sanh, thì mới tìm được chơn lý của Thầy, mới trau tria đầy đủ đức hạnh, mới xứng đáng là người thay mặt cho nhơn sanh và là con tin của Thầy.

2. Phần thứ hai: Lấy lễ hòa người, lỡ lầm lỗi phải ăn năn chịu thiệt.

• **Lấy lễ hòa người:** Lễ là cách thức đối đãi giữa người với người trong mọi mối quan hệ để tạo nên trật tự, hài hòa trong xã hội.

– Có tích sử kể về việc “lấy lễ hòa người” của cụ Phan Thanh Giản ngày xưa như sau:

Cụ Phan Thanh Giản có một người bạn thân, quen biết từ thời đi học. Bạn cụ học giỏi mà nhà nghèo, không thi cử, chỉ lấy ruộng nương làm kế sinh nhai. Khi đi kinh lý đất Nam Kỳ, có dịp cụ ghé thăm người bạn cũ. Khi gần đến nhà bạn, Cụ Phan cho quân lính dừng xe lại từ xa, thay áo mào cân đai bằng y phục thường dân rồi đi bộ vào căn nhà lá lụp xụp của bạn.

Khi cụ tới nhà, ông bạn đi làm ngoài đồng, không hay cụ đến, đến khi về nhà hai người gặp nhau mừng rỡ. Ông bạn lật đật dọn cơm, trên mâm chỉ có một đĩa rau luộc và một đĩa mắm kho. Cụ cùng bạn ngồi ăn ngon lành, vui vẻ như khi còn áo vải.

– Việc này nói lên chữ lễ trong tình bằng hữu, không phân biệt giai cấp hèn sang, không vì quyền cao chức trọng mà có thái độ, lời nói cao ngạo, hống hách, đó là “lấy lễ hòa người”. Vậy:

*“Lễ là cái phương châm tiếp xử  
Cho thế gian vinh dự sống đời  
Giữa người hội diện chiều mời*

*Tôn ti phải cách sáng ngời như phong.*<sup>1</sup>

• **Lỡ lầm lỗi phải ăn năn chịu thiệt**

– Là người còn đang mang xác phạm ô trược thì làm sao không có lúc phạm phải lỗi lầm! Nhưng khi lỡ lầm lỗi thì phải biết nhìn nhận lỗi mình để ăn năn, cải sửa, tự hứa với lòng mình là không tái phạm.

Ở đời không ai trọn lành, cũng không ai trọn dữ, khi đã lỡ lầm lỗi, thì phải phục thiện sửa sai. Có được vậy mới tiến bộ trên bước đường tu tập. Đức Khổng Tử có nói: *“Có lỗi mà không sửa đó mới thật là lỗi.”*

– Phần đông theo thói thường tâm lý con người khi phạm một điều sai trái, không dám đối mặt với trách nhiệm, tự lừa dối mình bằng cách viện cớ này cớ nọ để biện minh cho lỗi lầm đã gây ra.

Đối với người tu, nhất là hàng Hướng Đạo thì sự can đảm thẳng thắn nhìn nhận sai lầm của bản thân để sửa chữa là một đức tánh cần thiết trên đường luyện kỹ, hoàn thiện thân tâm như lời Kinh Sám Hối:

*“Người ở thế mấy ai khỏi lỗi*

*Biết lạc làm sám hối tội căn.”*

Sự ăn năn phục thiện sẽ nhận được sự cảm thông tha thứ và thương mến của Nhơn sanh, làm đẹp lòng các Đấng vì bản thân mình đã thể hiện được sự tu tiến.

– Đức Chí Tôn dạy:

*“Mỗi ngày phải xét qua mọi việc*

*Mỗi đêm thì cần biết việc làm*

---

1. Kinh Tam Thừa Chơn Giáo, bài “Bát Bửu”.

*Kiểm điểm tư tưởng tròn kham  
Việc làm lời nói lo toan đủ đầy  
Đừng vọng tưởng tà tây tội lỗi  
Cứ một lòng sám hối ăn năn  
Đừng cho vấp phạm lỗi lầm  
Mới là trong sạch cao thâm đạo Thầy  
Muốn được vậy hằng ngày tin tưởng  
Giữ quy điều liệu lượng hành xong  
Ngũ giới luật đạo nắm lòng  
Hiểu thông hành đúng, nên công khó gì.”<sup>2</sup>*

Tóm lại, điều quy là hàng rào gìn giữ phẩm chất đạo hạnh của người tín đồ Cao Đài, nhứt là hàng hướng đạo, là vòng kim cô chế ngự sự phóng túng dễ dãi của phàm tâm trên bước đường tu tập Tam công của người tín đồ Đại Đạo từ hạ thừa đến thượng thừa, xây dựng được nền tảng tâm đức, làm tiền đề thông suốt guồng máy phổ độ nhơn sanh, xiển dương chánh pháp, thực hành sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

– Giữ tròn Tứ đại điều quy chính là sự mở đường mạnh tiến trên đường tu tập theo lời dạy của Đức Lý Giáo Tông:

*“Một là học tập hy sinh  
Thành tài thi đậu giữ gìn bản căn  
Không cho ai phạm luật ban  
Không cho ai phạm những đàng bất minh  
Hai là mình sửa lấy mình  
Trường trai lãnh đạo nhơn sanh tam thừa  
Đề ra chỉ dẫn sớm trưa*

---

2. Thánh Huấn Hiệp Tuyển, quyển 1, bài 95: “Toa thuốc trường sanh”.

*Thuyền kiều rước khách cứu thừa phẩm non  
Ba là hành đạo chánh chơn  
Không phạm điều cấm chẳng hờn chúng sanh  
Thương nhau như thể em anh  
Thương nhau truyền đạo chỉ rành mỗi phương  
Bốn là đừng nhiễm tứ tường  
Ngũ giới, Đền Bát, chủ trương hiểu rành  
Tam Quy khá nhớ thi hành  
Cũng không phạm cả đàn anh chị người  
Năm là hành đạo vui tươi  
Tứ thời tịnh dưỡng tìm người giúp công.  
Vây thời mới tánh đại đồng,  
Biết thương nhân loại, biết mong Đạo thành.”<sup>3</sup>*

---

3. Thánh Huấn Hiệp Tuyển, quyển 1, bài 49: “Năm điều hy sinh căn bản”.

---

## THÁNH GIÁO

Rượu phạm tục hóa thành tiên tửu,  
Quả hồng trần hội đủ khí âm dương,  
Nước thánh trong đã sẵn chất thanh lương,  
Ban cho trẻ trên đường tu tiến đức.  
Con hãy nhớ đạo lý thường nhật nhứt,  
Tình thương là phương thức tạo nhân hòa,  
Có nhân hòa thiên hạ âu ca,  
Thuận lẽ Đạo, Trời Già đâu có phụ.  
*Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý  
01-01 Bính Thìn (30-01-1976).*



# TỨ ĐẠI ĐIỀU QUY

## *Món báu của người tu*

Kim Sơn

Tân Luật Cao Đài buộc người tín đồ sau khi nhập môn phải giữ Ngũ Giới Cấm, Tứ Đại Điều Quy và Thánh ngôn về Sự Thương Yêu. Đây là ba món báu mà người tu phải trân trọng giữ gìn, trong đó Tứ Đại Điều Quy là khuôn vàng thước ngọc giúp cho người tín đồ Cao Đài, nhất là bậc thượng thừa, căn cứ vào đó mà giữ mình, tránh phạm sai lầm, để hoàn hảo hóa bản thân, tự rèn luyện mình trở thành hiền nhân thánh thiện.

Tứ Đại Điều Quy có nguồn gốc từ đạo Minh Sư bên Tàu do ông Thương Châu Tử soạn ra để người tu noi theo đó trau dồi đạo hạnh. Sang Tam Kỳ Phổ Độ, xét thấy Tứ Đại Điều Quy về mặt giá trị rất hữu ích cho chư môn đệ Cao Đài nên Đức Chí Tôn dạy chư vị tiên khai Đại Đạo giữ lại trong Tân luật của đạo Cao Đài. Và ở phần “Đạo pháp”, chương V, điều thứ hai mươi hai của Tân Luật có ghi rõ bốn Quy tắc lớn này.

Trong phạm vi bài viết này, xin được học tập điều Quy thứ nhất như sau:

*“Phải tuân lời dạy của Bề Trên, chẳng hổ chịu cho bực thấp hơn điều độ.*

*Lấy lễ hòa người, lỗi lầm lỗi phải ăn năn chịu thiệt.”*

## 1. Phải tuân lời dạy của BỀ TRÊN, chẳng hổ chịu cho bậc thấp hơn điều độ

BỀ TRÊN ở đây gồm có BỀ TRÊN vô vi và BỀ TRÊN hữu hình. BỀ TRÊN vô vi gồm có Thầy Mẹ và các Đấng Thiêng Liêng là chư Phật, Tiên, Thánh, Thần. Còn BỀ TRÊN hữu hình là Hội Thánh, các chức sắc, chức việc, lãnh đạo của Thánh sở Cao Đài bao gồm Thánh thất, Thánh tịnh, Cơ quan Đạo.

BỀ TRÊN hữu hình còn là ông bà cha mẹ anh chị trong gia đình, thầy cô giáo nơi trường học, và ban lãnh đạo nơi làm việc mà chúng ta phải vâng lời để trở thành con ngoan, trò giỏi và người nhân viên gương mẫu.

Tuân lời dạy của BỀ TRÊN vô vi là làm theo Thánh ngôn, Thánh giáo, lấy Thánh ngôn Thánh giáo làm kim chỉ nam cho mọi tư tưởng và hành động, vì đó là chân lý dạy chúng ta điều hay lẽ phải, giúp chúng ta sống đúng đạo lý để trở thành người thuần lương đạo đức. Tuân lời dạy của BỀ TRÊN vô vi còn có nghĩa là chấp hành nghiêm chỉnh Tân luật Pháp Chánh Truyền để giữ vững chơn truyền của nền chánh giáo, giữ gìn cho cơ đạo khỏi bị quy phạm.

Tuân lời dạy của BỀ TRÊN vô vi là thể hiện đức tin mạnh mẽ của người tín đồ Cao Đài vào Thầy vào Đạo, vì có tin tưởng thì mới nghe theo lời dạy của các Đấng và chấp hành nghiêm chỉnh luật Đạo.

Còn tuân lời dạy của BỀ TRÊN hữu hình là biết phục tùng tổ chức, và nghe lời khuyên bảo, hướng dẫn của bậc hướng đạo đàn anh. Khi được giao nhiệm vụ thì phải khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Ngược lại, các chức sắc, chức việc, các vị lãnh đạo Thánh sở trong khi thi hành sứ mạng Thiên ban cũng phải biết lắng nghe ý kiến của bậc thấp hơn là đạo hữu nói chung và những người

cộng sự ở cấp dưới hoặc những người nhỏ tuổi hơn nhắc nhở, góp ý một cách đúng đắn và hợp lý; không nên sĩ diện, không vì tự ái mà tranh cãi với họ, để ngoài tai những lời phê phán đúng lẽ phải, mà trái lại phải tự kiểm điểm bản thân để nhận ra những điều mình đã làm sai hầu điều chỉnh sửa đổi lại cho đúng.

Làm được như vậy là bậc Bề Trên hữu hình thực hiện được đức khiêm tốn, biết phục thiện, dẹp bỏ cái ta mà hạ mình để học những điều hay lẽ phải của cấp thấp hơn hoặc nhỏ tuổi hơn mình, nhờ đó mà hoàn thiện hóa bản thân trở nên người hướng đạo tốt, hành đạo đúng theo đường lối “Vị nhen sanh” của Đại Đạo.

Ông bà ta thường nói: “Nhân vô thập toàn”. Do đó con người phải luôn luôn học hỏi nơi người khác, kể cả người nhỏ hơn mình. Đừng mắc cỡ, tự ái khi cấp dưới hoặc người nhỏ tuổi hơn chỉ cho mình những điều mình chưa biết hay thiếu sót.

Đức Khổng Tử lúc sanh thời là thầy của các bậc trí thức thời bấy giờ, mà vẫn khiêm tốn học hỏi thần đồng Hạng Thác là một cậu bé nhỏ tuổi hơn Ngài rất nhiều.

Đức Chí Tôn có dạy về đức khiêm tốn như sau:

*“Thầy dạy con, khiêm nhường đức tánh,  
Đức tánh này là hạnh chơn tu;  
Các con nam nữ cần âu,  
Trau dồi tánh đức, nhớ câu “hạ mình”.  
Con hạ mình, liên tình rất dễ,  
Con tự cao, huynh đệ chinh lòng,  
Đạo gần đến mức thành công,  
Nên Thầy nhắc trẻ hành xong đức này.”<sup>1</sup>*

---

1. Thánh Huấn Hiệp Tuyển, quyển 2, bài “Gương hạ mình”.

Hạ mình để học hỏi sẽ làm cho kiến thức và phẩm hạnh mình được nâng cao, trái lại tự cao tự đại sẽ làm cho mình trở nên thấp kém vì sự thiếu hiểu biết của mình.

“Tuân lời dạy của Bề Trên” là cấp dưới thực hiện được đức vâng lời đối với Bề Trên và biết sống khép mình trong kỷ luật đạo làm cho cửa đạo được yên vui trật tự. “Chẳng hổ chịu cho bậc thấp hơn điều độ” là người hướng đạo biết tôn trọng ý kiến của nhơn sanh và giữ được hạnh khiêm tốn làm cho nhơn sanh gần gũi với đạo và đến với đạo dễ dàng.

Một tập thể đạo mà nơi đó cấp dưới biết vâng lời Bề Trên, trật tự kỷ cương được giữ vững và có bậc lãnh đạo tài đức vẹn toàn, khiêm tốn, không kiêu căng tự phụ, không xem thường cấp dưới sẽ là nơi mà người tín hữu Cao Đài cảm thấy vui vẻ và thật sự hạnh phúc mỗi khi đến đó để tu học hành đạo vì có cảm tưởng thật sự gần gũi trong tình thương yêu huynh đệ dưới một mái nhà chung.

2. Lấy lễ hòa người, lờ lảm lỏi phải ăn năn chịu thiệt  
Lễ là trật tự, phép tắc, luật lệ mà con người phải tuân theo. Lễ là sự đúng đắn, đúng mực, đúng phép tắc trong thái độ, hành vi và cách cư xử với mọi người.

Công dụng của Lễ rất lớn. Lễ định thân sơ, phân lớn nhỏ. Nếu con người mà có lễ với nhau thì dứt thị phi hiềm khích. Giàu sang mà có lễ thì không kiêu căng ức hiếp kẻ nghèo, người nghèo có lễ thì chí kiên định không vì thấy của cải mà phạm tội. Đấng quân tử có lễ thì ngoài êm, trong không oán với nhau, xã hội sẽ thịnh trị.<sup>2</sup>

---

2. Theo lời giảng giải của Ngài Minh Thiện về chữ Lễ trong quyển “Nhị Thập Tứ Điều”, Minh Lý Thánh Hội.

Kinh Thi nói:

*“Lễ là món báu giữ theo mình,  
Hoạn họa bằng non cũng hết sanh,  
Biết đạo làm người tua phục lễ,  
Sửa mình dạy chúng học gương lành.”*

Khi mọi người cùng lấy lễ mà đối xử với nhau sẽ đem đến cho nhau sự đồng cảm, trân trọng lẫn nhau, sẵn sàng tương thân tương trợ giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Lễ xua tan mọi hiềm khích đem đến sự hòa ái yêu thương. Lấy lễ hòa người sẽ tạo một khối đại đoàn kết vững mạnh trong đó mọi người thương yêu nhau, thông cảm nhau, dẹp bỏ những dị biệt mà hợp quần, nương vào nhau để tiến bước, người giỏi giúp người yếu kém hơn mình hoàn thành công việc, người dở thì học hỏi người giỏi hơn mình để bắt kịp đà tiến hóa. Tất cả cùng chung tay góp sức hoàn thành đại nghiệp.

Trong cửa đạo nếu mọi người giữ được chữ lễ sẽ mang đến sự hòa ái cho môi trường đạo, làm cho tập thể đạo trở nên đoàn kết, vững mạnh, tạo niềm tin cho người ngoài đạo, làm cho họ đến với đạo dễ dàng, từ đó mỗi đạo được phát triển rộng khắp, cây đạo được sum sê.

Đức Đông Thắng Chơn Như có dạy như sau:

*“Hòa có được an bang tế thế,  
Hòa có rồi huynh đệ mới thương,  
Hòa rồi chung bước một đường,  
Hòa xây dựng đạo hoằng dương giúp đời.*

*(...)*

*Hòa xây dựng huy hoàng đạo nghiệp,  
Khắp đó đây chung tiếp nhiều tay,*

*Kẻ xây ngườì dựng Đạo Thầy,  
Mới mong thấy được một ngày vinh quang.”<sup>3</sup>*

Có hòa thì đất nước an lạc thái bình, có hòa thì huynh đệ mới thương yêu nhau, cùng chung bước một đường để hồng dương Đại Đạo.

### **Lỡ lầm lỗi phải ăn năn chịu thiệt**

Sống ở chốn trần gian đầy gian nan thử thách, mạnh được yếu thua thì việc phạm lỗi là điều khó tránh khỏi.

Kinh Sám Hối có câu:

*“Người ở thế mấy ai khỏi lỗi,  
Biết lạc làm sám hối tội căn,  
Tu tâm sửa tánh ăn năn,  
Ba giềng nắm chặt, năm hằng chớ rời.”*

Vì vậy khi lỡ phạm lỗi thì thành thật nhận lỗi, ăn năn hối cải, quyết tâm sửa chữa sai lầm và từ bỏ không tái phạm nữa.

Người làm lỗi nếu thật lòng hối cải, đoạn bỏ lỗi lầm sẽ được Đức Chí Tôn xá tội.

Ngài có dạy như sau:

*“Con hồi tưởng tình khuây cơn mộng,  
Thầy sẵn sàng tha bổng tội xưa,  
Miễn sao con trẻ đoạn chừa,  
Xét mình cải hối sớm trưa thật lòng.”*

## **KẾT LUẬN**

Điều quy thứ nhất của Tứ Đại Điều Quy dạy người tín đồ Cao Đài những điều hết sức căn bản và cần thiết cho việc sống đạo

---

3. Cao Thượng Bửu Tòa, 18-8 Bính Ngũ (02-10-1966).

như buộc người tín đồ Cao Đài phải giữ đức vâng lời, sống có kỷ cương phép tắc; bậc hướng đạo phải có đức khiêm tốn, biết nghe lời góp ý đúng đắn và hợp lý của bậc thấp hơn để sửa đổi bản thân trở nên người hướng đạo tốt làm gương cho mọi người noi theo.

Người tu phải biết lấy lễ mà đối xử với nhau để đem đến cho môi trường đạo sự hòa ái yêu thương làm cho tập thể đạo trở nên đoàn kết vững mạnh; phải sống trung thực biết thành thật nhận lỗi, ăn năn tội và giữ mình để không tái phạm nữa, phải biết phục thiện để hướng thiện hầu trau dồi bản thân trở nên người tín đồ Cao Đài thuần lương đạo đức.

Thực hành điều quy thứ nhất của Tứ Đại Điều Quy, người tín đồ Cao Đài học và làm theo Thánh ngôn Thánh giáo để sống đúng đạo lý; tuân theo luật Đạo và nội quy của thánh sở; tập bỏ lần lần tánh ích kỷ nhỏ nhen, điều chỉnh lời nói không hay hoặc những tư tưởng không tốt để không làm tổn hại đến người khác; giữ chữ lễ để sống hòa ái với tất cả mọi người; thành thật nhận lỗi khi được đồng đạo chỉ giúp, sửa lỗi và cương quyết không tái phạm.

---

## THÁNH GIÁO

Con có thánh tâm sẽ có Thầy,  
Thầy là Cha cả của Đông Tây,  
Tây Đông dầu biết hay không biết,  
Thì đức háo sanh cũng thế này.

*Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý*

*15-01 Đinh Tỵ (04-3-1977).*

# ***Thượng Đế có tạo ra điều ác không?***

## **Câu trả lời ai cũng biết nhưng lại không thừa nhận**

Thiện Chí sưu tầm

[...] Trong một lần giảng bài trên lớp, một vị giáo sư hỏi các sinh viên:

- Có phải mọi thứ trên đời này đều do Thượng Đế tạo ra không?

Một sinh viên đứng dậy và trả lời:

- Vâng, đúng ạ.

Vị giáo sư hỏi tiếp:

- Nếu Thượng Đế tạo ra tất cả mọi thứ, điều đó có nghĩa Thượng Đế cũng tạo ra cả cái ác. Nếu chiếu theo nguyên tắc: Những việc chúng ta làm sẽ xác định chúng ta là ai, vậy Thượng Đế cũng là kẻ ác phải không?

Cả lớp im lặng sau khi nghe điều này. Vị giáo sư rất vui mừng khi một lần nữa ông lại chứng minh được rằng Thượng Đế có lẽ chỉ hiện diện trong thần thoại.

Tuy nhiên chỉ ít phút sau, một sinh viên khác đứng dậy và nói:

- Thưa giáo sư, em có thể hỏi thầy một câu được không ạ?



Vị giáo sư đáp:

- Tất nhiên rồi.

Cậu sinh viên hỏi:

- Thưa giáo sư, cái lạnh có tồn tại không ạ?

- Tất nhiên là có. Chẳng lẽ cậu chưa bao giờ thấy lạnh sao chàng trai? – vị giáo sư hỏi vặn lại cậu sinh viên.

Trong lớp bỗng bật lên những tràng cười không ngớt và tiếng xì xào bàn tán.

Nghe câu trả lời từ giáo sư, cậu sinh viên từ tốn nói:

- Thưa thầy, thực ra cái lạnh không hề tồn tại. Theo định luật vật lý thì chúng ta chỉ nghĩ về cái lạnh khi chúng ta không thấy có nhiệt. Khi nhiệt độ xuống đến 0 độ, đó là lúc thực sự không có nhiệt. Vậy chúng ta tạo ra từ “lạnh” là để diễn tả trạng thái không có nhiệt.

Cậu sinh viên này tiếp tục đặt ra một câu hỏi khác:

- Thưa thầy, bóng tối có tồn tại không ạ?

- Tất nhiên là có rồi.

Một lần nữa, cậu sinh viên lại trả lời:

- Thưa thầy, thầy lại sai rồi. Bóng tối thực sự không tồn tại. Đó chỉ là trạng thái không có ánh sáng. Chúng ta chỉ có thể nghiên cứu về ánh sáng mà không nghiên cứu về bóng tối. Theo định luật Newton, chúng ta có thể nghiên cứu về ánh sáng trắng và phát triển nó thành nhiều màu khác nhau nhưng chúng ta không thể đo lường được mức độ tối của bóng tối. Làm thế nào để chúng ta có thể đo được lượng bóng tối trong một không gian nhất định? Bóng tối chỉ là cụm từ được sử dụng để mô tả việc thiếu ánh sáng mà thôi.

Cuối cùng, cậu sinh viên hỏi:

- Thưa giáo sư, vậy thì cái ác có tồn tại không?

Vị giáo sư trả lời:

- Có, tất nhiên cái ác có tồn tại. Không những thế, chúng ta còn thấy nó đang hiện diện trong cuộc sống hằng ngày. Tội phạm, bạo lực xảy ra trên toàn thế giới chính là ví dụ về cái ác.

Một lần nữa, cậu sinh viên vừa lắc đầu vừa mỉm cười:

- Không phải vậy thưa giáo sư. Cái ác tự nó không tồn tại, mà đó chỉ là sự thiếu vắng cái thiện. Thượng Đế không tạo ra điều ác, điều ác chính là kết quả của việc trái tim con người không còn



*Nhờ có niềm tin vào Phật, bạn đã có một đời an lạc. Vậy bạn đã được gì và mất gì? (Ảnh dẫn theo tinhhoa.net)*

lượng thiện. Nó giống như cái lạnh sẽ đến khi không có nhiệt hoặc bóng tối sẽ đến khi không còn ánh sáng nữa.

Có lẽ, điều mà vị giáo sư trong câu chuyện ở trên ngờ vực, cũng là nỗi nghi hoặc của rất nhiều người trên thế gian này. Tuy nhiên, câu trả lời hết sức đơn giản nhưng cũng cực kỳ thông minh của cậu học trò đã giải khai cho những điều thắc mắc ấy.

Vậy, có bao giờ bạn từng suy nghĩ, nếu bạn tin vào Thượng đế và Thần Phật, và Họ không tồn tại, bạn sẽ mất những gì? Còn nếu như Thượng đế, Thần Phật thật sự có tồn tại, nhưng bạn lại phỉ báng Họ, bạn sẽ mất những gì?

Đối với mỗi người trong chúng ta, bất kể là có tin Thượng đế, Thần Phật hay không thì đều biết rằng Thượng đế, Thần Phật là lượng thiện, là từ bi và luôn bảo hộ chúng sinh. Ý chỉ của Phật là giáo huấn con người sống lương thiện, chân thành và khoan dung. Mọi người khi gặp nạn đều khẩn cầu Thượng đế, Thần Phật phù hộ.

Người có lòng tin vào Đấng tối cao và Thần Phật thường là người lương thiện, trong tâm họ luôn chứa đựng những lời dạy bảo và ý chỉ của Phật. Họ luôn luôn vui vẻ, bao dung và biết ơn. Họ tin rằng thiện ác hữu báo nên họ không làm điều ác, tôn sùng điều thiện và hòa ái, chân thành; như vậy không tốt sao?

Và bởi vì người ta không tin vào sự tồn tại của Đức Phật, không tin vào thiện ác hữu báo, nên họ dám làm bất kỳ điều gì để đạt được danh lợi cho mình, không có đạo đức để ước thúc tâm mình. [...]

NGUỒN: HANHHODAO (INTERNET)

VIẾT NGẮN 17

# *Của tiếng hát không lời*

Bửu Long

[*Bài viết có sử dụng thơ của TTKH và KCX*]



Một căn nhà nhỏ như thảo am. Con suối bên cạnh chẳng bao giờ ngưng tiếng hát, dâng tặng khu rừng nhỏ hoang vắng những âm thanh dịu dàng như hơi thở của sương núi. Nhạc khúc hòa tấu với âm sắc đơn sơ diễm ảo ấy, vẫn nhường chút hòa âm cho tiếng lá rơi, thi thoảng khúc sáo chim hót, và lời ngân nga rất khê của một bà lão. Bà lão ca sĩ.

Đúng hơn, là đã từng. Hồi đó, bà là một ca sĩ thực sự. Dù chỉ thường có hai đối tượng lắng nghe: Trái tim bà, và tâm hồn một người.

*Người ấy thường hay ngắm*

*Lạnh lòng*

*Dải đường xa vút*

*Bóng chiều phong*

Chồng bà là một người cũng võ vẽ cầm đàn, Nhưng ông chưa bao giờ biết nghe khi bà hát. Nhưng, có một người.

Tiếng hát bà khi đó vút cao như trên đời này không có tồn tại hai chữ âm vực. Lá vàng chực muốn lại xanh, hạt mưa mong dừng lại giữa lưng chừng rơi, giọt sương mai náu chặt tay lá cỏ, và người ấy chực không bận lòng thở nữa, để cùng lắng nghe, với trái tim bà (lúc đó là cô).

*Và phương trời thăm*

*Mờ sương cát*

*Tay vít dây hoa*

*Trắng chạnh lòng*

Tiếng hát năm nào, như lạc lõng trong một ngôi nhà thiếu sự chia sẻ, thiếu sự đồng cảm. Chồng bà không thích một âm thanh nào từ bà, nên tiếng hát chỉ làm bạn với những sao khuya, những hơi thở của gió giữa đêm sâu. Lạc lõng, nhưng tiếng hát ấy chưa hề cô đơn.

Lúc ấy bà còn ở phố thị. Gót kinh thành không để lại gì lưu luyến. Trừ một đôi mắt đã xưa. Người ấy là một người bạn hồi đi học. Hai đứa học chung một trường, lớn lên cùng nhau, nhưng cùng nhút nhát với số phận, nên chỉ nhận ra nhau khi mọi thứ đã an bài.

*Hồn nhiên*

*Xanh vắt một thời*

*Nỡ ai mang khói*

*Nhuộm trời mắt em*

Thi thoảng, họ gặp nhau trong cùng một nhạc khúc, nàng hát trong tiếng đàn của chàng, và những âm thanh đó giờ vẫn còn lưu giữ trong tâm hồn bà.

*Tôi nhớ lời người  
Đã bảo tôi  
Một mùa thu  
Trước rất xa xôi  
Đến nay tôi hiểu thì  
Tôi đã  
Làm lỡ tình  
Duyên cũ mất rồi*

Người ta trốn nỗi buồn vào một góc đời. Bà lại thường trốn nỗi buồn vào tiếng hát mình. Có khi bà vào rừng vừa hát, vừa hét như một tiếng hú. Có khi bà tựa vào một cơn mưa như để giấu âm thanh, dù chồng bà đã khuất bóng mấy năm nay. Lúc, bà ngân nga như một tiếng giun để nỉ non, tiếng côn trùng rên rĩ. Lúc, bà hát bằng một ánh mắt ngược nhìn đóa sương mây màu xanh đang buồn rơi xuống thấp. Tiếng hát có khi chỉ là chút hồn nhớ không lời, bà vẫn tin người bạn năm xưa còn lắng nghe đâu đây.

*Hòn ai nước mắt chực tuôn  
Khép luôn cánh cửa  
Để buồn ở trong  
Xô anh  
Ra khỏi cõi lòng  
Quay lưng quệt vội  
Đôi dòng lệ buông*

Không thích những nhện nhện của phồn hoa, bà đã mua cả khu rừng nhỏ này, bên cạnh con suối vắng. Tình khúc xưa, giờ hóa thân vào những tình khúc thiên nhiên. Ánh mắt ngày nào, giờ là những vì sao khuya, một vầng trăng đêm, vẫn luôn dõi theo từng tiếng bà hát, dù có khi chỉ thầm thì. Tiếng đã khàn, giọng

ngân đã yếu. Nhưng cao độ như vẫn nguyên vẹn giữa bão táp thời gian. Và một thứ cứ mãi mãi thơ trẻ, như một đặc sản riêng tư của vùng miền này: Tâm hồn của bà, và những chiếc bóng thoáng qua.

*Mệnh mang trăng tà*

*Ngày tới*

*Cố bước tiếp cho đời vui*

*Có ai thoáng qua*

*Đời tôi*

Ngày xưa, Du Bá Nha bẻ gãy dao cầm khi nghe Chung Tử Kỳ khuất núi. Cái nghĩa tri âm ngàn lần nặng hơn tình yêu cây đàn yêu quý. Nên dù ngàn năm, từ lúc “Ty đồng khinh thảo lộng/ Lưu thủy ngộ tri âm”, thì bây giờ, tiếng tơ đồng có khi rất khẽ, vẫn bàng bạc trong lòng bà lão ca sĩ một ánh mắt tri âm. Bẻ cây đàn, nhưng có ai bẻ được thời gian để tìm về dĩ vãng.

*Mà từng thu chết*

*Từng thu chết*

*Vẫn giấu trong tim*

*Bóng một người*

Nhiều năm rồi, như nhiều năm đã trôi theo dòng suối vắng, bà vẫn hát, như cô gái vẫn hát những ngày thơ mộng. Bà tìm trong những thời thiền giữa hoang vu thế gian, những rộn ràng riêng tư mà rất bình an ngay giữa con tim mình. Trong cõi vắng vẻ ấy, dường như chưa bao giờ vắng đi những tiếng hát, và một trái tim lắng nghe.

Có thể bà sẽ tìm ra một cái không thực sự giữa những cái không luôn vấn vương cả đời mình, cái không-có-cả-cái-không.

Vì tâm hồn bà, đã thảnh thơi thần tiên, vẫn mặc định vào những mặc nhiên, biết bao rung động tri kỷ từ những tiếng hát, của hôm nay, của ngày đã xa... dù có lời hay chỉ là im lặng.

ĐỌC BÁO

# Vùng đất 900 năm không có ai mắc ung thư

V.T. sưu tầm

Bộ tộc Hunzas có khoảng 30.000 người, sống dọc theo dãy núi Himalaya ở mũi phía bắc của Ấn Độ. Họ sống trong một thung lũng tách biệt với thế giới bên ngoài, ở độ cao 3.000 m so với mặt nước biển.



*Hunzas là bộ tộc có nhiều người sống thọ, tuổi thọ trung bình ở đây là 120.*



Ở đó, khoảng cách cha con có thể lên tới 90 tuổi. 100 tuổi vẫn được coi ở độ tuổi trưởng thành, phụ nữ 80 tuổi trông trẻ như mới ngoài 40. Những cụ ông, cụ bà 130 tuổi vẫn lao động hăng say và nhiều người sống tới 145 tuổi.

Người Hunzas có sức khỏe rất tốt, miễn nhiễm với các căn bệnh đương đại như béo phì, tim mạch, tiểu đường ... Đặc biệt, trong suốt 900 năm qua, nơi đây không ai mắc ung thư. Vậy bí quyết của họ là gì?

Ăn uống thanh đạm, 2 bữa/ngày

Triết lý ăn uống của người Hunzas là “Hãy coi thức ăn là thuốc tốt nhất”. Chế độ ăn của bộ tộc này tương tự như chế độ ăn kiêng



*Bữa ăn thanh đạm chủ yếu là các loại hạt, rau quả và bánh từ bột chưa tinh chế*

của Hippocrates, cha đẻ của y học hiện đại, người đã sống hơn 2000 năm trước ở Hy Lạp cổ đại.

Người dân nơi đây ăn uống thanh đạm, do tác động lớn của điều kiện khí hậu và địa lý. Mọi người chỉ ăn 2 bữa/ngày, bữa đầu vào lúc 12h trưa.

Trong khi đó, người dân thường dậy từ rất sớm để làm việc chăm chỉ và tiêu tốn nhiều calo. Điều này khác biệt hoàn toàn với các khuyến cáo về tầm quan trọng của bữa sáng thịnh soạn.

Không giống như hầu hết chúng ta, người Hunzas ăn uống chủ yếu để đủ duy trì sức khỏe hơn là thỏa mãn vị giác.

Bữa ăn không quá cầu kỳ mà sử dụng hoàn toàn các thực phẩm tự nhiên bao gồm trái cây, rau quả như cà rốt, củ cải, rau



*Cách ăn uống gần với thiên nhiên chính là một trong những bí quyết giúp người Hunzas phòng chống ung thư.*

chân vịt, bí, rau diếp, táo, lê, đào, mơ, mâm xôi... cùng các loại ngũ cốc lúa mạch, kê và lúa mì... Trong đó rau củ chủ yếu ăn sống hoặc chần sơ.

Mọi thứ đều tươi, sạch nhất có thể, không qua chu trình bảo quản phức tạp. Trong khu vườn của người Hunzas, không có bất kỳ hóa chất, phân bón nào, nếu sử dụng sẽ bị coi là chống lại luật của Hunzas.

Người Hunzas chỉ ăn thịt trong những dịp đặc biệt quan trọng như đám cưới hay lễ hội, và mỗi người chỉ dùng 1 miếng nhỏ.

Họ cũng ăn nhiều sữa chua. Các loại hạt như hạnh nhân, óc chó... thường chiếm phần lớn trong bữa ăn bên cạnh loại bánh mì đặc biệt làm từ lúa mì, hạt kê, kiều mạch, lúa mạch chưa qua tinh



*Hơn 100 tuổi, nhiều người Hunzas vẫn lao động say mê mỗi ngày.*

chế. Hằng ngày, người Hunzas uống nước tan chảy từ các dòng sông băng, thứ nước có nhiều khoáng chất có lợi cho cơ thể.

Nghiên cứu của các bác sĩ tại Pakistan cho thấy đàn ông Hunzas trưởng thành chỉ tiêu thụ 1.900 calo, 50g protein, 36g chất béo và 354g carbohydrate mỗi ngày, chủ yếu từ các nguồn protein và chất béo có nguồn gốc thực vật. So với người phương Tây, lượng protein chỉ bằng 1/2, lượng calo và carbohydrate bằng 1/3.

### Ngủ từ chập tối

Người Hunzas thường đi ngủ từ chập tối và bắt đầu dậy làm việc từ lúc 5h sáng với tốc độ ổn định, tránh bị kiệt sức. Một phần ngủ sớm vì họ không có điện, dầu, phần vì muốn hấp thụ ánh sáng mặt trời, hòa nhập với thiên nhiên.



*Người dân nơi đây đều đi bộ 15-20km mỗi ngày.*

Đi bộ, tập thể dục hằng ngày

Một yếu tố khiến người Hunzas dẻo dai là hằng ngày dành nhiều giờ đi bộ 15–20km dọc theo các con đường núi dốc. Họ coi đây là bài tập thể dục để tận dụng không khí thanh khiết.

Ngoài tập thể dục hằng ngày, người Hunzas còn thực hành một số kỹ thuật yoga cơ bản, đặc biệt là thở yoga theo phương thức chậm, sâu, sử dụng toàn bộ khoang ngực.

Đây là phương pháp thư giãn tuyệt vời, là chìa khóa của sức khỏe.

Ăn uống tự nhiên và lối sống lành mạnh là tất cả những gì để người Hunzas không stress, khỏe mạnh, không mắc ung thư, sống thọ và hạnh phúc.

THEO MINH ANH • VIETNAMNET

---

## THÁNH GIÁO

Thánh tâm làm nên vương đạo. Thánh tâm hay vương đạo đều có ở lòng mọi người, lòng các con. Nếu có được hay chưa được thì cơ biến diễn Thiên địa tuần hoàn châu nhi rồi phục thí. Cõi đời an lạc lâu hay mau đều tùy theo lòng giác ngộ của vạn linh. Biết thế, các con hãy thương yêu dịu dặt nâng đỡ nhau trên đường Đại Đạo. Thầy có dạy các con: “Không thương được kẻ ghét con thì không gần được Thầy.” Các con muốn gần Thầy, hiệp cùng Thầy, thì bỏ lòng thương ghét, lấp nẻo thị phi, đoạn dứt nhân quả. Bao nhiêu đó làm cho tánh Đạo các con sáng ngời. Các con sẽ hóa giải mọi khó khăn khổ não để hiệp cùng Thầy.

*Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý*

*15-01 Đinh Tỵ (04-3-1977).*

VỌNG CỔ

# *Chân hạnh phúc*

Đạt Thật

THƠ

Người đầu Nam Bắc với Tây Đông,  
Ranh giới tuy rằng khác núi sông,  
Ham sống yêu đời trong hạnh phúc,  
Xét ra khắp cả cũng chung đồng.<sup>1</sup>

LÝ MỸ HUNG

Đời vui tươi hồng ước mơ xây đời,  
Thiên nhiên sẵn dành cho thế trần bức tranh tuyệt vời.  
Hằng mong tình thương vĩnh cửu đến cùng khắp nơi,  
Cho cả muôn loài không của một ai.  
Chúng sanh an lành sống trong niềm vui hạnh phúc,  
Góp công vun trồng cho vẹn nghĩa tình đồng nhân.  
Thế gian không còn cách ngăn vàng đen hay trắng,  
Sống trong tinh thần xây dựng bảo tồn cùng nhau.

VỌNG CỔ

1. Hạnh phúc không phải do nơi giàu sang danh vọng hay trong  
lầu vàng gác ngọc, tự tại thung dung rửa sạch ưu tư tinh thần

---

1. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Tân Hợi (10-02-1971).



minh hẳn mới thật là đem hạnh phúc... xây... đời.

Nhật nguyệt vẫn xoay không đổi không đời.

Trái lòng từ thiện giúp đỡ tha nhân, tâm hồn khoan khoái mát mẻ yên vui.

An ủi đồng môn khi gặp khảo đảo, dẫn dắt nhân sanh biết Thầy hiểu Đạo.

Thực hiện được những điều đạo lý đó, là hưởng được giá trị của chân hạnh phúc.

## THƠ

*Đời đạo đức hoàn toàn biết mấy,*

*Hạnh phúc thay đầy dẫy tình thương,*

*Nhân sanh thoát kiếp vô thường,*

*Sanh, đau, già, chết khỏi vương khổ sầu.<sup>2</sup>*

2. Hạnh phúc không phải từ cõi vô hình rớt xuống, hay do Thiênג Liêng ban bố cho mình.

Vong kỷ vị tha trọng nghĩa trọng tình.

Lo cho chúng sanh nhân quần xã hội, trường học, nhà ở, áo ấm, cơm no.

Đó là nguồn hạnh phúc của tha nhân, cũng chính là hạnh phúc của chúng ta.

Vĩnh cửu trường tồn bất di bất dịch, mưa cũng không lạt, nắng cũng không phai.

## THƠ

*Màu da chó nghĩ người đen trắng,*

---

2. Đức Thánh Trần Hưng Đạo, kinh văn Quẻ Kiền.

*Sắc tóc đừng phân kẻ đố huyênh,  
Xây dựng đại đồng gầy hạnh phúc,  
Rung chuông cảnh tỉnh tạo thanh bình.<sup>3</sup>*

## VỌNG CỔ

5. Chân hạnh phúc của đời người đâu phải do nơi vật chất hữu thể sung mãn, làm nhiều việc thiện tạo thêm công đức đem lại niềm vui phơi phới... tâm... hồn.

Giữ dạ vô tư khiêm tốn ôn tồn.

Lòng không phân biệt quốc gia chủng tộc, cương thổ vùng miền, sắc tóc màu da.

Chúng ta là con chung của Đức Thượng Đế, và được sinh ra từ một nguồn cội.

Góp tay xây dựng hòa bình thế giới, đắp bồi hạnh phúc dân sinh cộng đồng.

## LÝ ĐÊM TRĂNG

Người người hạnh phúc, muôn trái tim cùng một nhịp sống, cảnh thiên nhiên hòa trong thái bình, cuộc đời vui chứa chan ân tình.

Hãy thương yêu, gia đình xóm làng bình an,

Thế gian lập đời Thánh đức, khúc yêu thương thấm tình quê hương,

Là ngày muôn dân chung sống trong hòa bình hạnh phúc,

Cả non sông bừng lên ánh hồng,

Đời Thượng ngươn khắp nơi chung đồng,

---

3. Nhạc Đạo Hành Ca, tr. 42.



Đời an vui dưới trên chung lòng.

(Trở về vọng cổ)

6. Bốn biển năm châu ngập tràn hạnh phúc, cuộc sống thanh cao  
trong cảnh thanh bình.

*Khắp thế giới đâu là hạnh phúc,*

*Chỗ thương yêu hòa mục đại đồng,*

*Của nào chẳng phải của công,*

*Người nào chẳng phải người trong một nhà.<sup>4</sup>*

Ngọc Điện Huỳnh Hà, 27-5 Đinh Dậu (21-6-2017)

---

4. Kinh văn Quê Đồng Nhon.



Minh họa: Cọ Trắng

# TRANG GIA CHÁNH

Hồng Tuyết

## Cơm hạt sen tay cầm

Nguyên liệu cho 1 tay cầm đất khoảng 2 người ăn:

- 100g hạt sen tươi
- 1 miếng đậu hũ chiên (cắt hạt lựu)
- 100g nấm bào ngư loại nhỏ (hoặc nấm rơm)
- 6 tai nấm hương
- 1 củ cà rốt
- 5 trái đậu que
- 1 tay cầm hay nồi đất nhỏ
- Gia vị: dầu ăn, hạt nêm và nước tương
- 1/3 lon (sữa bò) gạo loại ít dẻo

### CÁCH LÀM

Hạt sen rửa sạch luộc chín, vớt ra, dùng nước luộc hạt sen nấu cơm.

Xào nhân:

Nấm hương ngâm mềm xả sạch cắt sợi. Cà rốt bào vỏ, rửa sạch, cắt hạt lựu nhỏ, đậu que cắt khoanh nhỏ, nấm bào ngư rửa sạch vắt ráo nước, xé sợi nhỏ.

Bắc chảo lên cho 2 muỗng súp dầu ăn vào, dầu nóng, cho tỏi băm nhỏ vào xào cho thơm, cho cà rốt, đậu que vào xào, tiếp theo cho nấm hương, nấm bào ngư xào chín, kế cho đậu hũ vào, nêm 2 muỗng súp nước tương và 1 muỗng súp hạt nêm vào trộn cho thấm gia vị, cuối cùng cho hạt sen đã luộc vào, trộn đều hỗn hợp.

Nấu cơm:

Vò gạo, cho vào nồi đất, cho nước luộc hạt sen cùng một chút muối vào, bắc lên bếp nấu, canh nước vừa để cơm khô xốp, (không để nhão). Cơm cạn nước, cho hỗn hợp nhân vào trên mặt, đậy nắp tiếp tục ghế với lửa nhỏ, để khoảng 10 phút, cơm chín nhắc ra ăn.

Dọn ăn, trang trí vài cọng ngò rí cho đẹp và ăn kèm nước tương có vài lát ớt.

---

## Nấm đậu xào xúc bánh đa

Nguyên liệu:

- 200g nấm bào ngư xám hay nấm mỡ
- 10 tai nấm đông cô
- 1 miếng đậu hũ chiên
- 2 muỗng súp boa rô băm (hoặc hành tỏi băm)
- 1 gói bánh đa nướng
- 100g đậu phộng rang giã dập (không nát)
- 1 ít rau răm rửa sạch, cắt hơi to
- Hạt nêm, đường, nước tương, 1 trái ớt cay băm nhỏ

Cách làm:

Nấm đông cô ngâm mềm rửa sạch vắt ráo cắt hạt lựu, nấm bào ngư rửa sạch cắt hạt lựu, miếng đậu hũ xẻ mỏng làm 3, chiên

vàng cắt hạt lựu.

Bắc cháo lên bếp, cho 2 muỗng súp dầu ăn vào đợi nóng, cho boia rô hay hành tỏi vào xào cho vàng thơm, cho nấm đông cô vào xào, tiếp theo cho nấm bào ngư và đậu hũ vào, cho vào 1 muỗng cà phê đường, 1 muỗng súp hạt nêm và 2 muỗng nước tương, trộn đều thấm gia vị, cho đậu phộng giã hơi dập vào, cho rau răm và ớt băm trộn lên đều, tắt lửa.

Cho ra đĩa, món này dùng xúc với bánh đa, có thể làm món khai vị.



# Theo dòng Đạo sự

Thanh Hiền

**01/9 ĐD (20/10/17):** Ngoại giao vụ, đại diện Cơ Quan tham dự buổi giới thiệu Luật tín ngưỡng tôn giáo tại Văn phòng Quận Ủy Q.1, 30 Phùng Khắc Khoan, Q.1.

**03/9 ĐD (22/10/17):** Thánh tịnh Vĩnh Sơn Quang (Gò Công – Tiền Giang) long trọng tổ chức lễ kỷ niệm ngày đăng tiên của Đức Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt.

**07/9 ĐD (26/10/17):** Đạo huynh Tổng Thư Ký Huệ Ý tham dự buổi tọa đàm “Giải pháp tuyên truyền, vận động bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trong đồng bào các Tôn giáo trên địa bàn TPHCM” do UBMTTQ Thành phố tổ chức.

**08/9 ĐD (27/10/17):** Phái đoàn Cơ Quan gồm Ngoại Giao Vụ, Tập Đoàn Giáo Sĩ, do Đạo huynh Tổng Thư Ký Huệ Ý dẫn đầu, tham dự Hội nghị Liên Tôn lần VII với chủ đề “Đồng tâm kiến tạo Nhân Hòa” tại Trung Tâm Mục Vụ Tổng Giáo phận TP.HCM, 6Bis Tôn Đức Thắng, Q.1. Giáo sĩ Hồng Mai – Trưởng Tập Đoàn Giáo Sĩ – trình bày đề tài: “Nhơn hòa trong giáo lý Cao Đài”.

Cùng ngày, đại diện Ngoại Giao Vụ dự lễ kỷ niệm 68 năm ngày thành lập Thánh tịnh Tam Thanh Bửu Điện (Long An).

**09/9 ĐD (28/10/17):** Thánh tịnh An Thiên (Vĩnh Long) tổ chức lễ Trùng cửu cầu siêu cho Cửu Huyền Thất Tổ.

Cùng ngày, Thánh tịnh Ngọc Long Thành (Long An) cũng

tổ chức lễ Trùng cửu báo ân Cửu Huyền Thất Tổ miền Trung Giang (hình 1).

**14/9 ĐĐ (02/11/17):** Thánh Tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc long trọng tổ chức lễ kỷ niệm 82 năm thành lập Thánh Tòa. Nhân dịp này, Đạo huynh Q. Ngoại Giao Vụ Trưởng Chí Thật được mời thuyết trình đề tài: “Đạo Đồi tương đắc”.

**19/9 ĐĐ (07/11/17):** Đại diện Ngoại Giao Vụ tham dự lễ kỷ niệm lần thứ 49 ngày thành lập Thánh thất Minh Tân Cao Tiên Đàn (Thuộc Hội Thánh Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý) trùng dụng lễ Tưởng niệm Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. Nhân dịp này, Nội Chánh Vụ Phó Diệu Nguyên được mời thuyết trình đề tài: “Học tập lời dạy của Đức Quan Âm Bồ Tát: Đạo đức là lương phương diệu dược” (hình 2).

**20, 21, 22/9 ĐĐ (08, 09, 10/11/17):** Đạo huynh Đạt Nhứt và Đạo huynh Minh Đức tham dự lớp Bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng

1





và An ninh cho các Chức sắc trong các Tôn giáo tại Học viện Cán bộ Thành phố HCM.

**21/9 ĐD (09/11/17):** Thánh tịnh Tây Tông Vô Cực Cung (Bến Tre) trân trọng tổ chức lễ kỷ niệm ngày đăng tiên của Anh Cả Giáo Tông Thiện Pháp.

**22/9 ĐD (10/11/17):** Đại diện Cơ Quan tham dự lễ kỷ niệm 87 năm ngày truyền thống MTTQVN và ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc tại Hội trường Tổng Cty Điện lực TP.HCM, 35 Tôn Đức Thắng, Q.1.

**24/9 ĐD (12/11/17):** Đại diện Cơ Quan tham dự lễ kỷ niệm 87 năm ngày truyền thống MTTQVN và ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc tại phường Nguyễn Cư Trinh.

**25/9 ĐD (13/11/17):** Thánh tịnh Trước Mai (Cần Thơ) tổ chức lễ kỷ niệm ngày đăng tiên của Đức Chưởng Pháp Phan Lương Hiền – Thất hiền của Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên (hình 3).



2

**27/9 ĐD (15/11/17):** Phái đoàn Cơ Quan dự lễ kỷ niệm 43 năm tái thiết và tri ân chư tiền bối Thánh tịnh Chiếu Minh Ấn Giáo, Cần Thơ.

**13/10 ĐD (30/11/17):** Đạo huynh Phó Tổng Thư ký Cơ Quan Thiện Hạnh và Vụ phó Ngoại giao vụ Đạt Nhứt tham dự lễ kỷ niệm hội ký và liên giao hành đạo tại Thánh thất Từ Vân.

Cùng ngày, đại diện Ngoại Giao Vụ tham dự Đại Lễ Maulid (Hồi giáo) tại 45 Nam kỳ Khởi Nghĩa, Q.3 (hình 4).

**14/10 ĐD (01/12/17):** Liên Hoa Cửu Cung Thiên Đạo Học Đường long trọng tổ chức lễ kỷ niệm Khai Minh Đại Đạo và 88 năm thành lập Thánh sở (hình 5).

Cùng ngày, Thánh thất Trung Minh và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo trân trọng tổ chức lễ kỷ niệm ngày đăng tiên của cố Đạo trưởng Huệ Lương Trần Văn Quế – Tổng Lý Minh Đạo đầu tiên của Cơ Quan, đồng thời cũng là Đầu Sư Ngọc Quế Thanh

3





Chủ Trưởng Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài và Vĩnh Tịnh Sư Minh Lý Thánh Hội.

**15/10 ĐD (02/12/17):** Đạo huynh Cố vấn Văn Phòng Tổng Thư Ký Thiện Chí và Đạo huynh Vụ phó Ngoại giao Vụ Đạt Nhứt dự Đại Hội Nhơn Sanh Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo nhiệm kỳ V (2017–2022) tại Tòa Thánh Bến Tre 100C Trương Định P.6, TP. Bến Tre.

**18/10 ĐD (05/12/17):** Đạo huynh Q.Ngoại Giao Vụ Trưởng Đạt Thật dự lễ kỷ niệm 49 năm thành lập Đền Thờ Phật Mẫu Phước Thạnh Tự (Vĩnh Long) và kỷ niệm Đức Phật Mẫu Giáng Sanh. Tối ngày 17–10, trước buổi lễ chính, Đạo huynh được mời thuyết trình đề tài: Phước huệ song tu.

**26/10 ĐD (13/12/17):** Quý đạo hữu Minh Lý Thánh Hội, Hội Thánh Truyền Giáo và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý cùng nhau



thảo luận về quê Sơn Trạch Tồn trong Kinh Dịch tại Tam Tông Miếu trước khóa tu Đông Chí Đinh Dậu.

**07/11 ĐD (24/12/17):** Thánh thất Bàu Sen long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm Chúa Giáng Sinh và 50 năm tái thiết Thánh sở. Nhân dịp này, Đạo huynh Q. Ngoại Giao Vụ Trưởng Đạt Thật được mời thuyết trình đề tài: Sự bình an.

**09/11 ĐD (26/12/17):** Thánh tịnh Bắc Đẩu Cung tổ chức Lễ An vị các Nghi thờ ngôi Tam Đài.

Cùng ngày Thánh tịnh Thanh Long Điện (Bến Tre) tổ chức Lễ kỷ niệm 79 năm thành lập.

**19/11 ĐD (05/01/18):** Thánh tịnh Thanh Minh Đài (Bình Chánh) tổ chức Lễ kỷ niệm 25 năm thành lập.

**21/11 ĐD (07/01/18):** Thánh tịnh Hiền Thiện Võ tổ chức Lễ khánh thành Thiên Phong Đường nhà Tây Lang.

5



TRUYỆN TRANH

# Ngài Ngô Văn Chiêu:

## Môn đệ đầu tiên của Cao Đài (kỳ 9)



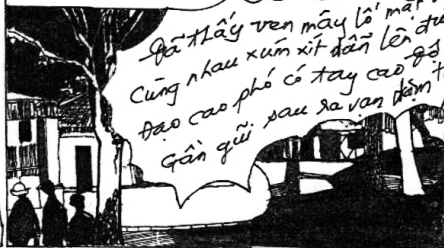
SÀI GÒN, CHIỀU 30 TẾT (2/1926)

NGÔ TIÊN BỘI ĐI CÙNG HAI VỊ CỤ, TÁC, ĐẾN NHÀ XUÂN TÙNG NHÀ BẠN ĐẠO: VÕ VĂN SANG, CAO SỰNH CỤ, VƯƠNG SUAN KỲ, LÊ VĂN GIẢNG, NGUYỄN TRUNG HẬU, NGUYỄN VĂN HOÀI, PHẠM CÔNG TẮC, ĐOÀN VĂN BÀN, NGUYỄN HỮU ĐẮC, LÝ TRỌNG SUY.



TÙNG NHÀ, TIÊN BỘI NGÔ VĂN CHIEU VÀ CẶP ĐỒNG TẬP CỤ, TÁC LẬP ĐÀN CỜ. ĐỨC CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐÀN CHO MỖI VỊ, MỘT BÀI THÌ

CUỐI CÙNG, ĐẾN NHÀ TIÊN BỘI LÊ VĂN TRUNG THÌ VỪA KIP ĐÓN GIAO THỪA VÀ TẾT NGUYÊN ĐÀN BÌNH DÂN



*Ông thấy ven mây là mặt đường  
Cũng nhau xum xít dần lên đường  
Đạo cao phò có tay cao ở trường  
Gần gũi sau xa van đăm*

TẾT NGUYÊN ĐÀN BÌNH DÂN TRỜI QUA ĐÊM MUNG 9, TẠI NHÀ TIÊN BỘI VƯƠNG SUAN KỲ, ĐỨC CAO ĐÀI DẠY: " BỮU TÒA THƠ THỜI TRỞ THÊM HOA/ MÂY NHẢNH RỜI SAU CỨNG MỘT NHÀ/ CHUNG HIỆP RẮNG YUN NÊN ĐẠO ĐỨC/ ĐÉN LÔNG SƠN SẮT ĐÉN CÙNG TA "

BẠCH THẦY, XIN THẦY CHO CHÚNG ĐỀ TỪ MỘT BÀI THÌ KỶ NIỆM CỐ TIÊN NHỮNG NGƯỜI DỰ ĐÀN



ĐỨC CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐÀN CHO ĐÓN CẦU THƠ...

CHIỀU KỶ TRUNG ĐỖ ĐÀN HOÀI SANH/ BẠN ĐẠO KHAI SANG QUÝ GIẢNG THANH/ HẬU ĐỨC TẮC CỬ THIÊN ĐỊA CẢNH/ HUYỀN MINH MÀN ĐẠO THỦ ĐÀI DANH





BÀ THANH THÌ NẾU MƯỜI HAI TÊN, NHỮNG ĐIỂM DANH MƯỜI BA ĐỀ TỬ ĐẦU TIÊN (VỢ VĂN SANG TRUNG TÊN VỢ CAO HOÀI SANG), TRONG ĐÓ TIÊN ĐỜI NGỒ VĂN CHIÊU ĐỪNG ĐÁU, LÀM ANH CẢ.



HIẾU, CON MAY MÃO GIẢO TÔNG MÀU TRẮNG. CAO 333 CM, CÓ HAI DÁI THÔNG XƯƠNG VAI...



Tháng 6-1926  
Ngồ Tiên bởi xin nghỉ  
việc sáu tháng để đi  
thăm núi Tả Lớn  
theo lệnh của Đức  
Cao Đãi. Lúc này,  
nhiều môn sanh ở  
Côn Thờ đến xin th  
pháp, hình đến  
Chiêu Minh dẫn



(CÒN TIẾP)

## **PHƯƠNG DANH QUÝ HUYNH, TỶ, ĐỆ, MUỘI CÔNG QUẢ ẤN TỔNG KINH SÁCH (TIẾP THEO)**

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý chân thành cảm tạ  
quý đạo hữu tiếp tục hỗ trợ đạo sự Ấn tống Quý III – 2017

1. Đạo tâm Lê Thị Thanh Loan	200.000đ
2. Đạo tâm Duyên	200.000đ
3. Đạo tâm Lê Văn Phúc	2.000.000đ
4. Đạo tâm Huỳnh Công Khanh	100.000đ
5. Đạo tâm Lê Minh Trí	500.000đ
6. Cố Đạo tâm Thanh Chơn	2.000.000đ
7. Đạo tâm Phạm Thị Thới	200.000đ
8. Cố Đạo tâm Thiện Đạo	10.000.000đ
9. Đạo tâm Mai Văn Út	200.000đ
10. Đạo tâm Nguyễn Thị Mỹ Uyên	200.000đ
11. Cao Phượng Liên – T.Thất Ngọc Điện Đàn Khóm 5, T.Trấn Đầm Dơi	100.000đ
12. Cao Yến Phương – T.Thất Ngọc Điện Đàn Khóm 5, T.Trấn Đầm Dơi	100.000đ
13. Cao Triệu Nam – T.Thất Ngọc Điện Đàn Khóm 5, T.Trấn Đầm Dơi	100.000đ
14. Đạo tâm Mai Thị Hạnh	500.000đ
15. Đạo tâm Nghi Dung	500.000đ
<b>TỔNG CỘNG:</b>	<b>16.900.000đ</b>
CHI: In Cao Đài Giáo Lý số Đông Đỉnh Dậu 141	14.600.000đ



SÁCH ẤN TỔNG  
KHÔNG BÁN